

VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

15 THÁNG SÁU NĂM 1983
JUNI 1983

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Chương trình Đại lễ VU LAN BÁO HIẾU

Tại HANNOVER trong những ngày 19, 20 và 21.8.1983

Thứ sáu ngày 19 tháng 8 năm 1983:

- 15:00 Ban Văn Nghệ và Ban Trai Soạn tập trung tại Jugendzentrum Hannover-Linden - (Badenstedterstr.41.Tel.0511-445-835) và tại chùa Viên Giác, Eichelkampstr.35A 3000 Hannover 81.Tel.0511-864638.
- 18:00 Cơm tối
- 20:00 - Họp Ban Tổ Chức
- Tung kính Báo Hiếu Phụ Mẫu tại chùa và xem phim ảnh Phật Giáo
- 24:00 Chi' tịnh

Thứ bảy ngày 20 tháng 8 năm 1983:

- 07:00 Công phu khuya tại Chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09-10:00 Đồng Bào Phật Tử' từ các phường xa về chùa và Jugendzentrum
- 10:00 Lễ Cầu Siêu Cửu Huyền Thất Tổ'
- 11:00 Lễ Tiên Linh
- 12:00 Ngọ trai
- 14:00 - Họp Chi Bộ và Họp Hội Phật Tử' Việt Nam tại Tây Đức. Tổng kết những thành quả đạt được trong năm và chương trình trong năm mới.
- "Kiếp sống của nhân sinh theo tinh thần Phật Giáo" do Đại Đức Thích Như Điện thuyết giảng tại Jugendzentrum.
- 18:00 Cơm tối
- 19:30 Đêm văn nghệ "Hát Cho Quê Hương" nhân mùa Vu Lan báo hiếu sẽ do Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử' Tây Đức đảm trách cùng sự trợ lực của tất cả các anh chị em nghệ sĩ' từ đó khắp nơi đã gửi danh sách trước tham dự Đại Lễ về chùa.
- 23:00 Đêm văn nghệ chấm dứt
- 24:00 Chi' tịnh.

Chủ nhật ngày 21 tháng 8 năm 1983:

- 07:00 Công phu khuya tại chùa
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Di chuyển từ Jugendzentrum về chùa
- 10:30 - Nghi lễ chính thức bắt đầu
- Lễ dâng hoa cúng dường Đại Lễ Vu Lan báo hiếu
- Đạo Tử' của Đại Đức Trụ trì
- Lễ tuyên sớ cầu siêu cho chư tiên linh quá vãng, cửu huyền thất tổ'
- Lễ cài hoa lên áo (cho những ai còn mẹ mầu Hồng, cho những ai mất mẹ mầu trắng)
- 12:00 Cúng dường trai tăng
- 12:30 Ngọ trai
- 13:30 Lễ Quy Y Tam Bảo
- 15:00 Chấm dứt chương trình

Những điều cần lưu ý:

- Để có phương tiện cho Ban Trai Soạn lo về vấn đề ẩm thực cho quý vị. Mong mỗi vị tham dự Đại Lễ đóng góp 20,00DM.
- Xin thông báo số người về tham dự bằng thư hay bằng điện thoại để Ban Tổ Chức dự trù lo nơi ăn, chôn ở' cho Quý Vị.
- Xin gửi trả lại sớ: "Xin lễ Cầu Siêu" về chùa để tiện bề làm sớ giấy! Quý vị sẽ nhận được vào cuối tháng 7, đầu tháng 8)
- Những vị nào muốn quy y Tam Bảo xin gửi tên họ, ngày và năm sinh, địa chỉ về chùa để tiện việc viết phái; và điều cốt yếu là người xin quy y phải có mặt tại chùa lúc làm lễ quy y.

Trong số này
in dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn.....	Trang.....	01
Một ngôi chùa VN tại TP.....		02
Tinh thần và hình thái.....		05
Cảnh giới Hoa Nghiêm.....		09
Lá Thờ Tịnh Độ.....		12
Đạo Phật trong lĩnh vực.....		15
Lục Thừa Phật Giáo.....		19
Việt Nam Phong Sự.....		22
Quốc Sự Tạp Lục.....		24
Truyện Hùng Đạo Vương.....		28
Thơ.....		31
Allgemeine Buddhalehre.....		32
Gefangener des Vietcong.....		34
Die illustr. Gesch. Buddha.....		38
Das Wunder, Wach zu sein.....		41
Bereichern unser. Buddh. W.....		45
Thơ.....		48
Những ngày di đặng ký.....		49
Đông không biên giới.....		52
Nghiệp báo và Tịnh Độ.....		55
Oan tình thiếu phụ NX.....		58
Hạnh phúc của Thi.....		60
Hương về Tu Viện.....		63
Một câu chuyện nhân ngày PD65.....		65
Tâm niệm của một Phật Tử.....		67
Trang Giáo Lý GDPT.....		69
Gia Chánh Chay.....		71
Tin Tức.....		72
Thông Cáo.....		75
Hình ảnh sinh hoạt PD.....		76
Một ý kiến đóng góp.....		78
Phương danh quý Phật Tử.....		80

Chủ trương Thích Như Điển
Herausgeber
Kỹ thuật Thị Chơn
Lay out

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiêu bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d. vietn. buddh.
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN
Vietnam. buddh. Kulturzentrum
Eichenkampstr 35a, 3000 Hannover 81
Tel 0511. 864638



Thư tòa soạn

Đức Phật dạy rằng: "Phục vụ chúng sinh tức cúng dường chư Phật". Chỗ nào chúng sanh cần đến, chúng ta giúp đỡ, an ủi, vỗ về họ. Khi nào chúng sanh khổ đau, người làm tôn giáo phải cố bỏn phận hòa mình vào trong cái đau khổ của kẻ khác, để nhận chân được rằng Phật Giáo là một Tôn Giáo xuất hiện ra nơi đời này vì kẻ khác, chứ không vì một cá nhân nào.

Ngày nay biết bao nhiêu vạn sinh linh mang tên người Việt Miên, Lào... đã chết chìm trên biển cả. Hoặc bị hải tặc cướp đớp, hoặc bị tra tấn tù đầy trong những trại tạm cư tại Thái Lan, và các trại Đông Nam Á. Người ngoại quốc ở những nước Tây phương đã ra tay tế độ suốt mấy năm nay - họ đã vì tình thương và nhân đạo nên đã bỏ tài lực, vật lực và công sức để đi cứu vớt thuyền nhân. Do đó, chúng ta lang người Việt Nam, chúng ta cũng phải có bổn phận đó. Bổn phận của những người Phật Tử - đóng góp kẻ ít người nhiều để phục vụ chúng sanh, tức đã biết cúng dường chư Phật.

Bác Sĩ Neudeck đã có lời kêu gọi cho chiếc tàu Gölo/ Cap Anamur II hoạt động lại. Vậy chúng ta không vì bất cứ một lý do gì mà chối từ những nghĩa cử cao đẹp đó. Mong rằng tất cả đồng bào Phật Tử cũng như không Phật Tử hưởng ứng cho.

Cứu được một mạng người, tức chúng ta đã gây được một nhân thiện - càng cứu được nhiều mạng người, người làm phước có được nhiều tình thương và trí tuệ ở kiếp vị lai. Đức Phật và các vị Bồ Tát trong quá khứ, hiện tại hay nhân đến vị lai - con đường Bồ Tát - không thể ra ngoài sự cứu khổ ở đây. Vậy chúng ta là những người Phật Tử, muốn đi trên con đường của Đức Phật và những vị Bồ Tát, không thể ngoài Pháp môn này mà có được.

Nguyện cầu Phật lực oai linh gia hộ cho tất cả chúng ta có đầy đủ 3 đức tính BI TRI DŨNG để đem Đạo vào đời càng ngày càng được phát triển nhiều hơn.

— VIÊN GIÁC —

MỘT NGÔI CHÙA VIỆT NAM

tại TÂY ĐỨC

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Tại một quốc độ quá xa xôi nghìn dặm với quê hương, ít ai có thể nghĩ rằng một ngày nào đó đất chân đến, ở lại nơi đây, để rồi gắn bó với nơi này, như là một quê hương thứ hai của bao nhiêu người Việt Nam trong quá khứ. Nhưng hiện tại là hiện thực - vì chế độ Cộng Sản tại Việt Nam không thực hiện được những sự tự do căn bản của người dân - nên đã ăn chúng mới bỏ nước ra đi để tìm hai chữ "Tự Do".

Nước Đức là nơi mà có người Việt đông thứ nhì tại Âu Châu, sau Pháp. Trong đó đại đa số là đồng bào Phật tử. Kể từ năm 1978 Đức bắt đầu thu nhận thuyền nhân tỵ nạn một cách nhanh chóng hơn bao giờ hết; tiếp theo tàu Cap Anamur I cũng đã cứu được hơn 9.000 người lên bờ trên biển cả - tất cả được về định cư nơi nước Đức. Tổng cộng số đồng bào tỵ nạn Cộng Sản Việt Nam tại Đức hiện nay lên đến hơn 20.000 người. Những năm tháng đầu tiên, chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức đã lo rất chu toàn cho người mới đến tỵ nạn - ngay cả trong hiện tại cũng thế. Ngoài vấn đề chỗ ăn, chỗ ở, học chữ, học nghề, việc làm v.v... chính phủ còn quan tâm đến đời sống tinh thần của đồng bào Việt Nam nữa. Vì chính phủ nghĩ rằng - một người có tôn giáo thì vấn đề an ninh, trật tự xã hội của họ, chính phủ đỡ phải lo và tốn hao hơn là những người không có Đạo Đức hoặc không tin theo một Tôn giáo nào - nên chính quyền đã giúp đỡ Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam cũng như Hội Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức có được ngôi chùa Viên Giác tạm thời tại Hannover (xin xem Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại của Đại Đức Thích Như Điển để biết thêm nhiều về chi tiết hơn). Trên nguyên tắc chính quyền tài trợ 2/3 cho mọi chi tiêu của chùa bất cứ ở phương diện nào đã được đề trình trước đó một năm - và sự tài trợ ấy cũng không biết bao giờ mới chấm dứt - mà lệ thuộc vào hiệu quả việc làm của chùa để kéo dài thời gian mà thôi. Kể cho đến năm 1983 - chùa đã nhận sự giúp đỡ của chính quyền hơn 5 năm rồi - đã tạo được sự tin tưởng càng ngày càng nhiều và có nhiều triển vọng trong tương lai hơn thế nữa. Nếu ngôi chùa Viên Giác trong hiện tại không có sự tài trợ của chính quyền thì không thể nào đứng vững. Vì tiền thuê chùa mỗi tháng 3.000 DM chính phủ đều trả hết. Chùa chỉ lo trả tiền điện, gas, nước, bút chỉ văn phòng, những lễ lộc nhỏ v.v... mỗi tháng cũng đã lên đến 2.000 DM. Số tiền này do Phật tử cúng dường định kỳ và bất thường bù đắp vào. Nếu kể tổng số chi trong năm 1982 thì lên đến 150.000 DM phần chính quyền 2/3 và đồng bào Phật tử đóng góp được 1/3. Nhưng nếu mỗi năm số Phật tử lại gia tăng, sự chi và thu cũng tăng mãi như thế - chúng ta thuê như thế cũng rất uổng. Mặc dầu nơi đây có thể dung chứa được số đông người trong khi hành lễ. Bên trong chùa thì hoàn toàn cổ kính cách Việt Nam; nhưng bên ngoài thì chưa thấy một dấu hiệu nào thuần túy Á Đông cả. Mặc dầu có cờ Phật Giáo tung bay phất phới, nhưng không có công tam quan, không mái uôn cong vườn chùa không có nhiều cây cổ thụ và cây ăn quả v.v... Cũng vì lý do đó cho nên có nhiều vị Phật tử hảo tâm mới đề nghị với chúng tôi rằng: "Tại sao chúng ta không xây một ngôi chùa Việt Nam tại nước Đức, trong khi chúng ta chưa về nước? Mà nếu mai này chúng ta có trở về Việt Nam được đi chăng nữa. Đó cũng là di sản văn hóa của Giáo Hội tại nước ngoài. Tại sao chúng ta không thể thực hiện điều đó?"

Tôi trả lời rằng: "Số dĩ mấy năm nay còn chân chổ chưa tính kế hoạch ấy, vì bà con Phật tử mới đến Tây Đức, công ăn việc làm chưa có, chuyện ăn, chỗ ở chưa yên làm sao có đủ tiền để góp phần mình vào công việc đại sự ấy được. Và lại chùa còn có sự giúp đỡ của

chính quyền. Vậy ta hãy chờ đợi thời gian nhiều chừng nào hay chừng đó". Nhưng đó chỉ là một lối giải thích tạm thời, và ý của chúng tôi, cũng muốn làm một ngôi chùa Việt Nam tại Tây Đức; nhưng nếu làm một ngôi chùa thì phải lớn hơn ngôi chùa trong hiện tại và có nhiều đồng nét Á Đông hơn. Việc thực hiện một ngôi chùa đại quy mô như thế phải cần rất nhiều nhân lực và tài lực - Chúng tôi dự trù ngôi chùa sẽ được cất trên một khoảng đất rộng từ 3.000 m² trở lên. Giá mỗi mét vuông đất hiện tại là 130 DM - 200 DM. Vậy chi tiền đất không cũng tốn là 3.000 x 130 = 390.000 - 600.000 DM. Đó là chưa kể tiền xây. Tiền xây cất và tiền đất được tính chung là 2.000.000 DM, có thể tăng hơn nữa so với giá cả trong những năm đến.

Về địa điểm, ngôi chùa sẽ nằm tại đâu chúng ta chưa quan tâm đến - nơi nào thuận lợi cho đông đảo nhất là ta sẽ làm chùa, và chùa phải nằm nơi một vị trí có đầy đủ phong cảnh là một Thiên môn và có phương tiện di chuyển dễ dàng. Chúng tôi đang tìm một kiến trúc sư Việt Nam học tại Đức để có thể vẽ những họa đồ chùa trong tương lai. Vậy vị nào biết xin mách bảo giúp để chúng tôi được nhờ.

Thời gian bắt đầu việc xây chùa và mua đất được hạn định là 4 năm sau ngày kêu gọi này. Tức vào khoảng cuối năm 1986 đầu 1987. Tuy nhiên việc thực hiện có thể sớm hơn, nếu đã đủ số tiền 2 triệu đồng và cũng có thể chậm hơn, nếu chưa đủ số. Có nhiều vị đề nghị rằng cứ kêu gọi ngay từ bây giờ - vị nào muốn ủng hộ chương trình làm chùa thì cứ gửi thẳng về chùa hoặc vào số Konto của chùa để dành đó, chờ khi có đất thì có đủ tiền để mua; nếu không làm thì thì không thì nào cho kịp.

Đó chỉ là một ý kiến; nhưng chúng tôi nghĩ rằng, chỉ có ủng hộ như thế - đó đồng mỗi năm chúng 30 đến 50.000 DM thì mấy mươi năm sau mới xây dựng được ngôi chùa thực thu trị giá 2 triệu đồng. Do đó, chúng tôi có một số ý kiến đề nghị như sau:

1/ Chúng tôi sẽ đặt hạn vãn đề này với chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức trong năm tới - Nếu có thể được, họ giúp cho chùa một miếng đất công để từ mình xây cất, thay vì cứ giúp mỗi năm cho chùa - chính phủ cũng tốn phí quá nhiều mà ngôi chùa thuê mướn vẫn hoàn thuê mướn. Hoặc chính phủ giúp một số tiền tương đương 500.000 cho đến một triệu đồng chỉ một lần và khỏi giúp đỡ hằng năm nữa. Đây chỉ là một đề nghị và chính phủ có đồng ý hay không lại là một chuyện khác. Được hay không chúng tôi sẽ cho quý vị biết vào khoảng tháng 5 năm 1984.

2/ Đề nghị thứ hai của chúng tôi rất thiết thực và cụ thể - mà ý kiến này đã đóng góp rất nhiều nơi tại Úc, Canada và Mỹ trong việc mua chùa như sau:

- chùa tổ chức hội thiện. Hội thiện là hội không lời. Lần đầu tiên chùa sẽ hết hết số tiền đó và chùa sẽ cho bốc thăm - bắt đầu sau khi đã xây chùa xong - để trả lại nợ cho Phật tử. Có nhiều người hỏi rằng, vậy chùa lấy tiền ở đâu để trả lại cho Phật tử? Xin trả lời rằng: chùa lấy tiền định kỳ và bất thường hằng tháng để trả lại. Vì nào có hảo tâm cúng vào chùa thì khỏi trả. Vị nào muốn nhận lại thì chùa cho rút thăm. Có như thế chùa mới có được một số tiền nhiều trong một lúc - vì đất họ bán - thông thường phải chôn tiền trong 1 đến 2 tháng - nếu không có kế hoạch này sẽ không bao giờ mua đất được. Mặt khác Phật tử hay không Phật tử cũng có thể cho chùa mướn được. Vì họ cho mướn như thế không sợ mất, mà còn được phước đức nữa.

Có nhiều người đề nghị mướn ngân hàng, nhưng ngân hàng sẽ không cho chùa mướn vì chùa không có lợi tức nhất định. Và nếu ngân hàng cho mướn, số tiền lợi mỗi năm 17% chắc rằng chùa sẽ không chịu nổi.

Do đó chúng tôi xin thành tâm kêu gọi mỗi vị Phật tử hoặc không Phật tử góp vào Hội Thiện mỗi phần là 1.000 DM. Vị nào có khả năng có thể đóng góp 2 hoặc 3 cổ phần cũng rất tốt. Nếu được 1.000 cổ phần thì chùa sẽ có 1.000.000 DM để giải quyết vấn đề mua đất cất hoặc làm chùa ngay trong một thời gian rất ngắn. Và số tiền được trả lại chia ra, là 500 tháng tức 42 năm. Mỗi tháng chùa trả lại 1.000 DM hoặc 2.000 DM cho Phật tử thì số

năm sẽ giảm xuống phân nửa. Quý vị nào đồng ý cho chùa miễn như trên, xin cho biết tôn ý để khi có đất, chúng tôi sẽ kêu gọi quý vị góp tiền ngay, để việc chung khởi trê nãi.

3/ Trong tương lai gần sẽ có nhiều Phật tử đại diện cho chùa Viên Giác tại Hannover mang số vàng - có giấy giới thiệu và ấn dấu của chùa đến từng nhà của quý vị để cõ động vãn đê trên. Tùy theo khả năng và hoàn cảnh, xin quý vị vui lòng đóng góp, ký tên vào số vàng. Có thể cúng dường trực tiếp hoặc hứa cho miễn hồi thiện, với đầy đủ họ tên và địa chỉ để sau này chùa tiện bề liên lạc hoặc gửi thờ cảm ơn Quý vị v.v...

4/ Quý vị nào gửi về chùa, có thể gửi trong phong bì, nhưng xin ghi rõ "cúng dường v à o việc xây chùa Viên Giác". Nếu quý vị nào gửi vào Kõnto xin gửi Kõnto số 8657470 Deutsche Bank Hannover BLZ 250 700 70 - Xin đê chữ Việt "Quý xây chùa Viên Giác" hoặc "Für die Errichtung der Pagode Viên Giác".

Tất cả việc cúng dường của quý vị đều có thể xin lại thuế từ chính phủ ở mỗi đầu năm - và chùa sẽ gửi đến quý vị một biên nhận bằng tiếng Đức nếu quý vị yêu cầu.

Trùng đót đầu phát động việc xây chùa này có anh Phật tử Nha sĩ, Tô Vĩnh Hòa đã cúng dường 6.000 DM và có lẽ còn nhiều vị Phật tử hảo tâm khác sẽ hưởng ứng việc này.

Chúng tôi cũng xin kêu gọi các vị Nha sĩ, Bác sĩ, các tiệm buôn, nhà hàng Việt Nam tại Tây Đức - Quý vị có thể cúng vào chùa làm công việc từ thiện trên đê tạo duyên lành ở i Phật pháp - đối đối được nhờ ơn và quý vị cũng chẳng thiệt thòi mất mát gì. Vì nếu quý vị không giúp chùa thì số tiền kia cũng bị đóng thuế cho chính phủ - mà đã đóng c h o chính phủ thì coi như mất luôn. Ngược lại cúng vào chùa, quý vị sẽ nhận lại được phần nào trong tiền cúng chùa đó từ chính phủ.

Vài lời thơ thiện xin gửi đến tất cả quý Đạo Hữu tại Tây Đức, tại Âu Châu cũng như khắp nơi trên thế giới. Kính mong quý vị tiếp tay cho.

Nguyện cầu Phật lực oai linh, gia hộ cho tất cả quý vị được sở cầu như nguyện.



TINH THÂN và HÌNH THÁI GIÁO DỤC của THIÊN HỌC

(tiếp theo)

THÍCH HẠNH TUẤN

B. HÌNH THÁI GIÁO DỤC CỦA THIÊN HỌC

I/ Huân luyện con người:

Trong nhiều kinh điển Đại Thừa Phật Giáo luôn luôn đề cao sự có mặt của con người ở thế giới này: "Nhân thân Nan đắc-人身難得". Nhưng muốn duy trì nó không phải chuyện dễ, phải có một điều kiện huân luyện nó mới trở thành con người đúng nghĩa của NGƯỜI của nó, kéo một mai kia khi mất thân này rồi khó dâng lại (Vạn kiếp bất phục). Tuy con người quý thật, thế nhưng nó cũng đầy dẫy nghiệp chướng, do vô minh tham ái ngã chấp đưa đẩy. Để thích hợp với tinh thần tu đạo của Bồ Tát, một thiên sứ đã phủ nhận giá trị của một thiên sinh khi sống với đạo thiên. Phủ nhận con người tục tục, con người của ngã chấp, ngã ái, nhiệm ò để khẳng định con người tự tha nhất như bình đẳng. Có như vậy mới hòa nhập được căn thể hằng còn của vũ trụ. Thứ bậc vọng căn bản của con người luôn luôn vẫn là tham lam. Tham sống sợ chết, tham tiền của, tham danh lợi... Để biểu thị tinh thần xả kỷ phủ định con người, trong Vô môn Quan tác 46 có ghi: "Bách xích can đầu tọa đê nhân. Tuy nhiên đặc nhập vị vi chân. Bách xích can đầu tu tấn bộ. Thập phương thể giới hiện toàn thân-

百尺干頭坐底人,唯然得入未為真
百尺干頭須進步,十方世界現全身

Hãy quên mình đến tột độ, quên đi cả sự sống hàng ngày, leo lên đầu sào cao một trăm trượng, phải nhảy tung lên khoảng hư không không còn điểm tựa, khi ấy chân tịnh sẽ hiện rõ ràng hơn bao giờ hết. Chỉ có tinh thần xả kỷ mới dám làm những việc phi phàm như vậy. Có như thế buông bỏ cả thân lẫn tâm (thân tâm phóng hạ 身心放下) mới tiến đến sự chứng ngộ chứng đắc quàn vì tối thượng thừa.

Ngoài ra, Thiên còn một lối giáo dục rất nghiêm khắc như hét, găm, thảo, quát, đánh đập. Bên ngoài của lối giáo dục này tuy nhìn có vẻ thô bạo, nhưng thầy đều phát xuất dưới hình thức của lòng Đại Từ bi cao độ nhất. Tiếng hét, găm, thảo quát, đánh đập kia như tiếng sét đánh xuống đúng thời điểm khiến cho tâm trí của đồ đệ bừng sáng. Tâm trí họ chỉ cần một sự khai ngộ là đốn nhập như trái cây chín mùi chỉ cần một cơn gió nhẹ thoảng qua cũng đủ làm cho trái cây rụng.

II/ Qui thuận nơi thầy:

Thầy là người có nhiều kinh nghiệm trên bước đường tu hành, để hội đủ điều kiện, học đạo phải cầu thầy, qui thuận theo thầy. Đây là điều kiện tiên quyết, người học trở trọng bước đầu hoàn toàn theo sự giáo huấn của thầy. Hình thức thọ Tam qui và Ngũ giới đã nói lên được điều đó một cách tự nhiên. Sự học tập và tu luyện luôn luôn đi song song với nhau, đó cũng là chân tinh thần của Thiên học Phật Giáo. Giải học và Hành học - 解學 行學 - hai phương diện này, phải được thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Có như thế thì sự đạt ngộ chân lý mới có cơ duyên khế hợp. Trong học đạo dụng tâm tập V trang 474 đã ví người đệ tử như cây gỗ cần phải chạm trổ, thầy đối với trò cũng thế. Gỗ tốt gặp thầy khéo thì được đồ quý, ngược lại gỗ tốt mà gặp thợ không khéo thì gỗ ấy không thành đồ tốt, còn nếu gỗ xấu mà gặp tay thợ khéo cũng có thể uốn nên thành đồ quý (Hành đạo khả y đạo sư chi chánh dữ tà, cơ như lương tài sư thợ công tương, tưng tuy vi lương tài bất đắc lương công giá kỳ lệ vi chuồng. Tưng tuy khúc mộc ngộ hảo thủ giả, diệu công hốt hiện, tùy sư chánh tà hựu ngộ chón nguy-

行道可依導師之正與邪, 机如良

材师似工匠, 縱雖為良材不得良
 工者 奇勳未彰 縱雖曲未遇好手
 者妙功忽現 隨師正共邪有悟
 真偽

Như vậy người đệ tử sẽ tùy thuận theo thầy sẵn sàng bỏ mọi tri kiến trước đó để lắng lòng nghe theo lời dạy của thầy. Cũng trong học đạo dụng tâm, tập VI trang 475 nói lên tinh thần câu đạo khi tham vấn học đạo với thầy: "Tham vấn Pháp chỉ thời, tịnh thán tâm tịnh nhĩ mục, duy thính phụ sự pháp, cánh bất dao dư niệm, thân tâm nhất như-

参问法之時, 淨身心靜耳目, 唯聽
 父師法更不交餘念, 身心一如

(Trong khi tham vấn pháp, người đệ tử phải tịnh cả thân lẫn tâm, lắng tai mắt, chỉ một việc duy nhất là nghe pháp của Thầy dạy, không có giao động với một niệm nào khác, thân và Tâm như một).

III/ Vô sự độc ngộ:

Thầy là người đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tu tập của đệ tử, tuy nhiên trên khía cạnh chứng ngộ, thầy cũng chỉ là người tác duyên để khởi ngộ cho đệ tử. Người học trò đã có chánh giác thành nhân. Cho nên đến với thầy không phải để nhận lãnh một sự trao truyền nào hay về một tâm yếu nào. Bước tiến nhảy lên, bước thêm giác ngộ hoàn toàn do sự quyết định của người đệ tử. Sau khi ngộ pháp với bài kệ nổi tiếng: "Bồ Đề bốn vô thọ, Tâm phỉ minh cảnh đãi, Bốn lại vô nhất vật, Hà xứ nhà trần ai".

菩提本無樹, 心非明鏡台
 本來無一物, 何處惹塵埃

(Bồ đề vốn không cội, Tâm chẳng phải đài gương sáng, Xưa nay không một vật, Lây đâu nhiễm bụi trần).

Lục Tổ Huệ Năng (638-713) đã được Ngũ Tổ

Hoảng Nhân đưa qua sông bằng thuyền. Ngũ Tổ nói với Lục tổ: "Ta sẽ đưa nhà người qua bên kia bờ". Huệ Năng đáp: "Khi con mê, thì Thầy đò, khi con ngộ thì con tự đò lấy con". Với tinh thần này, người học trò đã trải qua quá trình tu tập được thầy khai ngộ, giờ này người đệ tử hoàn toàn quyết định sự sống của mình.

IV/ Đối thoại thiên học:

Tìm hiểu về sự đối thoại giữa thầy và trò trong thiên học, chúng ta hãy đề cập đến nhiều phương diện của nó. Có lúc Thiên dùng sự yên lặng để tra lời, có lúc dùng tiếng hét để giải nghi cho đệ tử như Lâm Tế dùng. Trong giới hạn có thể sử dụng được của ngôn từ nó chỉ giá trị trong vòng đối đãi, sự giải thích dài dòng của ngôn ngữ sẽ không có giá trị đối với người đã đạt ngộ. Vì thầy chỉ cần đánh một hèo là đủ đưa đệ tử sang vùng đất mới. Mọi sự đối thoại theo kiểu luận lý chỉ dùng để khai ngộ cho người đệ tử mới nhập môn.

Ngũ tổ hỏi: Ông từ đâu đến?

Lục tổ đáp: Lãnh Nam.

Tô hỏi : Ông muốn cầu gì?

Đáp : Chỉ cầu làm Phật.

Tô nói : Người Lãnh Nam không có tánh Phật, sao làm được Phật?

Dù vậy, đã quyết tìm cầu chân lý nên không ngã lòng với lời thủ thách đó. Huệ Năng bèn đáp ngay: "Người có Nam Bắc, tánh Phật không có Bắc Nam". Với lời đáp này, Huệ Năng làm đẹp lòng Ngũ Tổ. Lời đối đáp này sẽ không dùng đến khi người đệ tử đã có một trình độ cao. Có một lần có một ông Tăng hỏi Triệu Châu: "Lão nhân! Vì có người đến với Sư trần truồng, không gì dính thân hết, Sư sẽ bảo họ thế nào?"

Sư đáp : Vứt hết đi (phóng hạ lai)

放下來

Nhưng chúng ta thử đặt lại câu hỏi: Người đã trần truồng lấy gì để vứt??? Tuy nhiên đến giai đoạn này người đệ tử không cần hỏi nữa mà thầy cũng chẳng cần phải trả lời. Cuối cùng Thiên phải dùng đến sự yên lặng hoàn toàn, vượt ngoài sự nói năng biện luận:

- "Một hôm nọ trên ngọn núi Linh Thú, giữa chúng hội đồng đạo Đức Phật cầm hoa sen đưa lên cả chúng hội cùng ngó ngác, chỉ có Ngài Ma-Ha Ca-Diếp mỉm cười, liền được trao truyền đại pháp của Như Lai. Sự quan hệ giữa Thầy và trò ở đây chỉ còn như

là sự quan hệ không quan hệ gì. Người đê tú lần chót chỉ còn lột bỏ lớp vỏ. Chờ khi tâm ý chín mùi, vị thầy chỉ cần tác ý là tâm ý bừng sáng. Như gà mẹ mổ trứng cho gà con (khả mô đồng thời) 啐啄同時

Có nghi xem như đã gặp lúc.

V/ Sứ tứ tướng thừa:

Thiền cũng quan niệm việc truyền thừa giữa thầy và trò là làm cho mỗi đạo không dứt. Chư Phật trong ba đời cũng đều có sứ truyền thừa không dứt. Trong Kinh Pháp Hoa Phẩm thọ ký Đức Phật đã lần lượt thọ ký cho các vị đệ tử như Ma-Ha Ca-Điếp, Đạ i Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề v.v...

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ đó rồi bảo với Đại chúng mà xuống lời này: "O n g Ma-Ha Ca-Điếp đệ tử của Ta ở đời vị laise phụng thờ Ba trăm muôn ức của các đấng Thế Tôn, Cũng dưỡng cung kính ngợi khen rộng nói vô lượng đại Pháp của các đức Phật, ở nói thân rồi sau sẽ thành Phật hiệu là Quang-Minh Như-Lai, Ứng-Cúng Chánh-Biến - Tri, Minh-Hạnh-Túc, Thiện thế, Thế-Gian giải Vô-Thương-sĩ Điều-ngự Trượng-phu, Thiên-Nhơn-Sứ, Phật, Thế-Tôn... ".(1)

Chư Phật cũng thọ ký cho nhau, chư tôn nơi truyền Pháp. Từ lúc Phật truyền cho Ma- Ha Ca-Điếp nói tiếp đến đời thứ hai mươi tám là Bồ-Đề-Đạt-Ma. Đạt-Ma trở thành sơ tổ của thiền tông đồng độ, truyền đến nhị tổ là Huệ-Kha (486-593). Khi Đạt-Ma muốn trở lại Thiên Trúc bèn gọi môn nhân đến bảo:

- "Ngày Ta lên đường sắp đến, vậy các Người thứ trình xem chỗ sơ đắc của mỗi người về đạo Thiên?"

- Bấy giờ ông Đạo phó bạch: "Theo chỗ thầy của tôi chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự đó là chỗ sơ dụng của đạo".

- Tổ nói: Ông được phần da của tôi.

- Ni Tổng trì bạch: "Chỗ thầy của tôi nay như Khánh-Hỷ(A-Nan) nhìn vào nước Phật A-súc(Bất động) thấy một lần không thấy lại được".

- Tổ nói: Bà được phần thịt của tôi.

- Đạo dục bạch: "Bộn đại vốn không, năm âm vô ngã, chỗ thầy của tôi là không có gì sơ đắc hết.

- Tổ nói: Ông được phần xương của tôi. Rồi đến Huệ-Kha: Kha đến đánh lễ sư rồi cứ thế mà đứng thẳng không nói năng gì thêm.

- Tổ nói: Ông được phần tủy của tôi.(2). Huệ-Kha chính thức được truyền pháp t ư

đây.

Sứ truyền thừa như thế ngay cả Y bát để làm biểu tín cho đời sau. Lòng tin của người học đạo do đây mà phát khởi.

VI/ Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền:

Chân lý sẽ không bao giờ hiện lộ dưới thêm ngôn ngữ, ngôn ngữ chỉ có thể diễn tả được những khái niệm về một cái gì. Đạo lý giải thoát Niết-Bàn không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, nếu có chăng cũng chỉ là sự gương ép. Thật vậy, kinh điển chỉ muốn diễn tả cái gì cao hơn chính ngôn ngữ. Cho nên với Thiền, ngôn ngữ sẽ không được sử dụng. Do đó Thiền đã không bị vướng mắc ở nơi ngôn cú văn tự. Chân lý lý tưởng, mà Thiền muốn đạt đến vốn: "Ly tâm duyên tướng, ly danh tự tướng, ly ngôn thuyết tướng-

離心沿相 離名字相 離言說相

(Lìa hẳn ngôn ngữ, lìa hẳn văn tự, tâm không nghĩ đến được). Chẳng dùng Thiền tông đã dùng lời đó mà muốn diễn đạt chân lý t ối thượng ngoại giáo như Không Tử cũng đã từng than: "Tứ thời hành yên, Bách vật sanh yên, Thiên hà ngôn tai, Dư dục vô ngôn". Với Lão Tử thì: "Đại biện nhược một"- 大辨若喏.

đối với đạo thì: "Đạo khả đạo phi thường đạo

道可道非常道 (Đạo mà nói ra được chẳng phải là đạo chón thường)

Đức Phật đã hai lần lặng thinh đây triết lý Thiền, một lần sau khi thành đạo và một lần trước khi nhập Niết-Bàn. (Thị thời trung dạ tịch nhiên vô thanh-)

是時中夜寂然無聲

Kinh Di Giáo. Hay như ngài đã tuyên bố trong Kinh Lặng Giã: "Trong bốn mươi chín năm ta chưa từng nói lời nào".

Vô Môn quan tặc 6 kể lại câu chuyện truyền chấp không lập văn tự giữa Đức Phật và Ca-Điếp như sau: "... Ngộ hữu chánh pháp nhãn tạng, niết bản diệu tâm, thật tướng yô tướng vi diệu pháp môn, kim phó chúc ư như".

吾有正法眼藏 涅槃妙心實相 相 微妙法門 今付囑於汝

Sự chứng ngộ cũng như sự uống nước n ội n g lạnh tự biết, không thể dùng lời nói để diễn

tả cho người khác biết được về cái nóng lạnh của nước hay hương vị của nó, càng nói càng gây thêm ngộ nhận, càng đi xa chân lý. Câu chuyện Hương Nghiêm leo cây đã nói lên cái nguy hiểm của việc dùng ngôn ngữ sẽ làm mất mạng.

- "Vị như có người leo lên cây cao, tay chân không bám vào đâu cả, miệng, mũi, ngậm cành cây, dưới hốc núi hiểm trở, có người vọng lên hỏi: Ý của Bồ-Đề-Đạt-Matú Tây Trúc sang thế nào? Nếu đáp lời thì mất mạng, còn lặng thinh thì phụ lòng người hỏi. Làm sao? Làm sao???

Bất lập văn tự chính là chỉ thẳng vào tâm người để thành Phật". "Giáo ngoại biệt truyền, Bất lập văn tự, Trúc chỉ nhân tâm, Kiến tánh thành Phật"

教外別傳，不立文字，
直指人心，見性成佛。

Một hôm lên giảng đường Đào Nguyên nói: "Hùng thánh, cửu bất vị chúng thiết thoại. Phật điện Tăng đường kê thanh thụ ảnh, tông vị chư nhân thuyết liễu dã. Chư nhân văn đắc gia vị. Nhược đạo văn đắc thuyết cả thập ma. Nhược đạo bất văn, cô phụ tự ký".

(Giảng về Phật Pháp đã từ lâu ta không vì chúng nói. Điện Phật, Nhà Tăng, suối nước trong bóng mát, thầy đều vì các vị nói hết rồi. Các ngài có nghe chưa? Nếu nói rằng nghe là nghe nói gì? Còn, nói rằng chưa nghe là phụ lòng mình vậy). Ở đây chân lý dưới cái nhìn của các vị thiên sư, nó có mặt khắp ngàn cây nội cỏ, đồng lúa chín, vông khoai luống mạ, bông mát cây xanh, mọi tạo vật ở đây, đã là một, ban hòa tấu reo vui thánh ý chẳng cần giảng giải gì hơn.

Mặt khác, bất lập văn tự không có nghĩa là hoàn toàn phủ nhận văn tự. Như vậy chúng ta phải thấy chân lý qua văn tự bất lập. Vì, nếu không do ngón tay thì đâu thấy được mặt trăng? Dĩ nhiên ngón tay bao giờ cũng là ngón tay, còn mặt trăng bao giờ cũng là mặt trăng. Bất lập văn tự để thể nhập chân lý bằng bạc khắp cả vũ trụ.

Kinh điển ở đây không còn là Tam tạng được cất giữ lưu truyền mà nó đã bao gồm cả thiên nhiên: Từ loài súc sanh cho đến tu - la, đạo của thiên thượng nhập gian đều phải là Phật, pháp hã tất, phải nương tựa vào kinh điển: "Kinh quyển tận thập phương giới". (Kinh điển khắp cả mười phương). Bất lập văn tự như thế tức nhất thiết văn tự.

Vĩnh bình Quang Lục I trang 439 chép: "Tứ ngã thành Phật lại, Thường trụ thủ thuyết pháp. Mac đạo ngã tôn vô ngữ cú. (Ta từ thành Phật đến nay, thường nói pháp như thế đó, bằng cách đó, chớ bảo rằng Đức Thế Tôn ta không nói lời nào).

Một cách ngoạn mục hơn, Tô Đông Pha thì: "Khê thanh tiên thị quảng trường thiết, Sơn sắc khởi phi thanh tịnh tâm. Đa la bát vận tứ thiên kê, tha nhất như hà cư tự nhân?". (Tiếng suối reo là Phật pháp, núi xanh há chẳng phải tâm thanh tịnh sao. Đem về tâm vạn bốn ngàn kê, ngày qua tìm kiếm người nào chi?).

C. KẾT

Với một tinh thần vô ngã vị tha mà thiên đã ứng dụng một cách linh hoạt và triệt để đã chuyên chở hết ý nghĩa của Bồ Tát đạo Đại thừa. Người học đạo đến với thiên vinh dự được những giá trị phong phú mà Thiên sẵn có. Hãy nỗ lực đứng để mất cơ hội.

Một đường hướng phong khoáng không ước lệ không khuôn sáo, giáo dục Thiên nhằm đánh thức người học đạo trực nhập chân lý không cần phải dài dòng giải thích.

Về với Thiên, sống Thiên, ngộ nhập Thiên, chúng ta sẽ không bận tâm chạy đuổi để tìm kiếm bất cứ một thứ gì nữa ngoài Ta và thế giới bao la của vũ trụ.

Thành phố Sài Gòn,
Giữa mùa An Cư Nhâm Tuất 1982

- (1) Kinh Pháp Hoa, Trí Tịnh dịch trang 198 quyển 3 Nhà in Sen Vàng tái bản.
- (2) Thiên luận, số trang 299-3000, quyển thượng.



CẢNH GIỚI HOA NGHIÊM

Cực vi như huyên - thời gian như huyên

TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

Giáo lý 12 nhân duyên là đi vào chiều SÂU đi từ chỗ vô hình nở ra thành hữu hình, rồi lại từ hữu hình huân tập vào chỗ vô hình, rồi lại nở ra, cứ như vậy liên miên lưu chuyển không dứt... Chỉ trừ đối với những bậc nào đã chuyển hoá được mọi mầm móng sanh tử... Giáo lý đó cũng đi ngang qua hệ thống Duy thức của nhà Phật, và lý giải về cái bí ẩn của luân hồi nghiệp báo. Nên thường được coi là giáo lý thâm thâm. Xưa kia, đã từng có nhiều bậc ẩn thân ở núi hang sâu núi thẳm, ngồi nhìn hoa rơi, cỏ rụng và quán Lý nhân duyên này mà đắc quả Duyên giác hay Bích chi Phật.

Thuyết 4 nhân duyên thì không nhìn vào chiều sâu mấy, mà là một lối nhìn về bề MẶT của sự phát khởi các hiện tượng, nên nương vào hình tượng nhiều hơn... Thực ra, thì trong nhiều kinh Phật vẫn thường nói, vô lượng nhân duyên, và kinh Đại Bát Niết Bàn có nhắc đến nhiều cách xếp hạng nhân duyên. Nhưng thiết tưởng chưa nên đi sâu vào nhiều vì dễ bị lạc.

Tuy nhiên, nếu suy ngẫm kỹ thì thấy ý thú của thuyết 4 nhân duyên này cũng rất là vi diệu và thâm mức cũng rất bao quát, có thể bao quát thấu gồm vô lượng nhân duyên... Thuyết này dĩ nhiên cũng xuất xứ từ kinh, và các luận sư A tỳ đàm đã luận giải khá kỹ càng trong các bộ luận. Đồng thời, cũng được hầu hết các tông phái thừa nhận.

Cũng cần ghi rằng lối nhìn duyên khởi này của Nhị thừa có thể coi như tương xứng với lối nhìn Y-tha-khởi trong hệ thống Duy thức. Trong hệ thống này, thường chia ra có 3 tự tánh: tự tánh Biến kế sở chấp, tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thực. Biến kế sở chấp là lối nhìn đầy vọng thức phân

biệt, nên tương xứng với mức độ nhận thức của phẩm phụ. Y tha khởi là lối nhìn tương duyên tương sinh, coi mọi vật là hàm số của những vật khác, nên tương xứng với lối nhìn duyên khởi của Nhị thừa... Còn lối nhìn Viên thành thật là tương xứng với lối nhìn Biến hiện như huyên và Như như tịch tịnh. Trên đại để là như vậy.

Nhân duyên cũng có thể gọi nôm na là điều kiện. Nhưng chữ điều kiện thiếu ý nghĩa linh động và tương duyên tương sanh, nên thiết tưởng không nên dùng.

Theo 4 thuyết nhân duyên, thì sự vật ở bên ngoài hay tâm tướng ở bên trong cũng tương khởi lên do 4 nhân duyên:

Nhân duyên
Tăng thượng duyên
Sở duyên duyên
Đẳng vô gián duyên

4 nhân duyên này là đi từ lối nhìn thiên cận đến lối nhìn sâu sắc hơn, đồng thời đi từ chỗ hẹp đến chỗ rộng hơn.

Thế nào là NHÂN DUYÊN? Là tỷ dụ như người mẹ sanh ra người con, hạt giống cam sanh ra cây cam, sữa sanh ra chất lạc... Về điểm này ở trên đã giải rằng thực ra, người mẹ và hạt giống và sữa cũng chẳng phải là nhân mà chỉ là duyên thôi. Nhưng được gọi là nhân (để tùy thuận tục lệ) là vì duyên này có vẻ như chính yếu... Nếu nhìn sâu hơn nữa, thì sẽ thấy rằng Sanh nhân thực sự của người con không phải là người mẹ, mà nó nằm ở chỗ vô hình, trong những chủng tử nghiệp lực tàng trữ nơi thân thức lang đãng. Và Sanh nhân của cây cam cũng nằm trong những ba-đông quang minh của chủng tử thức giác thô sơ của cây cam, chủng tử này gá vào hạt giống như một môi trường duyên sinh mà thôi

Những vì cái Duyên này có vẻ chính yếu, nên tạm gọi nó là Nhân duyên hay Sanh nhân.

Ba tỷ dụ trên đây đều thuộc về ngoại pháp tức là những hiện tượng tạm gọi là bên ngoài... Nếu nói đến nội pháp tức là những tâm niệm hay tâm tưởng, thì dĩ nhiên Sanh nhân của chúng lại càng u-ẩn và ở sâu hơn nữa. Sanh nhân của chúng chính là những chủng tử phiền não tích lũy từ kiếp vô thủy, đến kiếp này gặp ngoại duyên tương ứng và thuận lợi nên nở xòe ra. Tỷ dụ như một người đã tích lũy nhiều chủng tử sân thì dễ khởi những tâm niệm sân. Hoặc một người đã niệm Phật hay thiện quán từ nhiều kiếp, thì đến nay dễ niệm Phật hay thiện quán hơn...

Đại khái Nhân duyên hay Sanh nhân là như vậy.

Thế nào là TĂNG THƯỢNG DUYÊN? Tăng thượng là làm cho tăng trưởng, lớn mạnh... Tỷ dụ như đối với cây cam, thì đất nước phân bón ánh sáng mặt trời và công người vun tưới là những tăng thượng duyên. Đối với người con thì sự giữ gìn ăn uống dưỡng thai của mẹ là tăng thượng duyên. Đối với chất lạc thì sự ủ ấp cất sữa chẳng hạn là tăng thượng duyên.

Còn đối với những tâm tưởng thì sao? Trong vụ này, tăng thượng duyên chính là sự xuất hiện những ngoại duyên tương ứng, hoặc là công phu suy tư hay quán chiếu của người trong cuộc. Tỷ dụ như đối với một người đã có sẵn trong Tăng thực nghiệp chủng tử độc kinh Phật tích lũy từ kiếp trước. Nhưng đến kiếp này, cũng cần phải gặp kinh hay thiện trí thức thì tâm niệm độc kinh mới chổng tăng trưởng. Và khi được đọc kinh rồi, cũng cần phải nhiếp tâm suy tư hay quán chiếu theo thời kinh, thì những tâm tưởng đạo lý mới chổng lớn mạnh... Đối với người có nhiều chủng tử tham hay sân cũng vậy. Nếu quen gần những người ác, thì những tâm niệm tham sân nổi lên bờ bờ. Nếu gần được thiện trí thức chỉ bảo cho cách suy tư hay quán chiếu theo ánh sáng của đạo lý, thì những tâm niệm ấy lại giảm bớt đi... Tâm tưởng của con người hoặc chúng sanh thực là lạ lùng, và nếu biết dùng sức quán chiếu để quán chiếu ngay vào tâm niệm ấy, thì tâm niệm ấy sẽ biến hóa thay đổi đi hoặc được hóa giải. Tỷ dụ như một người đang

khởi tâm tham cầu, hoặc sân hoặc buồn. Nhưng nếu biết dùng ngay tâm mình, quay lại quán chiếu ngay vào tâm trạng đang khởi lên đó, hoặc suy tư phân tích nguyên do cùng diễn biến của nó, hoặc quán chiếu nó là Như duyên nổi lên như một áng mây sâu, một làn khói tỏa nổi lên chẳng từ đâu, và biến đi cũng chẳng đến đâu... thì tâm trạng buồn hay sân sẽ biến hóa thay đổi, hoặc tan biến đi như đám sương mù bị ánh mặt trờiọi vào...

Hai duyên trên đây (nhân duyên và tăng thượng duyên) là thuộc lối nhìn thiên cận và hẹp. Hai duyên sau đây sẽ mở tung cánh cửa để nhìn vào một chân trời rộng hơn, sâu hơn.

Thế nào là SỞ DUYÊN DUYÊN? Sở duyên duyên tức là TẠI CÁI NHỮNG ĐỐI TƯỢNG bao quanh một pháp hay một hiện tượng. Những đối tượng này đều là tượng duyên, hoặc TƯỢNG SANH hoặc TƯỢNG KHÁC. Hoặc rất gần ở ngay chung quanh hoặc rất xa ở trong tất cả pháp giới. Nghĩa là tất cả sự vật chung quanh (environment), rồi trải rộng ra trên khắp KHÔNG GIAN trong toàn pháp giới. Vì sao vậy?... Là vì tất cả sự vật đều có thể ảnh hưởng tới một sự vật, đều là đối tượng tương duyên của một sự vật... Đại Trí Độ luận dạy: "Sở duyên duyên, tức là tất cả các pháp..." Như thế, Sở duyên duyên không giới hạn nhân duyên ở một sự vật nữa, mà mở tung cánh cửa cho vô lượng nhân duyên.

Nếu lấy tỷ dụ là cây cam, thì con ong c o n kiến bò trên cây cam, hoặc một luồng gió thổi qua... một trận mưa đều là sở duyên duyên. Con ong có thể hút nhụy hoa cam, làn gió có thể làm tưới mát hoặc thổi gãy cành cam. Trận mưa cũng vậy. Ngay những vị tinh tú ở xa lắc, cũng có thể ảnh hưởng đến cây cam vì có thể ảnh hưởng đến ánh sáng mặt trời.

Nếu lấy tỷ dụ là đứa con, thì một con chó con mèo chạy qua, hoặc một chiếc ghế để bên... đều là sở duyên duyên, vì có thể ảnh hưởng tốt xấu. Khi còn ngồi trong thai, thì mấy bát cơm do người mẹ ăn vào quá no, cũng khiến cái thai khó thở. Mặt trời hoặc các vị tinh tú xa lắc cũng thường phóng ánh sáng hoặc một thứ quang minh nào đó, có ảnh hưởng nhiều hay ít tới cái thai. Xưa kia, Phật có một đệ tử lúc trước tu theo ngoại đạo, nên rất giỏi về khoa chiêm tinh. Một đêm, ông ta ngồi lặng coi các tinh tú, rồi bỗng hoảng hốt thưa với Phật: "Bạch Thế Tôn, thật là

nguy kịch. Miền này sẽ bị mưa nguồn, rông rã triển miên trong suốt 12 năm. Chắc là sẽ lụt lội to, đói kém và nhiều người chết! Phật ngồi yên giây lâu, rồi hỏi lại: "Bà y giờ, ông thử coi kỹ lại các vì tinh tú xem sao, xem có chắc là 12 năm không?". Vì đệ tử coi lại một hồi lâu, rồi thưa: "Bạch Thế Tôn, thật là lạ lùng! Con coi lại thì thấy nhiều vì sao đã thay đổi hướng đi. Chắc là chỉ mưa độ 6 tháng thôi..." "Phật lại bảo: "Ông ráng coi kỹ lại một lần nữa xem sao" Vì đệ tử lại coi, rồi thưa: "Bạch Thế Tôn, con thực không hiểu ra sao nữa. Con coi lại thì thấy rằng chỉ còn mưa có 7 ngày nữa thôi..." "... Thì ra Phật, vì lòng Đại bi đã nhập Tử tam muội, dùng thần lực vô biên của mình để thay đổi cả đến sự vận hành của tinh tú... Câu chuyện này được kể trong Đại Trí độ luận.

Như thế, thì tất cả chúng sanh ở miền ấy đã được nương nhờ vào thần lực của Phật mà vẫn không hay không biết... Sở dĩ Phật còn để lại 7 ngày mưa, là vì Chư Phật cũng phải tôn trọng luật tắc nhân quả nghiệp báo, và để cho dân chúng phải trả nghiệp một cách tương xứng. Còn về chỗ nghiệp báo đủ thừa kia, thì chính Ngài phải gánh chịu hộ cho dân chúng miền ấy. Nhưng vì phước báo của Ngài, trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu lục độ an hạnh, đã tích tụ lại ngang bằng pháp giới, nên nghiệp báo đủ thừa kia đã chìm vào biển phước ấy tương tự như một hạt muối tan vào biển cả... Một vị đạo sư bản lãnh thập hồn thì không thể nào gánh vác như vậy được. Và chắc là dân chúng miền ấy cũng đã gây nhiều túc duyên với Phật tử nhiều kiếp, nên Ngài mới làm vậy.

Cũng bởi thế nên trong pháp giới này, Chư Phật cùng Đại Bồ Tát nhiều như a-tăng-kỳ số cát sông Hằng, cũng đều là Sở duyên của chúng ta. Vì sao? Là vì chúng ta vẫn nằm trong quang minh của các Ngài, trổ diệu sắc thân của các Ngài, vẫn nương vào thần lực cùng nguyện lực ấy mà tồn tại, mà chúng ta vẫn chẳng hay chẳng biết, chẳng nhìn thấy gì hết và nhiều khi cũng chẳng chịu tin... Thực ra, thì Phật tánh chính là Sanh nhân hay Chánh nhân của chúng ta, còn Chư Như Lai cùng Bồ Tát đã hiện thành sắc tướng chính là Sở duyên duyên và tăng thượng duyên của chúng ta. Và cũng bởi thế nên chúng ta, mặc dầu còn mê muội, vẫn cần cố gắng leo đèo đi theo.

Nói theo nghĩa này, thì tăng thượng duyên cũng nằm trong Sở duyên duyên.

Trên đây là mới nói về Sở duyên duyên của ngoại pháp. Còn về Sở duyên duyên của nội pháp thì sao?

Nội pháp tức là những tâm niệm, tâm tướng. Sở duyên duyên của tâm niệm hay tâm tướng tức là ĐỐI TƯỢNG NHẬN THỨC của nó. Tâm niệm khi khởi lên từ chỗ mịt mù, thường bao giờ cũng có đối tượng của nó. Không có tâm niệm nào là không có đối tượng cả, có lẽ chỉ trừ những tâm niệm vô niệm của Chư Phật cùng Đại Bồ Tát thôi... Tỷ dụ như khi ta nhìn một bông hồng, thì tâm thức ta khởi một tâm niệm về bông hồng, còn đối tượng nhận thức là bông hồng ở ngoài cảnh. Rồi đến khi ta ngồi buồn tưởng nhớ lại bông hồng, thì tâm thức ta khởi lên một tâm niệm về bông hồng. Đồng thời, giữa khoảng mông lung mịt mù của tâm thức cũng nổi lên một ảnh tượng bông hồng, ảnh tượng này rõ mờ hay rõ rệt là tùy theo mức độ định lực của ta. Và ảnh tượng ấy là đối tượng của tâm tướng... Khi ta nằm mộng cũng vậy, ý thức vẫn hoạt động và khởi lên hàng loạt tâm niệm, và những bóng dáng trong mộng là đối tượng.

Bởi vậy, tất cả hiện tượng hay pháp ở trong pháp giới này đều CÓ THỂ là đối tượng nhận thức của tâm niệm. Và như thế, đều là Sở duyên duyên... Ngay cho đến trường hợp một tâm niệm buồn nổi lên, rồi tâm thức ta lại quay lại quán chiếu vào chính tâm niệm buồn đó, thì lúc ấy, tâm niệm buồn lại trở thành đối tượng hay Sở duyên duyên cho tâm niệm quán chiếu kia... Và cứ như thế, trùng trùng cái này có thể là Sở duyên duyên cho cái kia hoặc cho tất cả lần lượt hoặc tất cả có thể lần lượt làm Sở duyên duyên cho cái đó.

Sở duyên duyên đã nói rồi, nay đến Đăng vô gián duyên.

(còn tiếp)



Lá thơ Tịnh Độ

ÃN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ PHÚC ĐÁP CƯ SĨ

ở Vĩnh Gia

I. Văn Thế đại sư lập pháp dạy người đều từ nơi chỗ bình thật đi vào. Nếu y theo đó tu trì, sẽ được ngàn muôn yên ổn, quyết không đến nỗi được ít cho là đủ và bị ma quỷ phát cuồng. Vương Canh Tâm chưa hiểu rõ yếu chỉ nhập đạo, đã vội tự hào múa bút lớn lời mặt sát tất cả, tuy có tâm hoàng pháp, nhưng thật ra là gây tội phá hoại pháp môn. Ấy cũng bởi y không gần bậc trí thức và tự xét h a i chứng bệnh: tim đập, ác mộng của mình. Những bệnh ấy đều là triệu chứng của nghiệp ác đời trước. Nhưng, hiện cảnh tuy có tốt xấu, chuyên biến chỉ tại nơi ta. Cảnh xấu hiện mà chuyên tâm niệm Phật thì nhận dữ sẽ hóa ra lành, nghiệp ác đời trước trở thành vị đạo sư trong hiện tại. Tiếc vì người đời, phần nhiều bị nghiệp ràng buộc, không thể tự cải tạo, nên thành ra cảnh tệ giống bị đá r ơ i theo, trên khổ lại càng thêm khổ!

Tha tâm thông có nhiều thứ không đồng, nay xin nói ước về tâm thông của những bậc đắc đạo. Như Trù Am đại sư, bất luận ai hỏi kinh sách gì, ngài đều có thể đọc thuộc rành rẽ, không sai một chữ. Tại sao thế? - Vì đại sư nghiệp hết tình không, lòng như gương sáng; lúc có người hỏi đến những kinh sách họ đã từng xem, ngài liền nhìn vào những câu chữ in trong thức thứ tám của người ấy, đọc lại rành mạch. Cho nên cố đức nói: "Kinh pháp một phen nhiệm vào thức thân, hàng làm giống đạo. Việc trên đây có thể làm bằng cơ dễ cho ta tin. Vì khi người xem kinh sách, bóng dáng của những thứ ấy in vào tâm thức không mất. Bởi vô minh che lấp, nên lâu ngày họ quên, nhưng bậc có tha tâm thông nhìn nơi tâm thức của người ấy, tùy theo lời hỏi đọc lại rõ ràng. Đền như có người hỏi những k i n h sách họ chưa được thấy, bậc tha tâm thông có thể nhìn vào tâm thức của những người khác đã xem rồi, vì họ đọc lại. Trên đây, là việc

lấy tâm người khác làm tác dụng cho t â m mình, không phải nói lòng các vị ấy thường có bao nhiêu thứ kinh sách đã ghi nhớ lâu ngày không quên. Bởi không hiểu lẽ này, nhiều người cho đó là phép chi kỳ lạ, thật ra chỉ là cảnh trạng nghiệp tiêu trí sáng, cõi lòng không không mà thôi.

Trong sự phò cơ có rất nhiều linh qui, già mao Tiên, Phật, Thánh, Thần. Loại qui thấp kém hoặc khi không có tha tâm thông; hàng c a o thì biết được lòng người, nên có thể mượn sự thông minh trí thức của người mà làm thi phú. Ông Kỳ văn Đạt có thuật rằng: "Cơ b ú t phần nhiều là việc đời của hàng m a qui linh thiêng. Một độ no, tôi cùng người anh là Đản Nhiên có thí nghiệm về việc này. Tôi vốn có thiên tư về thi văn mà chữ viết dở, anh tôi thì chữ tốt, song không có khiêu văn, chương. Khi tôi phò bút thì thi từ thơ suốt, nét chữ lều lẻo. Trái lại, đến phiên anh tôi thì nét chữ cứng đẹp, thi từ tâm thông. Lại một việc, lúc hỏi đến chỗ bị yếu trong những bài giảng bút mao lấy của người xưa, cơ lên nói: năm tháng lâu quá không còn ghi nhớ. Vì những lẽ ấy, tôi biết là giả d ồ i". Thế là loài qui tuy linh, song chỉ có t h ề mượn được sự hiểu biết hiện tại của người. Đền như các việc trong tâm thức cổ, nói s ự biết hiện tại vì lâu nên quên, hoặc những chữ nghĩa chính mình không hiểu, thì q u i không thể chỉ dẫn ra được. Cho nên tha tâm thông của linh qui sánh với bậc đắc d a o, thật kém xa như trời vực. Tuy nhiên, vì hai việc ấy có chỗ giống nhau, e rằng cư sĩ bị cơ bút mê hoặc, tôi mới dẫn giải ra đây. Lại xin nói thêm một việc trong Tống Cao Tăng truyện: "Ngài Tăng Giám qua nhà Vương Xứ Hầu thọ trai, thấy chủ nhân đang cao giọng ngâm nga xem ra dáng đắc ý, nhân hỏi là đọc văn gì? Xứ Hầu đáp: "Đây là quyển võ trủng Tân-

sĩ của tôi". Giám mỉm cười mà rằng: "D ư ờ i thêm gió mát, lại có sự thung dung như thế ư?" Nói đoạn, lấy trong túi ra một tập, bảo: "Quyên ông đang đọc ấy có phải là đây chg?" Xứ-Hậu xem ra thì chính là văn tử mình đã làm trong ngày thi, liền nói: "Đây là b ú t-tích của tôi chép ra sau này." Tăng-Giám bảo: "Cô nhiên không phải là nguyên tác của ông điều đó tôi vẫn biết". Xứ-Hậu hỏi tiếp: "Nhg sao trong túi kia lại có bài văn ấy?". S u đáp: "Không phải chỉ riêng bài này, từ k h i ông đọc sách đến giờ, cho đến những lúc đùa cợt, một nét bút nét vẽ, nơi túi của tôi đều có đủ". Xứ-Hậu kinh sợ, không dám hỏi n ư a, Ngài Tru Am chỉ có tha tâm thông, chưa thấy có thần thông. Tăng Giám đại sự đã có t h a tâm thông lại kiêm cả thần thông, có thể đem bóng dáng kinh sách trong tạng thức, hiện thành hình chất đưa cho người xem, kỳ thật trong túi của ngài không chứa sẵn thứ ấy.

Gần đây, ở Thượng Hải dàn cơ bút mở ra rất nhiều. Sự chỉ dạy bỏ dử làm lạnh và những thuyết luận hồi nhân quả thiên cận của các đàn ấy, đều rất có ích cho thế đạo, lòng ng. Nhưng mấy diem nói về cơ trời, Phật pháp, thì không khỏi mơ hồ, lấm lấm. Chúng ta là đệ tử Phật, không nên bài bác việc đó, vì có trở ngại cho sự làm lạnh của con người, song cố chẳng nên phu hoa khen ngợi, vì sẽ mang lỗi đem điều ỨC đoán viên vong khiến cho Phật pháp hư loạn, chúng sanh nghi lấm. Ân Quang này tự xét mình nhiều nghiệp chướng, nhưng quyết không dám theo tình bỏ lý, gây sự lấm lỗi cho người. Những lời trên đây xin chầm chước tình lý mà làm theo mới khỏi điều t e hai.

Mười món lợi ích của sự niệm Phật, xin xem chương "Thập chủng thắng lợi" ở những trang sau cuối bộ Tịnh độ chỉ qui. "Hồi hướng" là tâm suy nghĩ, miêng phát ra lời tin nguyện, đem công đức mình xoay về nơi nào. Việc ấy nên, để vào khoảng sau lúc công khóa tối và buổi trưa, khi tung kinh niệm Phật x o n g. Niệm Phật phải từ mai đến chiều không nên hờ dút; nếu trong tâm háng có niệm cấu sanh, cũng là thường thường hồi hướng. Các k i nh Đại-thừa đều khiến cho chúng sanh mauthành Phật, chỉ tiếc phần đông khi đọc kinh thiếu lòng chí thành, nên không được hoàn toàn lợi ích. Chương "Đại-Thê-Chí-Bổ-Tát" ở quyển năm kinh Lăng-Nghiêm, chính là lời chỉ dạy tội thương về tông Tịnh-độ. Câu "Người quân t ư học vì mình" là ý nói bậc quân tử mỗi niệm đều tự xét mình, xem có trái đạo cùng chg?

Cảnh giới "Thức ngủ như một", chỉ có người dung công phu dào dề mới được. Nhưng nếu khi thức háng nhiếp tâm niệm Phật, lâu ngày t ư nhiên dù trong mộng cũng ít khởi vọng niệm.

II. Từ đó cuối đông đến hạ tuần tháng b a năm nay, tôi có tiếp được bốn phong thư thức ăn, vài và bài văn đáp của anh em cửi, cùng Từ-quân, do Sư Thân đem đến. Như thế, dù thấy cư sĩ tha thiết vì đạo, nên trọng tôi đã quá nhiều! Trước tiên, tôi có ý mong T ừ-quân đến, kể lại vì kiểm duyệt bộ Văn-saodé cho người ta in ra, mất hơi suy kém, nên mới chầm lời phúc đáp. Đức thơ kỳ tháng chạp rồi thật là đúng với nghĩa "bạn bè dùng nhân giúp nhau", chỉ có điều suy tặng Ân Qu a ng quá nhiều, khiến cho người càng thêm hổ thẹn.

Nhơn đạo có năm giềng lớn: vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ và bạn bè. Nhưng tại s a o trong năm luân ấy lại không nói đến thầy? - Vì thầy là bậc thành tựu phần đức dục cho ta, cũng như cha, dắt dìu khuyên bảo để t a nên người, cũng như anh, nên ngài Mạnh- T ừ nói: "Thầy là cha anh". Lại nữa, thầy thương nhắc nhở giúp ích ta nhiều việc, cũng n h ư bạn, nên nhà Phật thường gọi: "Tìm thầy hỏi bạn". Quang này tự xét mình kém phần, thật đức, không có ý muốn làm thầy người, chỉ mong ở địa vị bè bạn để giúp đỡ khuyên nhắc lẫn nhau mà thôi. Nhưng nhiều vị chẳng suy lường giùm, nên tôi đã thiếu sự răn trách, lại còn không được nhắc bảo đến nữa! Cư sĩ mong tôi thân chúng tam muội, lại e có trái với chỗ hy vọng, nên không nài khó nhọc, viết t h o khuyên lớn. Từ khi tôi bước tóc thọ học đến giờ, chưa gặp được người ích hữu như thế. Cử chỉ ấy làm cho Quang này vừa cảm động vừa tự then! Mấy chữ "tội chết" là lời bày tôi cạy vua, cư sĩ đem dùng với thầy bạn rất khg phải cách. Ân Quang túc nghiệp sâu nặng, khi sanh ra vừa được nửa năm, bị đau mắt cá luôn sáu tháng. Sự thống khổ trong lúc ấy thật vô cùng, trừ khi ăn và ngủ ra, không một khắc nào ngớt tiếng kêu gào khóc lóc. Nhưng may nhờ căn lành đời trước, nên còn được thấy ánh sáng mặt trời. Đến tuổi thành đồng được học tập, lại do nghiệp cũ dẫn dắt, uống lã thuốc độc bài báng Phật pháp của bọn Hàng Du, Âu Dương Từ. Kế đó định tâm xét nghĩ biết mình lỗi lấm, liền sanh lòng hổ thẹn, quy y T a m bao, xuất gia làm tăng. Nếu lúc bấy giờ không nhờ sức Tam bảo thâm gia bị, khiến cho biết tu tịnh, thì tôi đã sa vào ngục A-Tỳ chịu vô lượng sự khổ, đâu còn được cùng các vị chỉ đồng nói tây, luận về tự lực, tha lực n h ư

ngày hôm nay ư?

Kỳ thất hoàn mãn, tam muội chưa thành, dotôi tinh thần suy kém mà cũng bởi tức nghiệp sâu dày. Nhưng Phật đã không bỏ người chướng ngại, xin cũng nhờ chút công-hạnh ấy để được vắng sanh. Phép Thập-niệm-ký-sô không phải là Sô-tức (đếm hơi thở), chỉ có điểm ghi như từ một đến mười có hơi giống với lối Sô-tức mà thôi. Trong Liên-tôn bảo-giám, lại lầm để là đếm đến trăm, ngàn, muôn. Vì cư-sĩ không biết mà thọ hai, nên tôi mới dẫn ra để chúng rõ: vậy không nên gọi đó là phép Sô-Tức-tri danh. Muốn chúng tam muội, đã có lời chỉ dạy xác đáng của Phật, Tổ, sao lại dợi hỏi đến chỗ chúng của tôi mới chịu làm theo? Kinh A Di-Đà nói: "Giữ lấy danh hiệu hoặc một ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn". (Đây là lời tỉ lệ không nên chấp dính. Nếu cứ n tánh đấng giác, một niệm liền được khê loạn dợi gì một ngày? Như căn tánh nghịch ác, dù trọn đời cũng khó được nhứt tâm, huống chỉ bảy ngày?) Quán-kinh nói: "Pháp thân của Phật Như Lai vào tâm tướng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các người tương Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy tương Phật, tâm ấy là Phật. Kinh Lăng-Nghiêm, Đại-Thế-Chí Bồ-tát nói: "Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau, được tam-ma-dia, đây là bực nhứt." Trong bài kệ lựa căn viên thông, ngài Văn Thủ bảo : "Nghe vào, nghe tánh mình. Tánh thành đạo vô thượng." Kinh Tứ-thập-nhi-chương dạy: "Tu tâm là thế nào? Giữ nó lại một chỗ, thì không việc gì chẳng xong." Ngài Mông-Đông bảo : "Thật vì sanh tử, phát lòng Bồ đề, lấy t i n nguyện sáu, trì danh hiệu Phật." Mười sáu chú này là cương yếu của tông Tịnh-độ. Muốn t u tam muội, sao không lấy thánh ngôn làm lương triệt để tuân theo những lời trên đây, lại dùng tôi là kẻ phạm phu nghiệp chướng mà làm mực thước, há chẳng trái ngược lắm ư?

Những lời ấy phát ra chẳng phải không duyên cớ. Chắc có lẽ vì thấy trong quyển Di - Đ à trung-luận thuật rõ cảnh giới của Tịnh-Nhật đại-sư, và Vương-Canh-Tâm tự bảo là đặc tâm truyền với ngài, nên cư-sĩ cho rằng tôi cũng có nhiều cảnh lạ không thể nghĩ bàn và b i quyết truyền thọ đó chẳng? Cư-sĩ nên xét : tam muội đích là chánh định hay chánh thọ, ấy là thể vong tan chơn hiện, lặng lẽ sáng suốt, trong ấy đâu có cảnh giới gì? Cho nên kinh Lăng-Nghiêm nói: "Tròn chúng quả Bồ-đề là không chúng đặc chi cả." Người t u thiên vì chỉ cậy sức mình, không cầu Phật

gia bị, nên trong khi công phu đặc lực, chơn vọng công kích lẫn nhau, thường có n h i êu cảnh giới thoát ẩn thoát hiện. Ví như l ú c mưa to sập tanh, mây mù tan mát, trời đang ụ ám bỗng lộ ánh sáng, phút chút lại thay đổi không lường. Nhưng cảnh giới ấy, nếu chẳng phải người có đủ đạo nhân, tất khó nổi phần biệt. Nếu lầm nhận cho là thật, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không thể cứu chữa. Khác hơn thế, người niệm Phật dùng lòng tin nguyên t h a thiết trí hồng danh muôn đức, thì như m ặ t trời chói sáng giữa hư không, như di con dẻ thàng rộng, không những qui mị tuyệt tích mà vọng niệm cũng lắng tiêu. Suy cho cùng chẳng qua niệm đến công lực tinh thuần, thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật như một mà thôi. Lý và hành này tôi còn e m o i người không hiểu, vẫn muốn tuyên dương đ ề nêu cao bản nguyện độ khắp chúng sanh của Phật, dầu dấm dầu kín để truyền riêng cho cư-sĩ hay sao? Nếu có bị quyết truyền t h o riêng nơi chỗ ẩn khuất, tức là tà ma ngoại đạo, không phải Phật pháp. Nhưng Ấn Quang thật cũng có chỗ diệu quyết chỉ riêng mình được, nay nhân cư-sĩ thỉnh cầu, không ngại gì đem ra bày tỏ với các hàng Phật tử t r ong thiên hạ. Điều quyết ấy là gì? - Là c h í thành, là cung kính. Điều này cả thế gian đều biết, đạo lý này cả thế gian đều hiểu! Ấn Quang do muốn tiêu trừ tội nghiệp sâu nặng và báo đáp ân Phật, háng để ý tìm câu gương sáng tu trì của Bồ-đề, nên được biết rằng chỉ thành cung kính là bí quyết rất mau để vượt phàm lên thánh, thoát neo luân hồi. Mấy điểm này, đối với những người hữu duyên, tôi đã thường thường khuyến nhắc. Nên biết : "thành, kính" không phải chỉ để riêng c h o người học Phật, mà tất cả mọi việc nếu muốn được tinh nhứt, phải lấy đây làm nền tảng.

(còn tiếp)



ĐẠO PHẬT TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

Nhất Hạnh

(tiếp theo)

— Học giả Nguyễn Doãn Can Lộc sưu lục —

Mục đích của văn nghệ là gây hứng thú mỹ cảm cho người thưởng thức và đồng thời trình bày thức tại theo tinh thần tử diêu để để làm phát sinh nơi người đọc những thức cần thiết về những vấn đề thiết thực nhất của sự sống, phát triển và nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp trong lòng họ và cuối cùng đồng viện họ tham dự vào công việc diệt trừ khổ đau và kiến tạo an lạc. Một nghệ phẩm mà đạt được từng đó mục đích thì, là một nghệ phẩm lý tưởng. Một nghệ phẩm chỉ đạt tới một phần của mục đích trên thì cũng là một nghệ phẩm có ích. Người văn nghệ sĩ Phật tử chấp nhận mọi sản phẩm nghệ thuật, chỉ trừ những sản phẩm nào cố sùỵ cho dục vọng và vô minh.

Một chuyên thân tiên cho trẻ em, tuy không diễn bày sự thức xã hội nhưng kích thích được óc tưởng tượng của các em và gây cho các em những cảm tưởng tươi sáng, yêu đời thì cũng đã đạt đến một kết quả tốt của văn học.

Một cuốn tiểu thuyết tả chân của phái tự nhiên ghi chép một cách vô tư các hiện tượng mà tiểu thuyết gia đã cảm giác và ý thức được cũng có thể gây hứng thú cho người đọc và do đó cũng đạt được một kết quả tốt của văn học. Gây được hứng thú mỹ cảm cho người thưởng thức, dù bằng đường lối nào, miễn là đừng nối giáo cho dục vọng và vô minh, cũng có thể gọi là thành công rồi. Bởi ta không thể chấp nhận được một vũ trụ văn nghệ luôn luôn cố sùỵ, găm thết, sách động. Thân kính con người sẽ cần thẳng tay một không khí văn nghệ như thế, và tình cảm chân thực của con người bị bóp chết, không được nảy nở phát triển.

Phái tự nhiên thường bị buộc tội là chỉ lo ghi chép một cách tỉ mỉ những gì mình thấy mình nghe, không chịu đưa quan điểm và lập

trường của mình vào tác phẩm và như thế, sự sáng tác văn nghệ thiếu hẳn ý thức và hoạt động sáng tạo. Thực ra, nếu quả thực nghệ văn nghệ sĩ thực hiện được một thái độ vô tư và khách quan trong lúc ghi chép thức tại thì đó là một điều vô cùng quý giá. Nhân thức của con người thường thường bị che lấp và bị ảnh hưởng bởi những tư kiến và những tình cảm chủ quan, do đó ít khi trực nhận được bản thân thức tại. Khách quan chủ nghĩa không phải là một chủ trương bất người văn nghệ sĩ phải nhìn thức tại như một cái gì xa lạ không ăn thừa gì đến mình. Một sự kiện như thế không bao giờ xảy ra được. Người văn nghệ sĩ nếu rửa sạch được thành kiến cố chấp thì có thể dễ dàng nhận thức được bản thân của thức tại và vượt ra khỏi cái vòng tròn chủ quan sai lạc. Chỉ sợ rằng người văn nghệ sĩ không thực hiện được thái độ vô tư, phá chấp ấy mà thôi. Chứ nếu mà thực hiện được thì không những họ đã khờ xa lạ với thức tại mà họ còn có thể được gọi là nắm trong lòng thức tại nữa. Vô tư và khách quan, hiểu theo tinh thần phá chấp, không có nghĩa là tách mình ra khỏi đời sống, không phải là đối tượng hóa. Thái độ vô tư và khách quan, giúp cho con người phá vỡ biên giới chủ thể và đối tượng và chính người văn nghệ sĩ được thể nhập vào thức tại. Trong trường hợp này tinh chất nghệ phẩm của họ còn hiện thức gấp mười lần nghệ người tư xưng là hiện thức mà luôn luôn bị nỗ lệ cho kiến chấp cho giáo điều, dù giáo điều duy tâm hay duy vật.

Hơn nữa, thức tại không phải chỉ là thức tại xã hội mà còn là thức tại tâm linh nữa. Khám phá tâm linh mình, công việc ấy có khi còn quan trọng gấp ngàn lần công việc khám phá thức tại xã hội. Người văn nghệ sĩ cần tư biết mình, dùng ý thức soi rọi tâm linh mình; tâm linh không phải như sản phẩm của

não bô và thần kinh, không phải như một tấm gương phản ánh thực tại xã hội, phản ánh hệ thống sản xuất, mà như một thực tại mà u nhiệm. Nói như thế không phải là nhẩy t ù khách quan chủ nghĩa đến chủ quan chủ nghĩa một cách đột ngột đâu. Nói như thế là để nêu rõ rằng dù duy tâm hay duy vật, người t a cũng chỉ đi lang quanh trên ngọn mà không bao giờ tìm tới gốc. Tìm tới gốc thì khách quan chủ nghĩa cũng thế, chủ quan chủ nghĩa cũng thế, mà hiện thực chủ nghĩa cũng thế: sự đối kháng nhau bắt nguồn từ khuynh hướng phân biệt cành lá, và bỏ quên gốc rễ. T ì m tới gốc rễ thì chủ quan sẽ không phải để đối lập với khách quan, hiện thực sẽ không phải để đối lập với lãng mạn. Tất cả sẽ tạo nên một hòa điệu và những chông đời những cô chấp sẽ tan biến.

Trong trường hợp chủ quan chủ nghĩa, người ta thường nói rằng các vận nghệ sĩ không thêm đêm xía đến thực tại mà ý vào thiên tài mình để tưởng tượng và sáng tạo ra nhữg liên quan giả tạo giữa các hiện tượng. Nhữg thực tại tâm linh tự nó không phải là một thực tại sao? Hơn nữa nếu báo rằng ý thức là tấm gương phản ánh thực tại xã hội, thì tại sao có những tấm gương kỳ cục, nghĩa là những tấm gương không chịu phản ánh thực tại theo kiểu những tấm gương khác - những tấm gương được tưởng thưởng và hoan hô ? Liễu Trai Chí Di cũng phản chiếu thực tại, không những thực tại tâm lý mà là thực tại xã hội nữa. Ai có chút ít kiến thức văn học cũng phải công nhận như thế. Truyện Trinh Thử của Hồ Huyền Quy là truyện Tây Du, K ý cũng thế. Ai dám nói là chúng không phản ánh được dù ít dù nhiều cái thực tại xã hội mà trong đó các tác giả đã sống?

Những ai không chịu nói hòa theo đa số thì thường bị lên án là sa vào chủ quan c h ù nghĩa. Cái nhìn của đa số đâu chắc đã là cái nhìn sáng suốt nhất. Cái nhìn của đa số khữ thế nói là cái nhìn khách quan. Khi tôi khữ chịu tán dương ca ngợi, thì người ta bảo là tôi bôi đen thực trạng bằng cái nhìn chủ quan đen tối của tôi. Cũng như Trần Dân bị mắng là đã bôi đen cái thực trạng đẹp đẽ khi anh viết:

"Tôi bước đi không thấy phở thấy nhà Chi' thấy mưa sa trên mầu cơ đó".
trong khi Tố Hữu được khen là phản á n h đúng thực tại khi anh ca ngợi:

"Đường ta rộng thênh thang tâm thức".
Thực ra, đường tâm thức cũng rộng đấy. Nhữg

cô khi có những con đường rộng mười lăm thước mà cô người, vẫn cho là hẹp và c ô khi con đường chỉ có hai ba tấc mà cũng cho là rộng lắm rồi. Rộng hẹp là tùy theo trường hợp, tâm lý, nhận thức. Ai cô t h ì đoán quyết rằng chỉ có những con đường tâm thức mới là những con đường rộng?

Khi tôi không chịu đã phá nổi xấu nhữg gì anh thích tôi đã phá, thì người ta bảo là tôi tô hồng tô thắm thực tại bằng cái chủ quan lạc quan của tôi. Thực ra trong trử hợp trên, chưa chắc là Trần Dân đã bôi đen và chưa chắc Tố Hữu đã không tô hồng. Có lẽ thực tại là một cái gì liên hệ vào chủ thể nhận thức (1) và có lẽ cả hai đ ã u thành thực. Điều đáng nói là nếu quả h o thành thực thì ta phải tôn trọng họ. Còn nếu ta đem một chủ thuyết một kinh điển nào ra để phê phán, tán dương hoặc c ô ng kích họ thì ta đã xâm phạm vào tự do của họ rồi. Ta tự nhốt ta trong một tháp ngà chủ quan mà ta đặt liền là hiện thực chủ nghĩa. Một thái độ hiện thực chân chính là một thái độ vô tư, khách quan, tôn trọng tự do. Mà muốn có thái độ ấy, người văn nghệ sĩ không thể không tự giải phóng rang ngoài ngục tù cô chấp cuồng tín. Phải gạt b ó kính điện, thần tượng, phải đứng bầm chắt vào những tín ngưỡng siêu hình, phải trở về miêng đất thực nghiệm để học hỏi v ã chiêm nghiệm Muốn phản ánh trung t h ã nh thực tại, dù là thực tại tâm linh hay là thực tại xã hội, người văn nghệ sĩ phải là một tâm kính trung thực không mẻo m ó trước đã. Do đó, đi sâu vào cuộc sống, tham gia vào cuộc sống đồng lao cộng khổ với quần chúng cũng chưa đủ. Phải giữ cho tâm hồn trung thực nữa. Phải đừng để cho thành kiến cô chấp bưng bít nữa. Phải tự mình nữa. Và do đó, người văn nghệ sĩ phải chú trọng đến sinh hoạt tâm linh trong k h ì không quên tiếp xúc thẳng với thực tại xã hội đầy đầy khổ' đau, những khổ' đau phần lớn đã được gây ra vì cô chấp, thành kiến và độc tài.

Cho nên ta thấy rằng lột hết những c ã p kính màu mà thấy được mặt mũi chân thực của thực tại không phải là chuyện dễ. Tinh thần phá chấp và thực nghiệm của đạo Phật có thể giúp đỡ người văn nghệ sĩ r ã t nhiều. Đi sâu vào cuộc sống, tham dự v ã o những xót xa khổ' đau của kiếp người l ã điều cần thiết, đạo Phật công nhận điều đó và khích lệ điều đó. Sự thực thứ nhứt trử

Bốn Sư Thức Mẫu Nhiệm dạy con người xoay lưng về phía siêu hình để mà tỉnh táo nhìn về những cái khô của nhân loại. Nghiệp pháp đồng sư dạy con người hòa đồng vào khối đại chúng để tìm hiểu mà hướng dẫn họ. Ng. văn nghệ sĩ Phật tử cần biết rõ hơn ai hết điều đó. Nhưng người văn nghệ sĩ Phật tử cũng biết thêm rằng nếu mình không biết rõ mình là ai, nếu mình không nắm chắc được mình thì mình sẽ tự đánh mất mình trong dòng đời phiến tạp, và thay vì chuyển hóa cuộc đời cho tốt đẹp, mình bị cuộc đời chuyển hóa theo nó và cuối cùng trôi giạt theo nó. Cũng vì vậy cho nên người văn nghệ sĩ không thể không học Phật, tham thiền, tĩnh tâm, cầu nguyện.

Không ai không thấy rằng phần lớn các vị thiền sư đặc đạo, như ở Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam chẳng hạn, đều là những thi sĩ hay họa sĩ. Họa đạo và trà đạo cũng là một biểu hiện của Thiền, của sức mạnh tâm linh tự cường và tự tỉnh. Nghệ phẩm của các thiền sư không phải là những bài diễn văn chính trị, không là những bản nhạc thúc dấy ý chí đấu tranh giai cấp, sản xuất kịch tế nhưng vẫn là những tiếng nói phổ diên thức tại: thức tại tâm linh nhiệm mầu, phong phú Thiền sư Bách Trương vừa thiền định vừa a cuộc đất: còn có bài thơ nào tràn đầy tinh chất hiện thực hơn thế nữa?

Ngôn ngữ Thiền là một ngôn ngữ đặc biệt và chỉ có những tâm hồn phong phú mới có thể tiếp nhận được bản chất nghệ thuật tuyệt vời chuyên chở trong hình thức nghệ thuật ấy. Chỉ tiếc rằng nhóm Xuân Thu Nhã Tập không chịu tu Thiền thành ra không tự bảo vệ mình được một cách danh chính ngôn thuận. Khi bị người ta trách cứ là làm thơ k h ô hiểu, vô nghĩa, nhóm Xuân Thu Nhã Tập lấy giọng Thiền sư:

"Đừng với thật vọng vì một bài thơ k h ô hiểu. Hãy căng lại dây đàn. Hãy đặt mình trong tình trạng cổ thân trở. Thiết tha và tin tưởng. Trong sách mà nhập Thiền. Sẽ tự giác được thơ... Tục nhân không thể giao tiếp với thân linh. Lỗi không phải ở thân linh". (2)

Lỗi không phải ở thân linh, nhưng lỗi ở nhóm Xuân Thu Nhã Tập: không có bản chất thân bĩ mà đi tìm một loại ngôn ngữ thân bĩ thành ra sa vào một chủ nghĩa hình thức lập di. Nhưng dù sao nhóm Xuân Thu Nhã Tập cũng không phải vì vậy mà bị kết án là trốn tránh sự sống đau. Họ ham mê sự sống

và họ đã làm thơ, đã xuất bản, đã tranh luận. Các Thiền sư, bằng cuộc sống của họ, thơ và họa của họ, đã chứng tỏ sự hiện diện của sức sống tâm linh trong lòng cuộc đời: những đóng góp vô hành của họ trong nhân quan đạo Phật là một thứ đóng góp vô cùng quan trọng.

Tuy nhiên, nguồn đạo đức vô hành được khơi mở từ suối tâm linh ấy cần được lưu nhuận trong cuộc đời và cũng vì vậy mà văn nghệ sĩ lại càng thêm sứ mạng đem đạo Phật thức hiện an lạc ngay trong lòng cuộc đời. Đạo Phật không sinh ra để được ca tụng, phục vụ mà là để phụng sự cho con người. Văn học nghệ thuật cũng thế. Chúng ta không thể đem văn nghệ phụng sự cho một đảng phái nào, một chủ nghĩa nào. "Nghề thuật chỉ phụng-sự nỗi thông khổ và quyền tự do con người" Albert Camus đã nói rất chí lý. Có những nỗi thông khổ của con người. Nhưng thông khổ ấy đều có nguyên nhân, trong đó sự kiện tự do bị tước đoạt là một nguyên do quan trọng. Tiêu trừ khổ đau và kiến tạo an lạc bằng cách đóng góp vào công việc tiêu hủy ngu dốt, cơ cực, độc tài, cuồng tín là công đồng phải đi. Vậy thì quy luật của văn nghệ sĩ là quy luật vô cùng đơn giản của Bốn Sư Thức. Và quy luật này là quy luật phổ biến nhất trong các quy luật.

Nhân thức được nguy cơ của những cái nhìn khiếm diện, người văn nghệ sĩ Phật Tử luôn luôn mở toan các cánh cửa nhân thức. Đành rằng ta công nhân tâm quan trọng của văn để sản xuất kịch tế nhưng ta không nên vì vậy mà quên rằng có rất nhiều vấn đề khác cũng quan trọng như thế, và có khi hơn thế. Đành rằng ta công nhân quy luật tranh chấp giữa giới thợ thuyền và giới tư bản, nhưng ngoài quy luật ấy còn có nhiều quy luật khác nữa của xã hội chúng ta, có khi còn quan trọng hơn quy luật kia. Vậy tại sao ta lại bắt mọi người phải quên tất cả những phân chia của thức tại để chỉ chú ý vào một phân này của thức tại, và để tư dành cho mình cái danh dư là đích thức, hiện thức? Nguyên do khổ đau có thể là sự phân phối lợi tức không đồng đều, có thể là sự bóc lột của tư bản đối với người nghèo. Chúng tôi sẵn sàng công nhận điều đó. Nhưng nguyên do của khổ đau còn là cô chấp, thành kiến, cuồng tín, độc tài và tham vọng. Những kẻ thù đó của loài người không phải chỉ đứng về phía chỉ giới tư bản. Chúng nằm sâu trong

lòng mọi giới, kể cả giới tiêu tử sản, cũng như giới nông dân thợ thuyền. Chính những kẻ thù đó mới là kẻ thù không đội trời chung của con người. Xin đừng giết con nết bằng cách nhân danh, dù là nhân danh hạnh phúc của con người, nhân danh tự do, nhân danh đảng phái hay nhân danh tôn giáo. Hãy giết tham vọng, căm thù và cố chấp - trong ta và trong mọi người.

Người văn nghệ sĩ Phật tử tiếp xúc với Sự Thực Thứ Nhất để cho tâm hồn rung động vì xót thương, nuôi dưỡng xót thương ấy (Bi) cho lâu bền để biến thành ý chí phụng sự. Người văn nghệ sĩ Phật tử mở rộng cánh cửa nhận thức để học hỏi và trực nhận thực tại (Trí) và can đảm tố cáo những sự thực khổ đau để cùng gây ý thức xây dựng an lạc xã hội mà không sợ hãi bạo lực và khổ đau (Dũng). Người văn nghệ sĩ Phật tử, được hướng dẫn bởi tinh thần Phật giáo, đồng góp nhận thức và ý kiến mình cho giáo hội thực hiện những chương trình và kế hoạch cải tiến xã hội về mọi mặt sinh hoạt. Người văn nghệ sĩ Phật tử bằng sáng tạo nghệ thuật, hướng dẫn và giáo dục quần chúng, khiến quần chúng tự nguyện tham dự những công trình xây dựng chung phù hợp với tình thương và tự do. Đó là Pháp thí trong nhiếp pháp thứ nhất. Ng văn nghệ sĩ Phật tử không tin ở giải pháp gây căm thù bởi vì căm thù thường đi đôi với tàn bạo. Sức mạnh không phải chỉ có thể tạo được do căm thù. Lòng xót thương (Bi) và tình thương yêu (Từ) là chất liệu tạo nên, một sức mạnh không kém gì sức mạnh của biển cả. Sức mạnh của từ bi luôn luôn được soi sáng bởi lý trí mà không phải là một sức mạnh mù quáng. Căm thù thì khổ mà sáng suốt được; trong chúng ta ai cũng biết rằng giận mất khôn và mất ngon.

Tình thương và sự cởi mở để chiêm diện ở lòng người. Có trong lòng, tình thương rồi người văn nghệ sĩ Phật tử sẽ đạt được nghệ thuật làm rung động con người một cách dễ dàng. Họ sẽ không chú ý mắng công kích một cách thô tục. Họ thực hành ái ngữ, nhiếp pháp thứ ba. Họ chỉ bình tĩnh trình bày sự thực, điều hơn lẽ phải với một ngời bụt ước mức thương yêu và xót xa. Tôi đã từng thấy một biểu ngữ để những câu như: "Chém cha cái lão giặc Hồ". Cái ngữ khi ấy, cái hình thức văn nghệ ấy phản lại tinh thần đạo Phật. Người văn nghệ sĩ Phật tử chẳng bao giờ làm như thế. Anh không thích cu Hồ Chí Minh điều gì thì anh cứ nói ra; nói một

cách thành thực, dễ hiểu, cảm động thì anh mới khiến cho tôi nghe anh được. Anh viết câu ấy chẳng có lời gì cả. Ngữ khí của anh đã không khiến cho người ta thấy được Cu Hồ sai lầm ở điểm nào mà chỉ làm cho người ta hết tin nơi anh, khiến cho người ta ghét anh.

Cho nên đi vào cuộc đời, văn nghệ đạo Phật mang theo, cảm thông, cởi mở và tình thương tiêu chuẩn của người văn nghệ sĩ Phật tử là Tứ Nhiếp Pháp: Bô thí, Ái Ngữ, Lợi Hành và Đồng Sự.

Văn nghệ biểu hiện sinh hoạt hoặc tâm linh hoặc xã hội phải được thực hiện trong những hình thức khế cơ. Đại chúng hóa văn nghệ cũng là tuân theo nguyên tắc khế cơ của đạo Phật để văn nghệ có thể có tác dụng mạnh mẽ trong đa số quần chúng Việt-Nam. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là tất cả các văn nghệ sĩ phải làm nhất loạt y hệt nhau: mỗi lĩnh vực cần có văn nghệ sĩ, cho lĩnh vực ấy, tuy rằng đại chúng đời đời sự có mặt của một số đông văn nghệ sĩ bên cạnh họ.

Cố nhiên người văn nghệ sĩ không nhất thiết cần phải viết những bài thuyết pháp những mẫu chuyện thiện ác nghiệp báo mới được gọi là phục vụ cho lý tưởng, đạo Phật. Người văn nghệ sĩ Phật tử có thể vẽ tranh hài hước, có thể viết tiêu thuyết trang trí các nhật báo, có thể soạn dân ca... và dĩ nhiên sẽ là để tài lấy trong cuộc sống hàng ngày. Ngòi bút sẽ chẳng bao giờ hạ xuống để viết hay vẽ những gì gây thêm căm thù, cuồng tín, và những gì kích động dục vọng thấp hèn. Ngòi bút sẽ ca ngợi tình yêu và thượng, sẽ gây ý thức cho quần chúng về những đau khổ hiện thực của cuộc đời, động viên quần chúng đứng dậy trong công cuộc cách mạng xã hội để cải tiến đời sống đang đầy đầy khổ đau. Sức mạnh của lòng xót xa và tình thương yêu có thừa năng lực động viên quần chúng đứng dậy trong một niềm tin vào tự lực của mình và vào ngày mai. Lòng xót xa ấy, tình yêu thương ấy và niềm tin ấy là những họa trái tốt đẹp nhất mà người văn nghệ sĩ Phật tử có thể hiến tặng.

Tính táo trong ý thức về Sự Thực Thứ Nhất người văn nghệ sĩ Phật tử sẽ không thể không đứng trong hàng ngũ của chủ nghĩa chân hiện thực. Do đó mà người văn nghệ sĩ Phật tử không xa lìa quần chúng. Và cũng như

Lục thừa Phật Giáo và phương pháp tu chứng

Tâm Đức

"Nguyện hồi hướng công đức pháp thí này đến những ai muốn cầu Phật Đạo".

Người Phật tử khi học về giáo lý hay khi đọc kinh điển Đại Thừa thường được nghe và thấy nói nhiều về Ngũ Thừa Phật Giáo. Sự thực thì tên Ngũ Thừa Phật Giáo, nghĩa là từ Nhân Thừa Phật Giáo đến Bồ Tát thừa Phật Giáo còn có một thừa nữa tối qu a n trọng, có thể nói là rốt ráo, tột đỉnh mà trong kinh Pháp Hoa gọi đó là Phật Thừa, hoặc cũng có nơi gọi là Tối Thượng Thừa.

Vậy Lục Thừa Phật Giáo gồm những Thừa gì? Tại sao gọi là Thừa, và phương pháp tu chứng như thế nào?

Trước hết danh từ Thừa hay Thặng, t h e o nghĩa chữ Hán là chiếc xe. Lục Thừa là sáu chiếc xe chở chúng sanh đi về sáu nẻo khác nhau. Nói một cách dễ hiểu, tùy theo căn cơ của chúng sanh và trình độ tu chứng, chúng sanh sẽ nương theo những chiếc xe ấy để đạt được cứu cánh. Hoặc sau khi bỏ báo thân này trở lại làm người, sanh lên cõi Trời, hay chứng được quả vị Thanh Văn, Duyên Giác Bồ Tát và sau cũng thành Bạc Chánh Đẳng, Chánh Giác.

Thứ nhất: Nhân Thừa:

Người Phật Tử đã rõ căn bản Đạo Phật đã được Đức Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần với các đệ tử của Ngài là lý Nhân Quả. Nếu chúng ta quan sát kỹ lưỡng mọi sự vật ở chung quanh ta, từ những chúng sanh hữu tình (người, loài vật) cho đến những chúng sanh vô tình như cây cỏ, hay đến bất cứ những sự vật vô tri vô giác nào chẳng nữa tất cả đều bị chi phối bởi luật nhân quả.

Con người từ khi thọ thai (nhân) sanh ra lớn lên (quả). Cây cỏ cũng từ hạt giống (nhân) nảy mầm sinh trưởng (quả) cứ như thế mà xoay vần, từ nhân đến quả rồi từ quả trở lại nhân. Khoảng thời gian từ nhân đến quả dài ngắn tùy theo loại, nhưng tựu trung tất cả mọi sự vật không thể nào có quả mà không có nhân.

Chính vì tất cả sự vật đều bị luật nhân quả chi phối nên mỗi phải chịu sự luân hồi từ quá khứ đến hiện tại rồi vì lại khi thặng khi trầm tùy theo nghiệp lực đã tạo. (1)

Trong kinh A Hàm, Đức Phật đã dạy rằng: "Ta thấy chúng sanh luân hồi trong lục đạo như Người có mắt sáng đứng trên lầu cao thấy rõ kẻ đi đường". Khi đã hiểu rõ được lý nhân quả người Phật tử phải biết ứng dụng để tu hành. Tùy theo căn cơ và hoàn cảnh của mỗi người ta có thể lựa chọn những pháp tu hành từ thấp đến cao.

Người Phật tử giữ được 5 giới căn bản (không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không say sưa rượu chè) là những người đã giữ đúng tự cách của một c o n Người. Giữ tròn 5 giới trên đây, người Phật tử tránh được việc gây nhân bất Thiện tức sẽ không gặt quả bất thiện. Bởi lẽ khi tạo nhân tốt sớm hay chầy cũng phải gặt l a y quả.

Về điểm này cũng cần nói rõ thêm là cũng có khi gây nhân mà không thấy quả hoặc gây nhân xấu mà không gặt quả xấu hay ngược lại. Đó là trường hợp khi lỡ gây nhân rồi, người Phật tử biết ăn năn chừa lỗi của mình rồi tìm cách sám hối, thì "quả" sẽ nhẹ đi, hoặc có khi diệt hẳn. Yếu tố làm tăng hay

giảm kết quả của những nguyên nhân, trong danh tứ Phật giáo gọi đó là những trớ duyên.

Tóm lại, khi ta giữ trọn được 5 giới đã nói ở trên thì khi còn sống, người Phật tử cũng đã sống xứng đáng với tư cách của một con Người, sau khi chết, chắc chắn sẽ tái sinh vào cõi Người.

Giữ trong 5 giới là ta đã áp dụng lối tu theo Nhân Thừa Phật Giáo.

Thứ hai: Thiên Thừa

Sau khi tu theo Nhân Thừa Phật Giáo, người Phật tử còn muốn đi xa một bước nữa nghĩa là không những giữ trọn được 5 giới học còn thực hành được mười điều Thiên (Thập Thiên) Mười điều Thiên gồm ngoài 5 giới ở trong Nhân Thừa Phật Giáo còn có thêm giới không nói thêu dệt, nói hung ác, nói đâm thọc mà trong danh tứ Phật giáo thường gọi là lưỡng thiệt (hai lưỡi). Cộng thêm ba giới nữa là bớt tham, sân, si và dứt tà kiến.

Người Phật tử thực hành được 10 điều lành trên đây thì dù là sống trên thế gian cũng được xem là những hạng người đặc biệt đáng tôn kính và sau khi bỏ bảo thân này sẽ được sanh lên cõi Trời hưởng thụ tất cả những sự sung sướng ở cõi Trời.

Thực hành việc giữ được mười điều lành tức là ta đã tu theo Thiên Thừa Phật Giáo. Cũng cần ghi nhận rằng Nhân Thừa và Thiên Thừa Phật Giáo vẫn còn trong lục đạo luân hồi và chỉ khi nào đắc được quả vị Thanh Văn trở lên mới không còn rơi vào Lục Đạo.

Thứ Ba : Thanh Văn Thừa:

Người Phật tử khi ngộ được lý vô thường của vạn vật sẽ chứng được quả vị Thanh Văn tầng thấp nhất trong 4 tầng Thánh (Tứ Thánh) Lý vô thường được nhận rõ trong phạm vi Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật.

Con người hay sanh vật là: Sanh, già, bệnh, chết. Đối với sự vật thì lý vô thường sẽ được quan sát trong 4 hiện tượng: Sanh, trụ, di và diệt.

Rộng hơn nữa, đối với quả đất mà chúng ta đang sống hay những hành tinh khác trong tam thiên đại thiên thế giới thì lý vô thường nằm trong những hiện tượng: Thành, Trụ, Hoại, Không.

Nói một cách khác, bất cứ một vật gì có hình tướng trên thế gian này đều bị bốn yếu tố trên chi phối.

Riêng đối với con người chúng ta, sự vô thường đã được thấy rõ qua bốn giai đoạn: Sanh, già, bệnh, tử; nhưng sự thực thì sự vô thường này đã xảy ra đối với chúng ta trong mỗi sát na, nhưng vì chúng ta là kẻ phàm - phu, nên mắt chúng ta không thể thấy sự biến chuyển ấy được.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương có thuật lại một câu chuyện như sau: Khi Đức Phật hỏi các vị Tỷ Kheo về mạng sống của người thế gian. Đức Phật hỏi vị Tỷ Kheo thứ nhất: Mạng người sống được bao lâu? Vị Tỷ Kheo này trả lời rằng: Mạng người sống được hai năm. Đối với quan niệm của chúng ta 2 năm chỉ là một khoảng thời gian rất ngắn đối với đời sống của một con người. Vậy mà Đức Phật đã dạy: Ông chưa thấy Đạo.

Vị Tỷ Kheo thứ nhì trả lời: Mạng người sống được 2 tiếng đồng hồ, rồi vị thứ ba nói: Mạng người sống được trong một bữa ăn. Tất cả đều bị Đức Phật quở và cho rằng các ông chưa thấy được Đạo.

Sau cùng vị Tỷ Kheo khác đã trả lời rằng: Mạng người sống trong hơi thở. Và Đức Phật đã ngợi khen vị Tỷ Kheo này và cho rằng ông đã thấy Đạo. Ví dụ trên cho thấy khi nào ta thấy được chân lý tức là ta thấy được Đạo. Đạo ở đây đồng nghĩa với chân lý. Chân lý vô thường của vạn vật.

Vậy, muốn đạt được lý vô thường, Đức Phật đã chỉ cho chúng ta tu theo phương pháp bốn chân lý (Tứ Diệu Đế). Cũng xin nhắc lại Tứ Đế gồm có:

Khổ đế: Tất cả những cảnh khổ trong 3 cõi như sanh, già, bệnh, chết.

Tập đế: Nguyên nhân gây ra tất cả những cảnh khổ, tức phiền não, tham, sân, si chứa nhóm kết thành.

Diệt đế: Dứt hết phiền não, nguyên nhân của sự thống khổ khỏi hẳn sanh tử, an vui vắng lặng.

Đạo đế: Phương pháp tu hành để đoạn phiền não, chứng được Thánh quả, an vui, Niết Bàn.

Tương cũng nên biết trong bốn đế nói trên Khổ đế và tập đế thường được gọi là quả và nhân của Thế gian, Diệt Đế và Đạo Đế là nhân và quả xuất thế gian.

Ngoài ra, cần phải hiểu nghĩa chữ "Khổ Đế" theo nghĩa vô thường để tránh sự ngộ nhận

Về ý nghĩa vì "Khô Đê" bao gồm cả nghĩa Khô Tho, Lạc Tho (hướng sự khô, hướng sự vui và Vô Kỳ (tức không khô, không lạc).

Chỉ khi nào ta quan niệm "Khô Đê" như là một hiện tượng "vô thường" thì ý nghĩa của Khô đê và Tập đê mới được sáng tỏ; bởi lẽ khi nói đến khô đê tức chúng ta thường nghĩ đến 4 hiện tượng vô thường: sanh, lão, bệnh, tử. Hoặc đi xa hơn nữa là 8 sự khô (bất khô) mà nguồn gốc của những sự khô này là Tham, sân, si, mạn, nghi và ác kiến.

Nguyên nhân làm cho thân chúng ta thọ sự đau khổ vô thường là Tham, Sân, Si mà trong danh từ Phật giáo gọi đó là Tập nhân và chỉ khi nào chúng ta diệt được hết những tập nhân ấy thì sanh tử mới chấm dứt.

Tóm lại, hiểu được lý vô thường của vạn vật, tận diệt được ba độc, Tham, Sân, Si, Ngũ Phật tử sẽ chứng được quả Vô Thanh Văn. Nói cách khác ta đã ứng dụng lý vô thường để tu theo Thanh Văn Thừa Phật giáo.

(còn tiếp)



(tiếp theo trang 18)

thái độ khiêm cung cởi mở sẵn sàng học tập mà người văn nghệ sĩ Phật tử sẽ không như những con người tuy rằng đứng ngay trong môi trường sinh hoạt của quần chúng mà không thể nào hiểu được quần chúng, vì lẽ những cái vỏ cô chấp và cuồng tín đã khép hờ lại thật chặt cho đến nỗi bất cứ sự xúc tiếp nào cũng đều trở thành vô hiệu.

Những văn nghệ sĩ nào đã đi thật sâu trong phạm vi sinh hoạt tôn giáo cũng cần chú trọng đến sự cải tiến nền lễ nhạc, kiến trúc và mỹ thuật tôn giáo. Lễ nhạc, kiến trúc và mỹ thuật tôn giáo cần biểu lộ tinh thần bi trí dũng của đạo Phật và công việc này còn có giá trị mười lần hơn những bài thuyết pháp hùng hồn. Nhìn một tượng Phật còn xấu hơn cả hình người, nhìn một ngôi chùa kiến trúc còn rườm rà và vưu hơn cả một cái rạp hát, nghe những bài nhạc và đi tụng còn chất chứa ồn ào hơn cả một buổi hát thể gian, ai cũng có quyền nghi ngờ thực chất của đạo Phật. Người văn nghệ sĩ Phật tử chân chính sẽ phải cố gắng ở mọi lĩnh vực sinh hoạt để mà chính đốn lại mọi lệch lạc và đảm nhiệm lấy trách vụ nói lên bằng ngôn ngữ nghệ thuật của mình tiếng nói của đạo Phật trong cuộc đời.

(1) Triết học Duy Thức: chủ thể nhận thức (năng phân biệt) và đối tượng nhận thức (sở phân biệt) nương trên nhau mà tồn tại. Chủ thể và đối tượng là hai hiện tượng của cùng một thực thể.

(2) Thơ với người đọc, của nhóm Phạm Văn Hạnh, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh.

(Bách Khoa Thời Đại, số 197 ngày 15 tháng 3 năm 1965 - từ trang 19 đến trang 25)





Việt Nam phong sử

Nguyễn văn Mại - bản dịch của Tạ Quang Phát - Học Giả Mặc Khách sưu lục.
(Kỳ 14)

CHƯƠNG 51

*Đường vô xứ Nghệ rành rành,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Ai vô xứ Nghệ thì vô.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Nghệ tức Nghệ An. Núi cao thì có núi Hồng,
Sông dài thì có sông Lam, đó là danh thắng
của đất Nghệ An.

Lê Thái Tổ tên húy là Lợi (đọc Lợi, quen đọc
tránh ra Lợi), là nghĩa sĩ ở Lam Sơn.

Hồ Quý Ly soạn ngôi nhà Trần, lúc ấy bị
quân nhà Minh đánh phá, mới tìm kiếm rộng
rãi bậc anh tài trong thiên hạ, lập ở ở n
trại y như trận pháp Lục Hoa, gọi là thành
Lục Hoa (nay là những vùng Thanh Chương,
Nam Đàn ở Nghệ An. Trong núi có thành Lục-
Niên gọi là thành Bình Ngô tức là thành
mà Lê Thái Tổ đồn binh, di tích hãy còn,
việc này thấy ở sách Hoàng Việt Xuân Thu
Ký).

Lê Thái Tổ tự đồn binh ở đây, ở trong thì
vô yên đất Thuận Quảng, ở ngoài thành thì
chống quân Minh, không đầy 20 năm đã trở
thành vị Hoàng Đế của nước Nam độc lập.
Tuy nói là địa lợi cũng vốn ở nhân hòa.

Câu phong dao này là lời của nhân dân vui
mừng đi theo.

Hoàng Phúc nói: "Trong cõi non xanh nước
biếc tất nhiên có người làm vua mặc áo
vàng xưng Trẫm".

Vì vốn biết trước Lê Thái Tổ có thủ đoạn

độc lập đây ư?.

CHƯƠNG 52

*Voi ăn trong rú trong rí,
Voi ra uống nước, voi đi giữa đường.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Voi, loài thú rất to, nước ta sinh sản rất
nhiều giống voi.

Nước Việt ta từ Đinh Tiên Hoàng nhất thống
đất nước về sau đã cùng Trung Quốc làm lễ
bang giao, định ba năm một lần dâng cống
giác, cống voi, đều có thành lệ, nhà Lý nhà
Trần cũng như vậy.

Nhà Trần mất, nước Việt ta lại thuộc nhà
Minh hơn 40 năm (Thời kỳ nước ta thuộc Minh
từ năm 1414, Trương Phụ lấy Thuận Hóa, đến
năm 1427, Vương Thông đem quân về Tàu, tất
cả là 13 năm), quan lại Tàu, mỗi lần sang
nước ta thì tìm đòi mọi thứ: đai vàng, đai
bạc, mỏ lấy trên châu, hải tiêu, trong việc
cắm muối, thậm chí lệnh bắt thêm người cưỡi
độc thóc mồi, sứ giả nổi nhậu lú trên
đường, yêu sách thú vật khắp rừng cùng, rốt
cuộc dân ta không sao cung cấp nổi những
điều chúng đòi hỏi.

Lúc ấy có Lê Thái Tổ, người ở Lam Sơn tỉnh
Thanh Hóa, trong niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 16
(1418) nhà Minh, dấy binh ở Lũng Nhai tự lập
làm Bình Định Vương, đóng đồn ở núi Chí
Linh (tại huyện Thủy Nguyên).

Quân Minh đánh úp, quân Nam lâm vào tình
thế quá quẩn bức, Lê Lai phải bắt chước
việc xưa của Kỳ Tín đổi áo bào mà chiến
đấu đến chết.

Vua Thái Tổ lui về Lư Sơn, rồi phá quân
Minh của bốn tướng Lý Bân, tiến quân ravây
thành Đông Quan. Vương Thông nhà Minh liêu

chết giữ thành để cho viện binh.
Nhà Minh lại sai Liễu Thăng, do ngã 0 n
Khâu tiến sang thì bị ngã ở núi Mã Yên
tại Chi Lăng.

Mộc Thạch tử Văn Trung đến lại bị thua ở
cánh đồng Lãn Cầu tại Đan xã.

Vương Thông bị tuyệt viện binh phải cầu
hòa. Vua Thái Tổ ra lệnh giải vây cho Vương
Thông cùng thế ước ở phía nam thành Đông
Quan, cho Vương Thông rút quân về Bắc.

Vua Thái Tổ sai Lê Lãm dâng biểu _ c ã u
phong. Nhà Minh cho vua Thái Tổ quyền xử
lý việc nước Nam.

Vua sai đem phẩm vật tuế cống vàng bạc 5
vạn lượng, xin y theo lệ cống trong niên
hiệu Hồng Vũ thứ 2 (1368) của Thái Tổ nhà
Minh.

Từ đó triều nhà Minh không còn có lệnh
đôi thú vật nữa.

Người trong nước không có nỗi phiền lụy
bắt voi, cho nên dân được yên, vật được vui
đều có lạc thú sống ở đời.

Cho nên nội voi sinh sản ở trong rừng sâu
đi ra đường lộ ăn uống theo tính thiên
nhiên, vui vẻ tự đắc. Voi hôm nay khác xa
với voi ngày xưa. Đơn cử một con voi mà
nói thì có thể biết được trời đất đã được
yên vị, vạn vật được dưỡng nuôi. Thấy được
cảnh tượng thái bình này mà biết được
nhân dân thái bình. Thương luận đến duyên
cớ họ Lê được nước làm vua.

Nước Việt ta bị Bắc thuộc đã hơn ngàn
năm. Đinh Tiên Hoàng là một thủ lĩnh một
bộ nổi lên làm vua. Đến cuối nhà Trần
nước ta lại bị nhà Minh thôn tính hơn 40
năm (Chỉ có 13 năm mà thôi - 40 năm là
viết sai). Lê Thái Tổ là một nghĩa sĩ đất
Lam Sơn đánh đuổi trừ được quân Minh.
Nước Việt ta được nêu cao ngọn cờ vàng
trong cuộc chiến A Đông là nhờ ở tài sức
của hai vị vua ấy. Nhưng làm Đinh Tiên
Hoàng thì dễ mà làm Lê Thái Tổ thì khó.

Nay, lúc nước ta bị nội thuộc vào nhà Hán
nhà Đường, chính sách áp đảo của chúng còn
sơ sài. Bị hơn một ngàn năm đô hộ, nước ta
không dám chống lại, cho nên theo sự trù
hoạch, các nhà chính trị đại khái khờ để
ý đến người nước Nam ta. Thỉnh thoảng có
một hai người cương cường chống lại thì
cũng do bọn quan thú linh bảo ngược xấu
xa thúc đẩy. Rồi Mười hai Sứ quân chia đất
mà chiếm giữ. Hễ phân tán thì sức dễ chế,

sơ thưa thì thế dễ thừa, cho nên Đinh Bộ
Lĩnh đã chiến thắng luôn và được tôn hiệu
là Vạn Thắng vương là vì thế.

Còn trong thời Lê Thái Tổ, chính sách đô
hộ của nhà Minh rất chặt chẽ. Chính trị
tốt lành của nhà Hán nhà Đường thì thốt
trước thì không điều gì là không theo, và
chính trị tệ hại kèm chế tử trước thì khờ
điều gì là không trừ. Hơn nữa việc hiềm
trở hay dễ dàng về địa thế, việc nhiều hay
ít về dân đinh và điền thổ, bọn Trương Phụ
và Hoàng Phúc đều ghi về vào bản đồ, không
như nhà Hán nhà Đường ngày trước đã s ở
lược biểu thị việc kèm chế. Vậy mà Lê Thái
Tổ là một viên Tuân Kiêm (nhà Minh lấy nước
ta sắc phong cho Lê Lợi chức Tuân Kiêm) đã
nổi lên mà trừ được chúng. Cơ nghiệp gian
nan trong bốn mươi năm (Chỉ có 13 năm kháng
Minh - Nói 40 năm là sai) đều là tia hào
quang sáng rực của nước Nam ta ngày nay
vậy. Không có cuộc giải phóng thoát khỏi
cảnh tù hãm tối tăm thì làm sao có được
ánh vinh quang rạng rỡ của ngày nay, được?
Triều Nguyên ta liệt kê việc kỳ giở vu a
Lê Thái Tổ vào điển lệ cúng tế, thành kính
đổi hướng trăm mã khăn chúc.

CHƯƠNG 53

Sơ ra ai kèm ai đâu?
Kể xe chỉ thăm, người trao hết vàng.

Thơ phong sứ này thuộc phú.
Vua Lê Thánh Tông sau khi được thừa hưởng
thái bình thì biếng về việc chính, thường
lấy văn chương thư sách làm vui. Trong niên
hiệu Hồng Đức thứ 26 (1495), Vua làm rạch
khúc Quỳnh Uyên (1-Phong niên. 2-Quân đao
3-Thần tiết. 4-Minh lương. 5-Anh hiền. 6-
Kỳ khí. 7-Thứ thảo. 8-Văn nhân. 9-Mai hoa
đề hiệp với ca vịnh. Vua Lê Thánh Tông t ự
xứng là Tao đàn Nguyên sù, cho quan Đông
Các Đại Học Sĩ Thân Nhân Trung và Đông
Huân làm phó Nguyên sù, văn thân Ngô Luân, Ngô
Hoán, Nguyễn Trọng Ý, Lưu Hùng Hiếu, Nguyễn
Quang Bật, Nguyễn Đức Huân, Vũ Thích, Ngô
Thâm, Ngô Văn Canh, Nguyễn (cũng là Chu) Hoán
Phạm căn Đạo, Nguyễn Ich Tôn, Đỗ Thuần Thứ,
Phạm Huệ Táo, Lưu Dịch, Đàm Thân Huy, Phạm
Đạo Phú, Chu Huân... tất cả 28 người đ u a
nhau xướng họa, gọi là Nhị thập bát tú (28
chòm sao).

Người đương thời khen ngợi việc ấy b ả o

QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

Ứng Hòe Nguyễn văn Tố

Học Giả Mặc Khách sưu lục

LỜI TÒA SOAN: Quốc Hiệu nước ta - Sử ta so với sử Tàu của Ứng Hòe Nguyễn văn Tố. Bài này đã được đăng trên tuần báo THANH NGHỊ ở Hà Nội trong những năm 1944 và 1945. Kể đến năm 1964 lại được tái đăng trên TIN SỬ ĐỊA của Ban Báo Chí Nhóm Sử Địa Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Nay Viên Giác xin trích đăng lại để làm quà văn hóa cho quý vị độc giả bốn phương.

Cũng vì không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Toà Soan xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Toà Soan để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tình tài để bù đắp vào công lao k h ó nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mai. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thú cho.

(Tiếp theo)

8, - Kiêu Nam - 9, Giao Châu - 10, Vạn Xuân - 11, An Nam Trấn Nam,

Người Tàu gọi phía Nam nước Tàu và nước ta bấy giờ là Lĩnh Nam là đất Bắc Nam Việt của Triệu Đà, ta nhận nhầm là Nam Việt của Triệu Đà là của nước ta, nên cho chữ Lĩnh Nam là tên nước ta (Đại Việt Sử Ký, tiên biên q.1, tờ 14a), xem như quyển chuyên trích quái của ta, là chuyện Bắc Kỳ, và Trung Kỳ, không có chuyện gì ở Lương Quang, thế mà đất là Lĩnh Nam trích quái. Nhưng đến quyển Lĩnh Nam đất sử của Tàu, thì cho chữ Lĩnh Nam là phía Nam nước Tàu, tức là phía nam Ngũ Lĩnh, nên người Tàu có khi viết là Kiêu Nam, trong truyện Mã Viên chép ở Hậu Hán Thư (q.24, tờ 2b) có chữ Kiêu Nam, dưới chữ Kiêu chưa một câu rằng: "tức là Lĩnh".

Nhưng mấy chữ ấy thỉnh thoảng mới dùng, không thông thường như chữ Giao Châu.

Bộ Khâm Định Việt Sử (tiên biên, quyển 2, tờ 17b, 18b dẫn một đoạn Tấn Chí như sau: "Trong đời Hán Thuận Đế (vào năm 136 trước T.C) thái thú Giao Chỉ là Chu Xương xin đặt Giao Chỉ là Giao Châu. Triệu Linh nhà Hán bàn luận, rồi không cho, phong Chu Xương làm Thứ Sĩ Giao Chỉ. Đến năm thứ tám hiện Kiến An (203 trước T.V) đời Hán Đế,

Thứ sĩ Giao Chỉ là Trương Tấn, Thái thú là Sĩ Nhiếp, cùng dâng biểu xin đặt làm châu. Bấy giờ nhà Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu, cho Trương Tấn làm quan mục Giao Châu ấy hai chữ Giao Châu có từ bấy giờ. Cựu sử nói năm Kiến Vũ thứ năm (29 sau T.C) đã chép "Chức mục Giao Châu là Đặng Nhung". Năm Vĩnh Hòa thứ tám (137 sau T.C) lại chép "Trương Kiêu làm Thứ sĩ châu Giao. Trước khi ấy (tức là trước năm 203 sau T.C) chỉ gọi là "Giao Chỉ mục". Giao Chỉ thứ sĩ (Khâm Định Việt Sử, q.2, tờ 17b, mục căn án), chưa có "Giao Châu mục".

Sử ta bộ Khâm Định Việt Sử chép như thế, còn Đại Việt Sử Ký Toàn Thư và Đại Việt Sử Ký Tiên Biên không thấy chép đến. Sử Tàu thì có quyển Việt Kiêu Thư (bản sao cũ ở Trưởng Bác Cổ, số sách 1731, q.3, tờ 12b) và quyển Nguyên Hòa quân huyện chí (sách in, q.38, tờ 2a-b) chép: "Năm thứ 8 hiệu Kiến An (203 sau T.C) đời Hán Đế người Nam Dương là Trương Tấn làm thứ sĩ Giao Chỉ, Sĩ Nhiếp làm thái thú Giao Chỉ, cùng dâng biểu xin đặt làm Giao Châu và đặt chức mục cai trị Nhà Hán bèn cho Trương Tấn lĩnh chức mục Châu Giao... Từ bấy giờ mới gọi là "Giao Châu".

Hồi ấy bên Tàu chia nước làm 12 châu (Dự, Ký, Duyên, Tứ, Thanh, Kinh, Dương, Ích, Lương, Tinh, U, Giao), châu Giao cũng là một châu trong 12 châu ấy. Thế là bắt đầu dùng chữ "Giao Châu" từ năm 203 sau T.C.

Mùa đông năm Bình Ngô (226 sau T.C) nhà Ngô bên Tàu chia châu Giao, đặt châu Quang, cho Lã Đại làm thứ sử châu Định và Đại Lương làm thứ sử châu Giao. Lã Đại bỏ châu Quang, lại làm châu Giao như cũ, Khâm Định Việt Sử (q.3, tờ 3a). Bộ Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại ký, (q. 4, tờ 1a và tiên biên, q.4, tờ 3a) chép việc ấy vào năm Đinh Mùi (227) như thế này: "Chúa Ngô là Tôn Quyền nghe Sĩ Nhiếp mật, cho châu Giao cách xa, chia từ Hợp Phố về phía Bắc là châu Quảng, Lã Đại làm thứ sử, Hợp Phố về phía Nam là châu Giao, Đại Lương làm thứ sử".

Xem đến sử Tàu như quyển Nhi thập tứ sử Ngô Chí (q.3, tờ 8a) và quyển Quang châu phủ chí (q.6, tờ 3a) thì thấy chép việc ấy vào năm Hoàn Vũ thứ 3 nhà Ngô (226 sau T.C) thế là Sử Ký toàn thư và Sử Ký tiên biên của ta chép không rõ nên theo Khâm Định Việt Sử mới đúng.

Tháng 7 năm Giáp Thân (264) hiệu Nguyên Hưng thứ nhất đời Ngô Tôn Hạo (tức là năm thứ nhất hiệu Hàm Hi nhà Ngụy) vua Ngô bên Tàu lại chia đất châu Giao, đặt châu Quang. Năm ấy vua Ngô cắt ba quận: Nam Hải, Thượng Ngô, Uất Lâm, đặt châu Quang, châu Trì, Phiên Ngung, quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố làm châu Giao, châu Trì ở Long Biên (Khâm Định Việt Sử q.3, tờ 10a). Đại Việt Sử Ký (tiên biên q.4, tờ 7a) cũng chép việc ấy vào tháng 7 năm thứ nhất hiệu Nguyên Hưng thứ nhất, đời Ngô Tôn Hạo (246 Tam Quốc Ngô Chí (q.3, tờ b) chép vào tháng 7 năm thứ 7 hiệu Vinh An đời Ngô Tôn Hưu xem Quảng Châu phủ chí (q.6, tờ 3b) về mục căn án có câu "...Tháng 7 năm ấy Tôn Hưu mất, Tôn Hạo nối ngôi, đổi niên hiệu ngay, làm năm thứ 1 hiệu Nguyên Hưng cho nên chép nhầm là việc đời Tôn Hạo..." Chính ra là việc đời Tôn Hưu mới phải. Nhưng đời đời với lịch Tây không có hệ trọng gì, dấu là Tôn Hưu hay Tôn Hạo, cũng vẫn là năm 264.

Năm Quý Mão (523) hiệu Phổ Thông thứ tư, nhà Lương lại chia đất châu Giao, đặt ra châu Ai (Khâm Định Việt Sử q.3, tờ 33a),

Nguyên Hòa quận huyện q.38, tờ 6a).

Thế là từ 203 (là năm nhà Hán đổi Giao Chỉ làm Giao Châu) đến năm 679 (nhà Đường đổi Giao Châu làm An Nam) chữ Giao Châu có khi là cả nước (đối Hán) có khi là nửa nước (đối Ngô), có khi là một phần trong 12 phần (đối Đường), nhưng phần ấy sẽ kê dưới đây.

Nhưng trước khi đặt tên là "An Nam", nước ta có một tên nữa là Vạn Xuân.

Trên kia đã nói năm 523 nhà Lương lấy đất châu Giao đặt thêm châu Ai. Đợi 20 năm sau, ở châu Giao có ông Lý Bí (Lý Bôn) dưới thứ sử nhà Lương, giữ thành Long Biên (năm 541) đến năm 544 thứ sử là Tiêu Tư chạy về châu Quảng. Năm ấy ông Lý Bí lên ngôi hoàng đế ở thành Long Biên, sắp đặt bách quan đổi tên nước là Vạn Xuân, đứng nhà Tiên Lý (541-602), đặt niên hiệu là Thiên Đức (nước ta có niên hiệu bắt đầu từ bây giờ, tức là từ năm 544).

Nhà Tiên Lý độc lập được 60 năm, ngang với bên Tàu là Năm Bắc Triều (từ Lương, qua Trần sang Tùy). Sử ta, như Khâm Định Việt Sử tiên biên (q.4, tờ 2b) chép là "Lý Nam Việt Đế". Đại Việt Sử Ký, tiên biên (q.5, tờ 1a) chép là "Tiên Lý, kỷ niên Nam đế". Đại Việt Sử Ký toàn thư (q.4, tờ 14b) chép là "Tiên Lý kỷ Tiên Lý Nam đế", đều công nhận ông Lý Bí là Tổ nhà Tiên Lý và lại là tổ các nhà chính thống sau này.

Thế mà sử Tàu như Lương kỷ, Trần kỷ, không chép đến sử thân của ta là Ngô. thì si đã phải nói rằng: "Nước ta từ khi nội thuộc nhà Hán, một chức quận thú, một chức man tù tuy là nội lên lại thua ngay, đều là chép cả, duy có việc họ Lý, họ Triệu đem quân giết lấy bờ cõi, kẻ ra cũng được lâu năm công nghiệp không phải là nhỏ, mà lại đời sử Tàu là Lương Kỷ và Trần Kỷ, đều không chép đến chính là chỗ khuyết của sử Tàu".

Tuy thế, sử Tàu cũng có chép qua công việc của các ông vua thuộc đời Tiên Lý. Như Trần Thư (q.1, tờ 1b) chép rằng: "Thứ sử châu Giao là Tiêu Tư, vì tham khắc mất lòng dân, nên bạn thù là Lý Bí, kết liên với hào kiệt vài châu làm phản... Lý Bí hợp quân vài vạn ở bờ sông Tô Lịch để chống nhau với nhà Lương. Trần Bá Tiên phải bách tử quyết lực để tiến quân".

Trần Thu (q.1, tờ 2a) nói đến cả "anh Lý Bí là Lý Thiên Bảo chôn vào Cửu Châu cùng với tướng cướp(?) là Lý Thiệu Long thu hai vạn quân, giết thứ sử châu Đúc, rồi tiến vây châu Ai".

Đến truyền Lý Phát Tử và Triệu Việt Vương thì sử Tàu (Tùy thư q.2, 3b) chép: "Năm khai hoàng thứ 10 (590) bọn Lý Xuân ở Giao Chỉ tự xưng đại đô đốc, đánh hãm châu, huyện: vừa Tùy sai Thường-tru-quốc-nội-sứ- lệnh Việt Quốc Công là Đường Tổ sang đánh dẹp. So với sử ta năm ấy là năm thứ 20 của Lý Phát Tử mà sử Tàu chép là Lý Xuân, thì có lẽ họ cũng biết tên nước ta, hồi ấy gọi là Vạn Xuân. Sơ dĩ viết tắt là "Lý Xuân" (nghĩa là nước Vạn Xuân họ Lý) cũng như viết tắt là "Lưu Tống" (nhà Tống họ Lưu) "Triệu Tống" (nhà Tống họ Triệu).

Thái Bình Hoàn Vũ Ký (q.170, tờ 7a-b) cũng là sách Tàu chép "lời cô lão nội năm Đại Đồng thứ sáu (540) người Giao Chỉ là Lý Bí tiên xưng tên nước, hiệu vua, dựng đại Vạn Xuân". Cứ như vậy, người Tàu cũng biết ông Lý Bí đặt tên nước là Vạn Xuân Quốc và đặt tên chỗ chiêu hội là Vạn Xuân đài.

Đến tháng 8 năm Kỷ Mão (679) là năm thứ nhất hiệu Diêu Lộ đời Đường Cao Tông, nhà Đường mới đặt "An Nam đô hộ phủ", phủ trị ở châu Giao. Đường thư dẫn: An Nam đô hộ phủ vốn là quận Giao Chỉ, phủ trị ở Giao Chỉ, còn 12 châu là Giao, Lục, Phong, Ái, Hoan, Trường, Phúc Lộc, Thăng, Chi, Vũ Nga, Diên và Vũ An (Khâm Định Việt Sử q.4, tờ 18a).

Thái Bình Hoàn Vũ Ký (q.190, tờ 13a) cũng chép việc đổi "Giao Châu đô hộ phủ" làm An Nam đô hộ phủ vào năm 679. Nguyên Hòa quân huyện chí (q.38, tờ 2b) chép vào năm 651 (năm Vĩnh Hựu thứ hai). Đại Việt Sử Ký toàn thư (q.5, tờ 3a) chép vào năm 622 (năm Vũ Đức thứ năm). Hai quyển ấy có lẽ chép nhầm: chính năm 679 như trong Đường thư chép mới đúng.

Nhưng hai chữ "An Nam" đã có từ năm 264 sau T.C. Trên kia đã nói năm ấy là năm nhà Ngô bên Tàu chia đất châu Giao, đặt 1 à m châu Quang lân thứ hai. Nhà Ngụy đặt Thái thú quận Giao Chỉ cho Lã Hưng làm "An Nam tướng quân, Giao Chỉ thái thú" cho gia m quân là Hoắc Giác(?) quyền lĩnh thứ sử

Giao Châu, được tiên nghi tuyền dung tương lai. Lúc ấy Hoắc Giác dâng biểu xin cho Thoán Côn làm Thái thú, cho nhà tướng 1 à bọn Đông Nguyên và Vương Tổ đem quân đến giúp Lã Hưng, chưa đến nơi, Hưng bị Công Tào là Lý Thông giết, Thoán Cốc cũng chết.

Đại Việt Sử Ký, tiền biên, q.4, tờ 9a, và Khâm Định Việt Sử thông giám cương mục, q.3, tờ 10b.

Tuy hai chữ ấy là một tên chức quan, mà chức quan ấy chưa làm việc gì ở nước ta, nhưng tìm cội gốc nên hai chữ "An Nam" có từ năm 264.

Đến năm 757 là năm thứ hai hiệu chí đức nhà Đường đời "An Nam đô hộ phủ" làm "Trần Nam đô hộ phủ" (Khâm Định Việt Sử q.4, tờ 23b). Đại Việt Sử Ký (toàn thư q.5, tờ 4b, và tiền biên q.6, tờ 7a) đều chép vào năm 758 (Mậu Tuất). Quyển Hoàng Việt Giáp Tý niên biểu (q. thường, trang 282) chép vào năm 756 (Bính Thân). Nên theo Nguyên Hòa quân huyện chí (q.38, tờ 2b) và Thái Bình Hoàn Vũ Ký (q.170, tờ 3a), vì hai quyển đã khảo cứu và xét nhất định vào năm 757, cũng như Khâm Định Việt Sử.

Năm 768 (Mậu Thân) là năm thứ ba hiệu Đại Lịch nhà Đường lại đổi chữ "Trần Nam" làm chữ "An Nam" như cũ (Khâm Định Việt Sử q.4, tờ 25b, Sử Ký tiền biên, q.6, tờ 7b, Sử Ký toàn thư, q.5, tờ 5a). Sử Tàu (Nguyên Hòa quân huyện chí, q.38, tờ 3a, Thái Bình Hoàn Vũ Ký, q.170, tờ 3a) cũng chép năm 768 (Đại Lịch thứ ba) nhà Đường bãi chức tiết chế, đặt chức kinh lược, và đổi chữ "Trần Nam" làm chữ "An Nam".

Tháng giêng năm Hàm Thông thứ ba (862) quân Nam Chiếu trên Vạn Nam tràn xuống hãm phủ đô hộ, Kinh lược sứ là Thái Tập bị giết chết. Tháng năm năm ấy, nhà Đường chia Lĩnh Nam làm hai đạo đông và tây, cho Vi Trụ và Thái Kinh làm tiết độ sứ. Nguyên trước Lĩnh Nam chia làm năm, là Quảng, Quế, Ung, Dung và An Nam. Thái Kinh tâu xin chia Quảng Châu làm Đông Đạo, Ung Châu làm Tây Đạo (Khâm Định Việt Sử, q.5, tờ 1b)

Tháng 6 năm sau (tức năm Quý Mùi, 863, hiệu Hàm Thông thứ tứ) quân Nam Chiếu hãm phủ thành, nhà Đường gởi tất cả các đạo quân về giữ Lĩnh Nam tây đạo, bỏ phủ đô hộ, đặt hành

Giao Châu ở trấn Hải Môn cho chức h ứ u-
giám-môn vệ tướng quân là Tống Nhung làm
thứ sử hành Giao Châu, chức vụ nghĩa tiết
đồ sứ là Khang Thừa Huân kiêm Lĩnh Nam và
hành doanh các quận.

Thế là trong lúc ấy không có phủ đô hộ,
chỉ có Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn. Có
người cho Hải Môn là thuộc Hải Dương. Tra
Thanh Nhất Thống Chí thì "Hải Môn trấn
nay ở phía tây huyện Bắc Bach, châu U ất
Lâm, cách huyện đó 15 dặm, ngày xưa là con
đường ở Tàu sang An Nam; Cao Biền dùng
quân ở đây" (dẫn trong Khâm Định Việt Sử
q.5, tờ 4a-5a).

Thế là tháng bảy năm ấy (863) nhà Đường đặt
phủ đô hộ ở Hành Giao Châu, thăng Tô n ị g
Nhung làm Kinh lược sứ đem quân Sơn đông
đến để trấn trị (Đại Việt Sử Ký toàn thư,
q.5, tờ 12a, Khâm Định Việt Sử, q.5, tờ 5a).

Năm sau (864), Nam Chiếu vào cướp Ung Châu
quan quân nhà Đường bị thua. Thừa Huân gia
mạo lấy công, được thăng Kiêm Hiệu Lĩnh
Nam tiết độ. Vì Trụ biết rõ công việc Thừa
Huân, mới làm tờ bạch lên tể tướng nhà
Đường. Vua Đường bèn bãi chức của Thừa
Huân, cho chức Tổng quản kinh lược sứ là
Trương Nhân sang thay, kiêm câu đống việc
châu Giao, thêm 35.000 quân ở trấn H ả i
Môn, sai Trương Nhân tiên lấy phủ thành
(đây là theo Khâm Định Việt Sử, q.5, tờ 6b
và Việt Kiều Thư, q.4, tờ 14a, đều chép là
25.000 quân).

Trương Nhân dùng đảng không di: Hạ Hầu Tứ
tiên cứ chức Kiêu vệ tướng quân là Cao
Biền sang thay. Tháng 7 năm 864 vua Đường
cho Cao Biền làm chức Đồ hộ tổng quản
kinh lược chiếu thao sứ: những quân Trương
Nhân đem đi, hết thay giao cho Cao Biền
(Đại Nam Sử Ký toàn thư, q.5, tờ 12b, Khâm
Định Việt Sử, q.5, tờ 6a-b, dẫn Cương Mục
và An Nam Ký Yếu). Thế là phủ đô hộ bị
quan Nam Chiếu chiếm mất, cho nên phải đặt
phủ đô hộ ở Hành Giao Châu.

(còn tiếp)

(tiếp theo trang 23)

răng quan chức của các vị ấy có cấp bậc
cao thấp, nhưng khi uống rượu ngâm thơ thì
chương chương găm vọc, chú chú châu ngọc,
họ không lăm khi nhường nhau. Nay, vua tôi
xướng họa với nhau, từ xưa đã có việc ấy,

như bài hát Minh Lương (nói về vua sáng
tôi giỏi của vua Lê Thánh Tông làm ra),
mười thiên thơ Quyển A thuộc phần Đại -
Nhã trong Kinh Thi (của Thiệu Khang đ i
theo vua Thành Vương nhà Chu dạo chơi ca
vinh ở trên gò). Tao đàn xướng họa của vua
Lê Thánh Tông quả có vậy chăng? Vua D ứ c
Tông (Tự Đức) phê rằng: "Đại hạn đại vũ đại
cơ giả lữ, hựu tướng xứng dự cãng khoa,
thủ vi khả bỉ!" (= Hạn to, mưa to, đời to
lầm lẫn, lại làm thơ khen tặng khoekhoang
nhau thì thật là đáng khinh).

Một thuyết nữa nói cha của Tử Đạo Hạnh là
Tứ Vinh được phép tàng thân (tàng hình)
thượng vào trong cung vua thông gian với
cung nhân. Vua nhà Lý ghét việc ấy mới hỏi
kế ở Đại Diên pháp sư (quê quán gần xã An
Lãng).

Đại Diên pháp sư mới giao cho cung nhân
một đoạn chỉ hồng và dặn: "Như gặp kết tang
hình đến thông gian thì lấy tờ hồng này
cột lại để ta tiên bắt hần".

Một đêm nọ có một cung nhân hay biết c ó
người đến thông gian bên làm y theo phép
đay, lấy chỉ cột lại, thì thấy một cây đôn
cột chỉ rớt xuống trên cây đôn nhà, liền
báo cho Đại Diên pháp sư hay. Pháp sư bắt
đem ra, người ấy là Tứ Vinh, cha của T ử
Đạo Hạnh.

Tứ Đạo Hạnh muốn báo thù cha, mới sang Tây
phương (Ấn Độ) học tu luyện được bữa phép
rồi trở về nước, gặp Đại Diên pháp sư ở
sông Tô Lịch (tại Hà Nội), liền lấy g ầ y
đánh vào cái bóng của Đại Diên. Đại Diên
chết.

Nay mỗi lần đến ngày lễ của Đạo Hạnh,
nhân dân xã An Lãng rước thần vị của Đạo
Hạnh đi ngang qua miếu của Đại Diên liền
đốt pháo thăng thiên làm như cảnh trạng
chiến đấu đánh nhau, thì các ni cô trong
chùa Đại Diên đều đọc câu:

Đừng sợ, đừng sợ,
So ra ai kém ai đâu:
Đó xe chỉ thăm, đây trau hột vàng.

Nhưng chưa biết có đúng không, chỉ c h ế p
thuyết này để lại. (Chùa của Tử Đạo Hạnh
đứng tại xã An Lãng tỉnh Hà Nội).

(Còn tiếp)

TRUYỆN HÙNG ĐẠO VƯƠNG



Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần thứ nhất tại Đông Kinh Ấn Quán, Hà Nội năm 1914.

Học Giả Mặc Khách sưu lục.

HỒI THỨ MƯỜI BA

Trần đại-vương dùng phép trừ tà,
Yết tướng-quân đục thuyền mắc lưới.

Hùng-đạo vương đồng quân trong thành Thăng Long, giữ nhau với quân Nguyên, được hơn nửa tháng. Nghe tin quân Nguyên phạm lãng tiên-đế, đã sai quân về sửa sang. Lại lo Thoát-Hoan cho quân xuống lần nữa, mới sai Phạm-ngũ-Lão dẫn 5.000 quân xuống giữ chặn đứng Long-hung. Một mặt hội các tướng lại bàn mưu phá giặc.

Tham-tân Phạm-Ngộ nói rằng:
- Thoát-Hoan chẳng qua chỉ y thể cô y ê u thuật, phá vỡ quân ta. Nay nên nghĩ cách trừ được thuật ấy, thì đánh mới đỡ được quân Nguyên.

Hùng-đạo vương nói rằng:
- Ta thuở xưa thường cô học được dị thuật, ta đã lập thành trận đồ, gọi là Cửu-cung Bát-quái. Lại may có một thanh thần kiếm; vậy đề ngày mai ta dẫn quân ra thành đánh trận đánh nhau với quân Nguyên, kỳ cho bắt được yêu-nhân mới nghe.

Sáng hôm sau, Hùng-đạo vương đem quân ra thành, bày thành trận thế, chia quân dàn ra tám cửa, mỗi cửa một sắc cờ: Mặt chính-đông cờ xanh, mặt chính-tây cờ trắng, mặt chính-nam cờ đỏ, mặt chính-bắc cờ đen. Góc đông-nam cờ gián sắc xanh-đỏ, góc đông-bắc cờ gián sắc xanh-đen, góc tây-nam cờ gián sắc đỏ-trắng, góc tây-bắc cờ gián sắc trắng-đen.

Mỗi mặt 300 quân: 50 tên kỳ-mã cầm cờ, 250 tên bộ-tốt cầm đồ khi giới. Ở chính giữa thì có một toán quân cờ vàng. Hùng-đạo vương dẫn Dã-Tượng, Yết-Kiều tự lĩnh trung quân, còn các mặt chia sai bốn vị vương-tử là Hùng-võ vương Quốc-Nghiên lĩnh mặt chính-đông; Hùng-hiến vương Quốc-Úy lĩnh mặt chính-tây; Hùng-nhuống vương Quốc-Tàng lĩnh mặt chính

nam; Hùng-trí vương Quốc-Nghê lĩnh mặt chính bắc. Lại sai Hùng-Thăng giữ góc tây-bắc; Huyền-Du giữ góc tây-nam; Nguyễn-địa-Lô giữ góc đông-nam; Hà-Chúng giữ góc đông-bắc. Dàn bày đầu đây, sai người đưa chiến-thứ cho Thoát-Hoan, thách đánh.

Thoát-Hoan đến vây thành đã hơn nửa tháng, ngày nào cũng đem quân đến dưới thành khiêu chiến, nhưng thấy Hùng-đạo vương giữ vững bốn mặt thành không ra, nghĩ mãi chưa có kế gì phá được. Bỗng nhiên thấy có chiến-thứ đưa đến. Thoát-Hoan mở ra xem biết là thách đến phá trận. Lập tức lên ngựa dẫn quân đến gần dưới thành xem trận thế làm sao. Trông thấy trận bày tám cửa rất là nghiêm chỉnh, mới hỏi Nguyễn-bá-Linh rằng:

- Trận kia gọi là trận gì?
Nguyễn-bá-Linh lên cao ngẫm nghĩa xem một hồi lâu, rồi nói với Thoát-Hoan rằng:
- Trận này có tám cửa, ở giữa lại có một đội quân, đó là theo trong Hà-đồ Lạc-thứ bày ra gọi là trận Cửu-cung Bát-quái.

Thoát-Hoan lại hỏi:
- Cứ như trận ấy có cách gì khó phá, mà y dám thách quân ta?

Bá-Linh thưa:
- Tôi xem kỹ trận này, tuy không lấy gì làm khó phá, nhưng xem lại thì có sát-khí bốc lên, chắc là có thuật qui-thần gì đây, nếu đại-quân khinh thường phá vào, tất là mất mào.

- Vậy thì người có thuật gì phá được không?
Bá-Linh ngần ngừ một lúc, rồi thưa rằng:
- Trận này biến hóa lắm phép, xin thái-tử đóng quân ở ngoài, để tôi xin lĩnh một toán quân phá vào trong trận, tùy cơ ứng biến, phỏng có nguy cấp, tôi cũng có phép thoát thân.

Thoát-Hoan nghe lời, cho Bá-Linh dẫn một đội quân vào phá trận, còn mình thì đóng quân ở ngoài.

Bá-Linh dẫn 500 quân hò reo đánh trống từ mặt chính-đông đánh vào. Hưng-đạo, vương thấy quân Nguyên đánh vào, thủ tướng là Bá-Linh, trong bụng đã mừng, chắc là phen này bắt được yêu-nhân. Mỗi cầm thanh thân-kiếm niêm chú mấy câu, rồi lại cầm lá cờ v à ng phất lên, bỗng đứng trời đất tối sầm, dùng dùng nổi gió. Bá-Linh giết mình, kịp muốn rút quân chạy ra, thì trời đã mù mịt, không phân biệt bên nào là đông, tây, nam, bắc, chỉ thấy tiếng quân hò reo, cung nỏ bắn ra như mưa. Bá-Linh thấy thế đã nguy cấp lắm, mới dùng phép độn-giáp, tàn hình biến mất, còn 500 quân thì bị chết và bị bắt sống không thoát một người nào.

Thoát-Hoan khi ấy thấy Bá-Linh v ả o khỏi trận thì trời nổi gió, u ám cả lại, biết là mắc mưu, không dám vào cứu, liền rút quân chạy ra bờ sông Phú-lương. Hưng-đạo vương thừa thế đuổi đánh, quân Nguyên xuống thuyền không kịp, chết đuối rất nhiều. Thoát-Hoan chạy được lại lui về Vạn-kiệp, chia quân giữ trại Chí-linh và trại Phá-lại.

Hưng-đạo vương thu quân, biết Bá-Linh dùng phép trốn được, bàn với các tướng muốn tiến quân xuống Vạn-kiệp, bầy kế bắt cho được Bá-Linh mới nghe.

Bá-Linh trốn về Vạn-kiệp ra mắt Thoát-Hoan

Thoát-Hoan mừng rỡ, hỏi rằng:
- Ta tưởng là người bị hãm ở trong trận rồi, làm sao lại về được đến đây?

Bá-Linh thưa rằng:

- Tôi may nhờ có thuật tàng hình biến hóa không thì cũng mắc phải trận ấy.

Thoát-Hoan lại nói rằng:

- Không ngờ Trần Hưng-đạo cũng biết dùng thuật, người nghĩ làm sao bây giờ?

Bá-Linh thưa:

- Thái-tự khoan tâm, xin ngài cứ giữ vững ở đây, để tôi xin cùng với O-mã-Nhi tướng-quân, đem thủy quân ra sông Phú-lương, liệu tìm mưu kế mà phá thành Thăng-long.

Thoát-Hoan nghe lời, sai O-mã-Nhi, Bá-Linh dẫn 500 chiến thuyền từ sông Vạn-kiệp thuận dòng ra Phú-lương.

Hưng-đạo vương thấy quân Nguyên lại kéo đến, hỏi các tướng rằng:

- Ta bày trận trước, cốt để bắt Nguyễn-bá-Linh, không ngờ y có thuật trốn được, nay y lại dẫn quân đến, thì nên nghĩ kế gì mà bắt cho được?

Yết-Kiều thưa rằng:

- Đại-vương chớ ngại, tôi xin dùng một kế này, không cần gì phải đánh, khó nhọc, mà quân giặc phải chết đuối cả, và tất b ả t

được Bá-Linh.

Hưng-đạo vương hỏi:

- Người có kế gì mà hay làm vậy?

Yết-Kiều thưa:

- Tôi có một nghề lội nước rất giỏi, càng ngày ở dưới nước cũng không việc gì. Vậy tôi xin xuống sông đến chỗ thuyền quân Nguyên đóng đực đây thuyền cho nước tràn vào. Như thế, thì quân kia phải chết đuối cả, mà có thể bắt được Bá-Linh.

Hưng-đạo vương nghe lời cho đi.

Yết-Kiều lãnh mệnh ra đi, cầm dùi sắt lặn xuống sông. Khi đi ngấm đến gần thuyền giặc đực liền được vài ba chiếc, nước tràn vào đầm cả, quân Nguyên thấy thế xông xáo, O-mã-Nhi không biết vì có gì, ngỡ là có thủy quái dưới sông, sai quân sĩ cầm giáo dài đâm xuống. Yết-Kiều vội vàng lặn xuống đáy sông trốn về.

Hôm sau, Yết-Kiều lại cầm dùi lặn xuống sông đực thuyền quân Nguyên, liền đâm mất vài chiếc; quân nó đâm giáo xuống. Yết-Kiều lại trốn về.

O-mã-Nhi thấy thuyền thường tự đứng bị đâm cho dò xem, biết là có người đực thuyền, đang nghĩ kế dò bắt, lại thấy quân sĩ kinh hoàng hồ hoàn lên rằng: thuyền đâm! O-mã-Nhi vội vàng sai quân xúm lại cầm giáo kh u a lũng dưới nước. Yết-Kiều thấy động, lại lặn xuống dưới sâu trốn thoát.

O-mã-Nhi bắt không được người đực thuyền, trong bụng căm tức, mới dự sẵn chài lưới, có ý dĩnh bắt. Yết-Kiều vô tình, hôm sau lại đến đực thuyền. O-mã-Nhi biết ý, giăng lưới ra cả bốn mặt, rồi sai quân lia gươm x i a giáo xuống nước, sức tìm tứ phía. Yết-Kiều vội vàng trốn ra, không ngờ mắc phải lưới có câu, quân chằng ca vào mình. Quân Nguyên reo ầm cả lên, xô nhau lại kéo lưới bắt đem lên thuyền. O-mã-Nhi thấy bắt được một tướng mặt mũi dữ tợn, sai trói lại đem đến thuyền mình tra hỏi.

Quân thám tử biết tin Yết-Kiều bị O-mã-Nhi bắt được, chạy về báo với Hưng-đạo vương, Hưng-đạo vương lo lắng, muốn đem quân đến đánh O-mã-Nhi để cứu Yết-Kiều, mới sai Dã-Tượng, Hùng-Thăng dẫn chiến-thuyền ra sông Phú-lương. Ngài thì dẫn hầu quân đi sautiếp ứng. O-mã-Nhi thấy có chiến-thuyền kéo đến, liền dàn thuyền ra cự nhau với quan quân. Đồi bên đánh nhau một hồi, Dã-Tượng, Hùng-Thăng địch không nổi quân Nguyên, qu a y thuyền chạy về. O-mã-Nhi, Nguyễn-bá-Linh giục thuyền đuổi đánh, may có đại quân tiếp ứng, cứu được hai tướng. O-mã-Nhi lại rút quân về thượng-lưu. Hưng-đạo vương thấy đành ch ứa

được linh lợi cũng rút quân về thành.
Ô-mã-Nhi về thủy-trại đem Yết-Kiều ra hỏi
rằng:

- Nước Nam còn ai giỏi bằng mây nữa không?
Yết-Kiều thưa rằng:

- Bọn chúng tôi đi đục thuyền còn nhiều ng
giỏi, duy tôi lười hèn nhất, mới phải bị bắt.
Nếu Tướng-quân tha tôi, thì tôi xin c h i
đường cho Tướng-quân bắt hết được cả b
kia.

Ô-mã-Nhi tin lời, sai cối trối, khoán đãi t
tê, rồi cho ngồi một chiếc thuyền nhỏ, sai
quân dân đi trợ, đường, để bắt, bọn kia. Yết-
Kiêu nhân lúc bất tỉnh cờ, nhảy tùm xu
sông trốn mất.

Quân sĩ về báo với Ô-mã-Nhi, Ô-mã-Nhi than
rằng:

- Ai ngờ nước Nam có thân-tướng, chúng t
khô lông ở lâu được xứ này!

Yết-Kiều trốn về ra mặt Hưng-đạo vương.
Hưng-đạo vương mừng rỡ, hỏi lại tình đ
truyện, Yết-Kiều thưa hết đầu đuôi mọi s
Hưng-đạo vương hỏi rằng:

- Kế ấy của người cũng không bắt được yêu-
nhận, vậy người còn kế gì nữa không?

Yết-Kiều thưa rằng:

- Tôi tuy chưa thành công, nhưng cũng đ
khiến cho quân Nguyên mất vía. Vậy tôi
xin đi đục thuyền chuyên nữa. Chuyên này
xin tìm đích thuyền Bá-Linh ngồi sẽ đ
thì chắc là bắt được y.

- Mưu ấy của người đã lộ rồi, giặc tấ
bị trước, dùng làm sao được nữa.

- Giặc tuy biết mưu ấy, nhưng tôi xin t
ứng biến, thừa khi bất ý, lừa bắt cho đ
Bá-Linh thì chạy về ngay, đầu giặc bi
cung không làm gì được.

- Người đã nhất định xin đi, thì phải c
cẩn thận, hễ bắt được Bá-Linh thì ta
thể phá được quân Thoát-Hoan.

Yết-Kiều mừng rỡ, lại đi ra bờ sông.

Đó là:

*Lập công bao quản đường gian hiểm,
Dùng mẹo nên tìm cách lạ lùng.*

Chưa biết về sau thế nào, sẽ xem hồi s
phần giải.



Hộp thơ Phật sự

VĂN NGHỆ CÙNG DƯỠNG ĐẠI LỄ VU LAN 1983

Như thông lệ, nhân dịp Đại Lễ Vu Lan, Hội Phật Tử Tây Đức sẽ tổ chức một đêm văn nghệ cúng dường. Năm nay với chủ đề "Hát cho quê hương" vào đêm 20.8.1983 tại Ev. Jugendzentrum Linden (Hannover).

Ngoài phần chủ lực của Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử, chúng tôi hoan hỉ đón nhận mọi đóng góp tất cả bộ môn của những Anh Chị Em nghệ sĩ xa gần, hầu nội dung đêm văn nghệ được phong phú hơn.

Quý vị có thiện tâm đóng góp xin liên lạc về địa chỉ chùa Viên Giác trước Đại Lễ (được tổ chức vào những ngày 19, 20 và 21 tháng 8 tại Hannover), đồng thời cho chúng tôi được biết trước nội dung bài bản quý vị muốn trình bày. Hay nhất là những bài tự sáng tác hoặc được sáng tác sau 1975 hợp với chủ đề trên. Có như thế, Ban Văn Nghệ chúng tôi có điều kiện sắp xếp những tiết mục cùng lời giới thiệu cho đêm Văn Nghệ trước khi bắt đầu.

Những vị nào không thông báo trước, dĩ nhiên lúc đêm văn nghệ bắt đầu chúng tôi không thể vì theo lời yêu cầu mà sắp vào trong chương trình được. Xin quý vị miễn trách điều này.

Tất cả những Anh Chị Em nghệ sĩ đóng góp cho đêm Văn Nghệ cúng dường Đại Lễ Vu Lan sắp tới cũng như những Anh Chị Em trong Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử sẽ không nhận được những thù lao hoặc đặc ân nào cả, vì tham dự đại lễ, ghi tên, đóng trại phí như tất cả quý Bà Con khác tham dự. Kính mong quý vị hoan hỉ cho.

Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử

Hoan ca Phật Đản

Muối

Trời Đông rực sáng ánh sao mai
Hoa Đam búng hiện, gót hải nữ sen
Lâm Tỳ Ni đẹp vô biên
Chim ca nhạc gió, nhân thiên đón mừng.

Nói

THẾ TÔN KHÁNH ĐẰN

Khắp Trời người tán thán Đức Như Lai
Thượng quân mẹ, rỗi đầu Suất kim dài
Xướng "kham nhân" độ cho đời thoát khổ

CÁT TƯỜNG HOA ĐIỂM VÔ ƯU THU
KHÁNH TRIỆU VÂN KHAI MÃN NGUYỆT THIÊN

Mưa Tứ Bi rưới tắt lửa du phiền
Bước hỷ xả tạo nên duyên đại ngộ
Khắp nhân thế, chiêm ân pháp vũ
Cùng ca vang nhảy múa quy y
CHÚNG SANH THẾ NHẬP TỬ BÍ.

- Một nhóm Phật Tử Karlsruhe Tây Đức kính dâng.

Hai bông sen quý

Đã nở trong em, sen dị thường
Trắng hơn băng tuyết, tuyết với hương
Là trên cõi ấy, sen màu nhiệm
Một nụ nở dần, sáng bốn phương.

Trong phút vắng sinh, em sẽ thấy
Sen trong em nhập sen trên kia
Hai bông sen quý, hai mà một
Một vốn là hai, tùy nhập chia.

Bất nhị

Đấy nhé, sóng nằm trong nước lặng
Tách lià sóng nước: vẫn hoài công
Chấp vào cái SẮC khác không
Chung quanh trùng điệp một vòng tối đen.

- Hồ Trường An

Tưởng niệm Đản Sinh

Xuân lại về mang chiếc áo xanh
Trần gian nắng đợi chiều trên cành
Hân hoan rộn rã hoa chào đón
Vũ trụ ca bài bất diệt xuân.

Ngài đã về trong ánh quang minh
Lưu Đam rạng nở nét huyền linh
Có hoa Sen nở ra từng cánh
Để đón chân Ngài Tất Đạt sanh.

Ngày ấy Người qua cửa chào đời
Mang bao tử ái đến nơi nơi
Trần gian này có bao khổ ải
Điều để Ngài mang dạy cho đời.

Ngài hãy về trên đất nước con
Để bao người với tiếng cười đôn
Để thanh bình nở hoa muôn đóa
Và để đau thương dứt tiếng hờn.

Thương quá, bao giờ hết chiến chinh?
Nước non này khoát áo An Bình
Với bao chiến sĩ Vàng Y trần
Quyết tiếp chân Ngài diệt Vô Minh.

Thương quá, bao giờ hết TỬ, SINH?
Chúng sanh dứt LÃO BỆNH, GIÀ tình
Trí tâm là đóa sen giải thoát
Đem lại cho đời sống Vô Sinh.

Ngài đã ra đi giữa cuộc đời
Tối tâm Ngài chuyển hòa ngàn nơi
Thành tâm con cúi xin Ngài hãy
Vì Đại Tử Bi tiếp độ người...

- Thích Nữ Trĩ Tánh Paris.

CÁCH XẠ DÙ HẦY NHỊP CẦU
ĐẾN NGÀY PHẬT ĐẢN NĂM CHÂU CỬNG GẦN

ĐẦU AI MUA ĐẦU BÁN ĐẦU
ĐẾN NGÀY PHẬT ĐẢN RỦ NHAU LÊN CHÙA

Allgemeine Buddhalehre

Text von Hohehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển



KAPITEL III

Zusammenfassung der Lebensgeschichte
Sakya Muni Buddha (seit der Erleuchtung
bis zum Eintritt ins Nirvāna).

A. Zur Einführung:

B. Themen:

I.- Die Größe und Breite der Bekehrungsmission Buddhas.

1. Bekehrung hinsichtlich unterschiedlicher intellektueller Fähigkeiten aller lebenden Wesen.

2. Bekehrung nach gelegentlicher Möglichkeit.

3. Bekehrung sinngemäß der Gleichheit.

II. Buddha verkündete Sutren in fünf Stadien.

1. Erstes Stadium: Avatamsaka-Sutra

2. Zweites Stadium: Amaga-Sutra

3. Drittes Stadium: Mahayāna-Sutra

4. Viertes Stadium: Prajñāpāramita-Sutra

5. Fünftes Stadium: Saddharma Pundarika-Sutra und Nirvāna-Sutra.

III. Die vollkommen bekehrende Weisung.

IV. Vor dem Eintritt ins Nirvāna.

1. Buddha gab sein Hinscheiden des Weltlichen Daseins bekannt.

2. Buddha verkündete.

C.- Schlußfolgerung:

1. Wir sollen uns Buddha zum Vorbild nehmen.

2. Buddhisten sollen Buddha's geistiges Erbe beherzigen.

IV. Vor dem Eintritt ins Nirvana

2. Buddha verkündete Sutra über seine letzten Anweisungen.

Vor dem Eintritt ins Nirvana des Buddha sammelten sich seine Jünger und Laien im Tala Wald;abwesend war nur Maha-Kasyapa,der wegen einer Predigtreise weit entfernt vom Tala-Wald nicht dabei sein konnte.

Buddha rief seine Jünger und Laien zu sich,um ihnen letzte Anweisungen zu geben. Sie lauteten:

1. Seine Almosenschale und Gewand wurden an Mahakasyapa übergeben.
2. Seine Jünger und Laien müssen die von ihm erstellten Sittlichkeitsregeln (Sila) als die Lehre verfolgen.
3. Jedes Sutra wurde mit dem Text "so habe ich vernommen" begonnen.
4. Buddhas Reliquien(Sarira)wurden in 3 Teile aufgeteilt:eins für die himmlische Welt,eins für die Welt des Meeres und der letzte für 8 Könige in Indien jener Zeit.

Einige vor seinem Hinscheiden edle Verkündungen Buddhas waren:

- "Oh! meine Lieben! zündet Euch selbst die Fackel zum Beleuchten eurer Lebenswege! Nehmt meine heilige Lehre als Fackel! Folgt meiner Lehre zum Selbstbefreien aus dem Kreislauf der Wiedergeburt(Samsara).Diese Erlösungsweg sollt ihr nicht bei anderen oder anders wo aufsuchen,sondern nur bei euch selbst... "

- "Oh! meine Lieben! Haftet nicht an leidenschaftlichen Zuneigungen und vergeßt nicht meine Belehrungen! Alles auf dieser Welt ist unbeständig und Wertlos! Nur die Wahrheit meiner Lehre(Tathata)ist ewig!Seid Strebsam auf dem Weg der Erlösung (Moksha).Oh! meine Lieben!... "

Nach den behutsamen Anweisungen zu seinen Jüngen und Laien vertiefte sich Buddha in friedlicher Kontemplation und trat anschließend ins Nirvana ein.

Nach dem Mondkalender war es am Vollmond des Februar.In diesen Augenblick fielen zahlreiche Blumen im Tala-Wald und überdeckten den Leib des Buddha.Graue Wolken zogen auf Pflanzen verwelkten, die Natur versank in tiefer Stille,Vogel gezwitscher verstummten .Es schien,als so die Natur und alle Lebewesen das Hinscheiden vom Buddha schwer nahmen.

Sakyamuni-Buddha war ins Nirvana eingetreten,jedoch sein vorbilliches Leben soll uns immer vor den Augen erhellen.Das ganze Leben,insgesamt 80 Jahre,hatte Sakyamuni Buddha sein heiliges Ziel nicht vernachlässigt,welches alle tief im Elend sitzende Lebewesen bekehrte.Als Prinz hatte Buddha den glücklichsten,höchsten Stand eines Menschenleben,hatte aber diese Glückseligkeit nicht genossen;als er die Erleuchtung erreichte,war er die heiligste Persönlichkeit seiner Lehre,und blieb so nicht an dieser Stelle stehen,sondern wanderte umher seine heilige,wahre Lehre zu predigen, um alle leidenden Wesen zu dem wahren glücklichen Stand und der vollkommen Erlösung zu leiten.Die wahre Liebe des Buddha zu allen Lebewesen ist unermesslich,und seine Gnade ist grenzenlos.

C- Schlußfolgerung

1. Wir sollen uns Buddha zum Vorbild nehmen.

Seine höchste Hingabe,große Barmherzigkeit,wahre Weisheit und seine mutwillige Stärke sollen nicht nur für uns,Buddhisten,als Vorbild sein,sondern für alle Menschen. Nicht nur buddhistische Laien,sondern alle Menschen sollen Buddha erhbietige Achtung zollen und ihn mit Verehrung betrachten.

2. Buddhisten sollen Buddha's geistige Erbe beherzigen.

Alle Buddhisten wissen,daß das heilige Buddha-Leben uns eine edle Lehre ist. Aber wenn wir uns diese Lehre nicht Herzen nehmen und sie nicht in die Praxis umsetzen , dann würde sie doch nicht zum Nutzen bringen.Vor dem Eintritt ins Nirvana hatte Buddha uns seine letzten Hinweise gelehrt.

"Alle Dinge in dieser Welt sind wertlos.Das leib wird mit der Zeit aufgelöst.Nur der heilige Weg ist wertvoller als andere Dinge.Nur die Wahrheit meiner heiligen Lehre ist ewig.Sei strebsam auf dem Weg der Erlösung".

Somit ist die notwendige Vorraussetzung zur Erlösung nämlich die Strebsamkeit, welche wir während des Lernens und Praktizierens der Buddhalehre nicht vergessen dürfen.

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963–1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietcongshaft

17. In Vietcongshaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

In Long Tanh sah ich ein Kino, welches an der Vorderseite ein grosses rundes Loch hatte, eine Granate hatte die Wand durchschlagen, war im Innern des Kinos explodiert, und dies war vollkommen ausgebrannt.

Plötzlich zeigte eine Frau aus dem Fenster, alle erhoben sich, der Fahrer fuhr langsamer und, o Schreck! an der linken Strassenseite sahen wir die zerrissenen und blutigen Leichen von etwa 20 Vietcongs, welche wohl in den frühen Morgenstunden von südvietnamesischen Soldaten erschossen wurden. Ich war anderer Meinung, die zerrissenen Leichen sahen aus, als ob sie von der Luft aus von Granaten getroffen worden seien. Manche Vietcongs hatten keine Köpfe, Arme oder Beine oder waren total zerfetzt, ein grausames Bild in der Tat! Die Vietnamesen sahen sich mit ernsten Gesichtern an, sagten aber nichts, nur eine ältere Frau faltete die Hände und sagte "Namo Adida Phat!" Eine in einem weissen Ao Dai gekleidete hübsche Studentin, welche sich neben mich gesetzt hatte und fliessend Englisch sprach, sagte ganz laut: "Das sind auch Vietnamesen!!" Ich nickte zustimmend, zog es aber vor, nichts weiter zu sagen, denn in fast jedem Bus gab es Regierungsagenten. Als wir näher an Vung Tau herankamen sah ich eine grosse, weisse Buddhastatue in Meditationsgeste auf einem hohen Lotussockel sitzen. Diese Statue war ziemlich neu, kleiner, aber besser als die beiden japanischen Buddhas, welche ich vorher beschrieb. Der in Südvietnam populäre sinhalesische Mönch Narada Mahā Thera hatte die Aufstellung dieser Statue inspiert und der Platz, wo sie nun steht, wurde schnell zum Wallfahrtsort der Buddhisten Saigons und anderer Städte und Dörfer im Mekongdelta.

Vung Tau, eine reizende französisch anmutende Provinzstadt, liegt sehr schön an der Spitze der grossen Bucht, auf deren anderer Seite der Ort Long Hai liegt. Große schattenspendende Tamarinden, von den Franzosen gepflanzt, standen überall an Wegen und Strassen, Parks usw. und dazwischen hohe Kokospalmen, Lotusteiche, Tümpel und mit flachen Kähnen befahrbare

Flussarme. Bananenstauden standen ebenfalls überall in Höfen und Gärten. Von der Busstation fuhren wir in einer Taxi zum neuen Arya Maitreya Vihàra in der unmittelbaren Nähe des Kaps.

Mein Freund Xinh mit buddhistischen Namen Minh Hao und Madame P. die Eigentümerin des Geländes, auf dem mein neuer Tempel stand, waren ebenfalls mitgefahren. Zu Fuss mussten wir etwa fünfzig Meter bergan gehen und ich sah nun das Vihàra, nicht gross, aber gut genug für mich alleine, und ausserdem konnte es noch vergrössert werden. Mein Freund hatte im Saigoner Hafen einen nicht mehr benutzten Hangar gekauft d.h. wenigstens das Metallgerüst und es nach Vung Tau transportiert.

Meine Buddhastatue, welche während meiner Abwesenheit in Japan im Hause meines Freundes stand, wurde im gemieteten Lastwagen zum Vihàra transportiert und alle am Bau beteiligt gewesenen Arbeiter fuhren mit. Nach der Ankunft wurde alles im Eiltempo ausgepackt und aufgestellt und alle nahmen an der kurzen Einweihungszeremonie teil, welche ich bald nach der Aufstellung der Buddhastatue hielt. Nach einer Tasse Tee fuhren die buddhistischen Arbeiter wieder nach Saigon, denn manch einer hatte sich von seiner Berufsarbeit für ein paar Augenblicke gedrückt, aber in Asien sind ein paar Augenblicke recht oft viele Stunden oder ein ganzer Tag; der Zeitbegriff ist dort anders als bei uns im gehetzten Europa. Sagt man z.B. zu einem Inder oder Vietnamesen: "Tu dies oder das", wird die Antwort ohne Zweifel "morgen!" sein.

Das Vihàra aus Stein mit Wellblechdach lag also auf der Anhöhe, hinter dem Gebäude hob sich eine steile Felsenwand und darüber mehrere Terrassen, und ganz auf der Höhe gab es alte französische Festungen mit alten Kanonen, welche in Richtung Strand und See zeigten. Von meinem Vihàra hatte ich einen wunderschönen Ausblick über die stahlblaue See, den weissen Sand, zur Bucht mit den Riffen, an denen sich schäumend die Wellen brachen. Hier würde ich bleiben wenigstens so lange als es der Krieg erlaubte, ich war bereit, hier den Rest meines Lebens zu verbringen. Dies hatte ich auch schon meinen vielen Freun-

den in Saigon versprochen, zumal sie ja sehr viel Geld ausgegeben hatten, um mir dieses Vihàra zu bauen. Die Vietnamesen sind im allgemeinen sehr befreundet, gastfreundlich und echte Freunde, wenn es gelingt, bei ihnen den nötigen Eindruck dafür zu machen; was den Franzosen und Amerikanern nur in ganz seltenen Fällen gelang, denn nur zu oft waren letztere willkommenen Ausbeutungsobjekte. Im neuen Vihàra bereitete ich mir mein Essen selbst. Morgens um fünf Uhr ass ich ein nach französischer Art gebackenes Weissbrot, etwa 25 Zentimeter lang. Graubrot oder Schwarzbrot gab es meines Wissens in Südvietsnam nicht, wenigstens habe ich nie welches gesehen. Die ersten paar Jahre in Vung Tau konnte ich mir Butter erlauben, importierte, aber diese wurde später sehr teuer überhaupt wurde von Monat zu Monat alles teurer und das Geld wertloser. Mittags ass ich Kartoffeln und Gemüse, welche in Dalat wachsen, ein Ort im Gebirge, etwa 250 km oder mehr nördlich von Saigon. Dalat und Vung Tau waren die beliebtesten Ausflugorte in Südvietsnam, besonders weil sie noch als die sichersten galten und nur zeitweilig von den Roten blockiert wurden denn auch sie benutzten diese Strassen dorthin oder von dort nach Saigon. Im Januar 1965 besuchte ich zusammen mit einigen vietnamesischen Freunden im Auto Dalat. Auch diese Kleinstadt hatte den Anstrich einer französischen Provinzstadt. Nur die Pagoden waren einheimisch und chinesisch. Die ganz Umgebung war gebirgig etwa wie im Schwarzwald, mit Tannen, Fichten usw. Grosse Gemüse und Kartoffelfelder hier und dort, auch viele Apfelbäume sah ich. In der Pagode Linh Sòn übermachten wir. Ich hatte ein kahles Gastzimmer, ungeheizt. Ich fror erbärmlich trotz drei Wolldecken. Ich hatte keinen Pulli mitgenommen, das war wirklich eine grosse Unterlassungssünde. Meine Freunde, welche doch diese kühlere Gegend schon kannten, hätten mich warnen sollen. Wie so viele Vietnamesen, waren sie vergesslich und oft geistesabwesend. Der Abt des Tempels, ein kleiner, hagerer Mann im mittleren Alter, lud mich ein, in der Pagode zu bleiben; ich lehnte dankend ab, denn diese Kälte war mir denn doch zu unangenehm, obwohl ich in Schweden elf Jahre verbrachte, und Wärme und Sonnenschein dort höchst selten waren

Auf dem Rückwege begegneten wir an einem Wasserfall einer "oben-ohne" Eingeborenen. Sie trug ein Baby auf ihrem Rücken. Sie ging ohne uns zu beachten ihres Weges in den Wald hinein.

Wegen der grossen Hitze in Vung Tau, mußte ich alle Türen und Fenster offen lassen, einen Ventilator hatte ich noch nicht, ausserdem auch noch kein elektrisches Licht alles sollte erst so nach und nach kommen. Das Vihàra war auch noch nicht gestrichen es streichen zu lassen würde wieder viel Geld benötigen. Ich erklärte mich bereit, das Gebäude von innen und aussen selbst mit Ölfarbe anzustreichen - im Falle, dass jemand die Farbe stiftete; dies geschah innerhalb einer Woche, denn ein Freund meines Freundes hatte einen Farbhandel

und stiftete viele Behälter mit importierter, teurer Ölfarbe, meistens in weiss, rot und blau und auch gelb. Ich gab mich ans Werk und malte das ganze Vihàra dreimal, ich brauchte dazu zwei Monate.

10. Begegnung mit einem Geist

Anfang des dritten Monats, als ich fast mit der Anstreicherei fertig war, hatte ich einen merkwürdigen Unfall. Ich hatte keine Leiter, darum stellte ich einen Stuhl auf den Küchentisch und schob diesen an die Wand, um an dem mit einem Drahtgeflecht verschlossenen Oberlicht zu malen. Plötzlich sehe ich von der Aussenseite ein grinsendes Gesicht, aber keinen Körper. Vor lauter Überraschung fiel ich samt Stuhl vom Tisch und verletzte mein rechtes Knie so hart, dass es aus dem "Leim" ging. Ein furchtbarer Schmerz durchraste mein Bein, und eine ganze Weile lag ich hilflos am Boden. Ich schaute nach oben. Der Geist war verschwunden; mühsam erhob ich mich und setzte mich in meinen Rohrsessel. Was tun? Ich brauchte Hilfe, aber kein Haus näher als 60 Meter von mir entfernt. Unten am Berge gab es einen Posten der vietnamesischen Militärpolizei, aber auch diese würde meine eventuellen Hilferufe nicht hören, und ausserdem gehört es nicht zu den Gepflogenheiten eines buddhistischen Mönches, um Hilfe zu rufen. Mit grosser Anstrengung und Schweiß gelang es mir, das Knie wieder in seine rechte Lage zu bekom-

-men. Schweiss stand auf meiner Stirn, aber ich hielt aus und wurde nicht ohnmächtig. Plötzlich sehe ich den Geist in meinem Zimmer auf nur zwei Meter Abstand, diesmal sah ich die ganze Figur eines Greises mit einem dünnen, langen Bart, à la Ho Chi Minh. Er trug eine turbanähnliche Kopfbedeckung und einen blauen Ao Dai, an den Füßen hatte er altmodische Sandalen; ich verstand, dass es ein Geist aus dem vergangenen Jahrhundert war. Ich glaubte zu träumen, doch die Schmerzen im Knie wiesen mich darauf hin, dass ich hellwach sei. Der Geist sprach in Französisch zu mir; seine Stimme hörte ich so, als ob er in meinem Kopf spreche. Er sagte u.a. "Guten Tag, Hochwürden, bitte entschuldigen Sie die Störung und den durch mich verursachten Unfall, dies wollte ich natürlich nicht".

Ich antwortete auf gleiche Weise, ohne meine Stimme zu benutzen, also telepathisch; ich fragte "Wer sind Sie, und was wollen Sie von mir?" Er antwortete: "Ich bin ein ehemaliger Beamter des Kaisers und war zu Lebzeiten sehr korrupt. Deshalb muss ich lange, lange Zeit als Geist umherwandern, bis meine Schuld abgetragen ist!" "Wo wohnten Sie früher?"

"In Long Thành und im Phước Long Distrikt" "Was tun Sie denn hier bei mir?"

"Ich wollte Sie nur warnen, diesen Tempel nicht anzustreichen, denn Sie werden hier nicht bleiben, der Krieg oder der Vietcong wird Sie vertreiben. Ich rate Ihnen, bald das Land wieder zu verlassen, denn gewiss steht Ihnen Böses bevor, wann genau vermag ich nicht zu sagen, wir Geister sind ja nicht allwissend, sondern haben nur die Gabe der Vorahnungen".

Damit verschwand der Geist, in dem er sich in Nichts auflöste. Geister waren mir nichts Neues, schon früher hatte ich welche in meiner Nähe gefühlt und schwach wie durch einen Schleier gesehen, aber diese Erscheinung war bisher die deutlichste und längste. Ich hoffte, dass der alte Mann wieder erscheinen würde, wenn möglich am Tage. Mein Wunsch ging schon am nächsten Tag in Erfüllung. Nach dem Mittagessen legte ich mich auf die Veranda in mein neues Hängebett, ohne aber zu schlafen, dafür sorgten schon die vielen Fliegen. Ich schaute hinüber auf die Anhöhe,

dort wo mehrere von Wind und Wetter verbogene Bäume standen. Besonders ein Baum fing meine Blicke und es war mir, als ob dort am Stamm eine Person stand und richtig, das war der Geist von gestern. Er winkte mit einer Hand, und ich winkte zurück. Seine Stimme vernahm ich in meinem Gehirn, er sagte: "Wie geht's, wie steht's?" "Nicht so gut", antwortete ich. "Warum nicht?"

"Weil ich noch Schmerzen im Knie habe und Schwellungen am Bein".

"Dies bedaure ich sehr, ich bitte nochmals mir meine Dummheit zu verzeihen, aber wie Sie wohl wissen, haben viele Geister kein grösseres Vergnügen, als Sterbliche zu erschrecken".

"Sie haben mich garnicht erschreckt, sondern Ihr plötzliches Erscheinen ex tempore wunderte mich nur, leider etwas zu viel, sodass ich mit dem Stuhl vom Tisch fiel".

Ferner sagte ich zu dem alten Geist:

"Bitte beantworten Sie mir einige Fragen!"

"Sehr gerne - wenn ich sie beantworten kann".

"Haben Sie ein Gefühl für Zeit und Raum, und können Sie sich irgendwo hinbegeben, wohin Sie wollen?"

"Wir haben nur ein vages und oft gar kein Gefühl für Zeit, wohl aber für Raum, denn wir bewegen uns quasi in einem grossen Kreis, aus dem wir nicht ausbrechen können; dieser sogenannte Kreis ist karma-bedingt, d.h. gemäss unseren vergangenen Taten. Ich z.B. kann mich nur in dieser Gegend und in der Phước Long Provinz bewegen".

"Können Sie über das Meer wandern?"

"Nein, dies kann ich nicht, aber andere, mehr entwickelte Geister können es".

"Warum sehe ich nur Sie und keine anderen Geister?"

"Einfach, Ihr und mein Intellekt sind auf der gleichen Wellenlänge, denn sonst wäre kein Kontakt möglich".

"Sehen Sie andere Geister neben sich?"

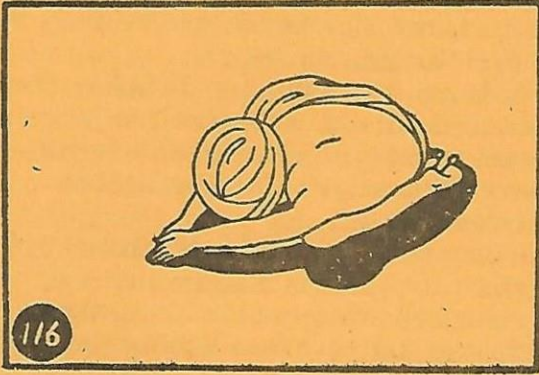
"Ja einige, aber nicht alle, manche sind für uns sichtbar, andere nicht, auch dies hängt von der Entwicklung ab".

"In Europa und Amerika gibt es viele Leute, Wissenschaftler oder solche, welche es zu sein glauben, die verneinen die Existenz von Geistern, Göttern und Dämonen, was denken Sie darüber?"

Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Vân - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

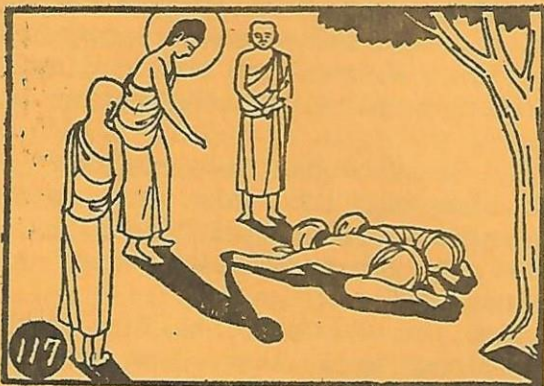
(Fortsetzung)



"Sie haben recht, diese ist keine gute Tat". Plötzlich hörte man ein Messer fallen. Beängstigt sagte das Ungeheuer rührend weiter:

-Ich bekenne mich schuldig, wer da, bitte drohen Sie mich nicht, sagen Sie mir, bitte, was ich jetzt machen soll.

- Du brauchst dich nur zu bereuen, sagte der andere.



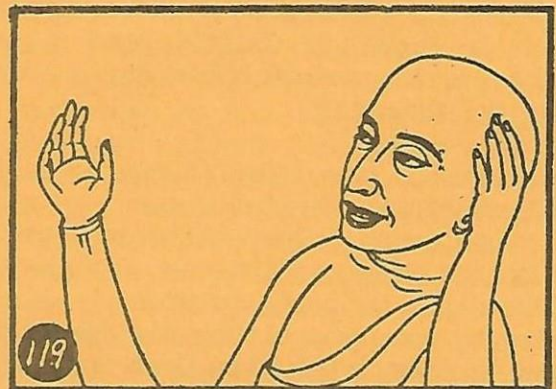
Angulimala, das Ungeheuer, ließ den Dolch fallen und kniete vor Buddha nieder. Mit einer Stimme voller Schmerz und Reue gestand er:

" Ich bereue so tief, daß nur mein Tod die Ermordung von 99 Opfern begleichen kann. Ehrwürdiger Buddha, haben Sie noch etwas zu unterweisen ?"

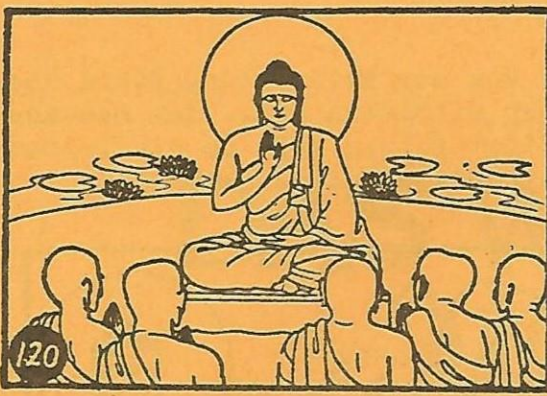
- Dein Tod, sagte der Erhabene, ist keine Lösung des Problems. Es genügt, daß du dich wirklich bereuest und dich selbst versprichst, fortan nur gutes tun. Das gilt für dich und deine beiden Weggefährten. Nur so können Ruhe und Ordnung wiederhergestellt werden und die Menschen Eintracht finden.



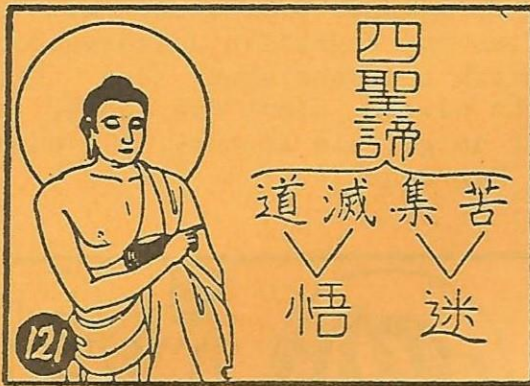
Vor der majestätischen Weisheitsstrahlung des Erhabenen bekehrten sich Angulimala und seine Freunde. Seitdem führten sie ein tugendhaftes Leben nach dem Muster eines Buddha-Jüngers.



Alle drei neuen Asketen entschieden sich das Leben wie in der Vergangenheit zu entsagen und fortan Zuflucht zum Buddha, als Asketen der Sakyasöhne zu nehmen, d.h. schlechte Taten meiden und nur gutes zu handeln.



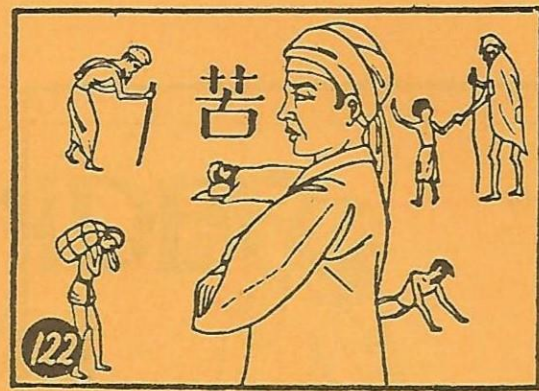
Nun ging Buddha zum Gazellen-Hain und beim Wiedersehen mit den fünf Brüdern Kondana sprach der Vollendete über die vier edlen Wahrheiten, die erste Predigt nach dem er diese heiligen Wahrheiten Erkenntnis und Einsicht in voller Klarheit besaß.



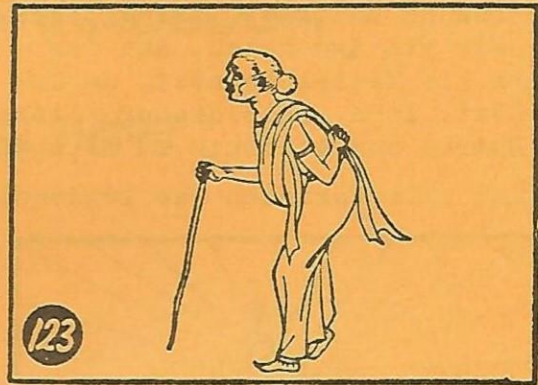
Diese vier Wahrheiten vom Leiden sind: Leiden, Entstehung, Aufhebung und die achtfache Pfad zur Erlöschung des Leidens.

Geburt, Alter, Krankheit, Trennung, Nichtbefriedigung der Begierde, alles ist Leiden. Leiden ist die Folge, die Ursache liegt woanders. Man muß erkennen, daß jede Frucht aus einem Samen entstand. Es ist daher verständlich, daß gute Früchte das Ergebnis eines guten Samens ist. Dieser Vergleich entspricht genau der Karmisch-Wirkungstheorie des Buddhismus.

Aufheben bedeutet, daß die Leiden aufhören und den Weg zur Vollendung freilassen. Dieser Weg ist der achtfache Pfad. In diesem Fall ist der Weg der Samen und Aufhebung die Frucht. Die Erleuchtung ist das Ergebnis aus Weg und Aufhebung. Unwissen ist das Sein der Lebenden, Erkenntnis ist das Wesen des Buddha

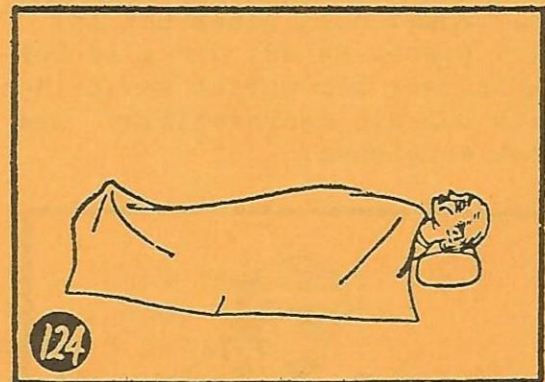


-Oh Mönch, sagte Buddha, das Endziel allen buddhistischen Strebens ist die endgültige Befreiung von allen künftigen Wiedergeburten und Sterben. Jeder von euch muß endlich aus diesem unaufhörlichen Kreislauf heraus.

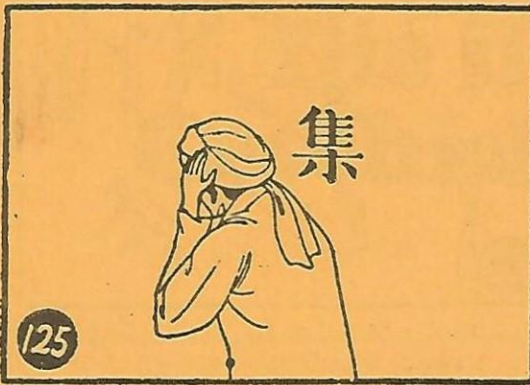


Mit dem Alter wird der Rücken krumm, man muß sich auf Stöcke stützen, um gehen zu können. Seh- und Hör-Vermögen lassen nach, auch das Kauen wird mühsam und ob man will oder nicht, werden die Haare grau.

-Oh Mönch, wenn ich solches Alter erwäge, schwindet alle Freude an der Jugend völlig.

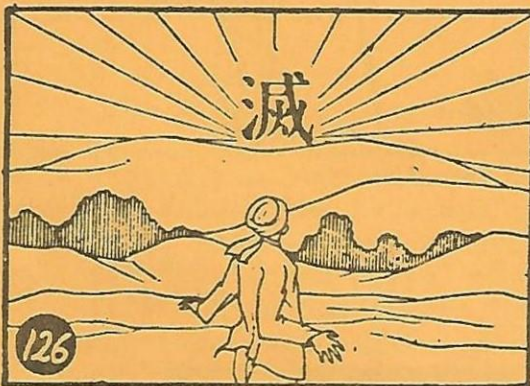


Noch schlimmer als das Alter ist der Tod. Der Mensch vergißt völlig, daß er älter wird und sterben muß. Der Tod ist unerwünscht und unerwartet. Aber er kommt sicher, ganz plötzlich und keiner kann ihm entkommen, ob man jung oder alt ist. Die Trennung durch den Tod ist für die Menschen leidvoll und schmerzlich.

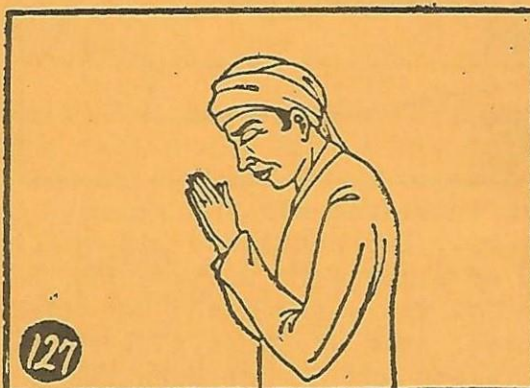


Man fragt sich, woher alle diese Leiden kommen! -Weil wir einen materiellen Körper bersetzen, der Leben vernichtet, der stiehlt, der nach Freude und Lust verlangt, usw.. Weil wir ein Ego haben, das das Außern als Mittel benutzt, um Unwahrheit, Zorn, Beleidigung, Liebe und Untreu zum Ausdruck zu bringen.

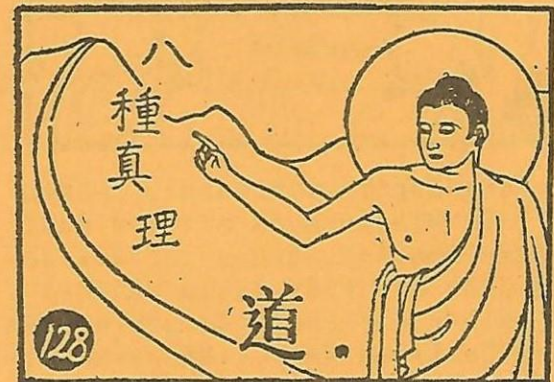
Es sind alle Faktoren des Leidens.



Und wie kann man Leiden zum Aufhören bringen? - Sieht ihr diesen Lichtstrahl? kommt doch näher und ihr könntet besser sehen, daß alle Leiden aufhören. Ihr werdet vom Leiden befreit und die Meeresstille des Gemütes erreichen.



Der Weg zur Erleuchtung führt über einen mittleren Weg, dem man unbedingt folgen muß, um die Erlösung vom Leiden zu finden.



Ich glaube, daß alle das Licht und nicht die Dunkelheit mögen. Aber wer die Helligkeit wählt, muß mit dem Haften und Ergreifen aufhören. Nicht jammern und Wehklagen, das hilft nicht weiter, nimmt die Lehre, die euch zeige, als Leuchte, die euch den Weg erhellt.



Was ist aber, ihr Mönche, für ein mittleren Weg?. - Es ist dieser achtfache Pfad: rechte Anschauung, rechte Gesinnung, rechtes Reden, rechtes Tun, rechtes Leben, rechtes Streben, rechtes Gedenken und rechtes Sichversenken. Und nun will der Tathagatha euch die Bedeutung erklären:

Erstens muß der Buddha-Jünger rechte Anschauung praktizieren. Er muß einen wahren Einsicht für alle weltlichen Dingen haben und nicht auf propagandistische Parole hören, oder täuschende Sitten folgen.

Lesen Sie bitte weiter auf Seite 47

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Mòbi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

Deshalb ist die Achtsamkeit gleichzeitig ein Mittel und ein Ziel, gleichzeitig die Saat und die Frucht. Wenn wir die Achtsamkeit üben, um die Konzentration zu stärken, dann ist Achtsamkeit eine Saat. Aber Achtsamkeit selbst ist das Leben in Klarbewußtheit: Die Vergegenwärtigung der Achtsamkeit bedeutet Vergegenwärtigung des Lebens, und deshalb ist Achtsamkeit auch die Frucht. Achtsamkeit befreit uns von Vergeßlichkeit und Zerstreuung; die Achtsamkeit ermöglicht es, jede Minute des Lebens zu leben. Die Achtsamkeit versetzt uns in die Lage zu leben.

Man sollte wissen, wie man atmen muß, um die Achtsamkeit beizubehalten, weil das Atmen ein natürliches und äußerst wirksames Werkzeug ist, um Zerstreuung zu verhindern. Der Atem ist die Brücke, die das Leben mit dem Bewußtsein verbindet, was wiederum unseren Körper mit unserem Denken vereinigt. Immer wenn unser Geist sich zerstreut, sollten wir den Atem benutzen, um ihn wieder zu sammeln. Ziehe leicht einen einigermaßen langen Atemzug ein, Quang, wobei Du Dir der Tatsache bewußt bist, daß Du einen langen Atemzug einziehst. Atme jetzt die ganze in der Lunge befindliche Luft aus, und bleibe Dir während der ganzen Zeit der Tatsache bewußt, daß Du ausatmest. Das Sutra über die Achtsamkeit lehrt die Methode, des eigenen Atems gewahr zu werden, auf folgende Weise: "Immer achtsam, atmet er ein, und achtsam atmet er aus. Während er lang einatmet, weiß er: 'Ich atme lang ein', während er lang ausatmet, weiß er: 'Ich atme lang aus', während er kurz einatmet, weiß er: 'Ich atme kurz ein', während er kurz ausatmet, weiß er: 'Ich atme kurz aus.' 'Den ganzen (Atem-)Körper empfindend, werde ich einatmen', so übt er, 'den ganzen (Atem-)Körper empfindend, werde ich ausatmen', so übt er. 'Die Aktivitäten des (Atem-)Körpers beruhigend, werde ich einatmen', so übt er, 'die Aktivitäten des (Atem-)Körpers beruhigend, werde ich ausatmen', so übt er."

In einem buddhistischen Kloster lernt jeder, seinen Atem als ein Werkzeug zu benutzen, um die Zerstreuung zu beenden und um die Konzentration zu stärken. Das Konzentrationsvermögen ist die Kraft, die sich aus der Übung der Achtsamkeit ergibt. Es ist die zu verwirklichen. Aber auch das 'Große Erwachen' ist ein Erwachen - Konzentration, die einem dazu verhelfen kann, das Große Erwachen wenn man sich seines eigenen Atems bewußt wird, so ist man schon bis zu diesem Grad erwacht. Um die Achtsamkeit während eines langen Zeitraumes beibehalten zu können, müssen wir damit fortfahren, unseren Atem zu beobachten.

Hier ist jetzt Herbst, und die goldenen Blätter, die eines nach dem anderen herunterfallen, sind wirklich schön. Während ich einen 10minütigen Spaziergang im Wald unternahme, dabei meinen Atem beobachte und die Achtsamkeit aufrechterhalte, fühle ich mich erfrischt und gestärkt. Ich kann so wirklich mit jedem goldenen Blatt in eine enge Beziehung treten. Allein auf einem ländlichen Pfad zu gehen, erleichtert es, Quang, die Achtsamkeit beizubehalten. Wenn an Deiner Seite ein Freund ist, der nicht redet, sondern ebenfalls seinen Atem betrachtet, dann kannst Du ohne Schwierigkeiten die Übung der Achtsamkeit fortsetzen. Aber wenn der Freund an Deiner Seite anfängt, Fragen zu stellen, dann wird es etwas schwieriger.

Wenn in Deinem Geist der Gedanke auftaucht: "Ich wünschte, der Begleiter würde mit dem Fragenstellen aufhören, damit ich mich konzentrieren könnte", dann ist Dir Deine Achtsamkeit schon abhanden gekommen. Aber wenn Du statt dessen denken kannst: "Wenn er den Wunsch hat, Fragen zu stellen, dann werde ich ihm antworten, aber ich werde die Achtsamkeit beibehalten, mir der Tatsache bewußt, daß wir zusammen auf einem Pfad entlanggehen, mir der Fragen bewußt, die er stellt, und der Antworten, die ich gebe. Dabei kann ich gleichzeitig mit der Beobachtung meines Atems fortfahren." Wenn Du diesen Gedanken in Dir wecken kannst, Quang, dann wirst Du die Achtsamkeit aufrechterhalten. Es ist schwieriger, in solchen Situationen zu üben, als wenn man allein ist. Aber wenn Du mit dem Üben trotzdem fortfährst, dann wirst Du die Fähigkeit entwickeln, eine viel größere Konzentration beizubehalten. In einem unserer Volkslieder gibt es eine Zeile, die lautet: "Am schwersten ist es, den Weg zu Hause zu gehen, weniger schwer ist es in der Menge und am leichtesten in der Pagode." *Nur in einer aktiven und anstrengenden Situation wird diese Achtsamkeit wirklich zu einer Herausforderung!*

SEINEN ATEM ZÄHLEN UND SEINEM ATEM FOLGEN

In den Sutras lehrt der Buddha gewöhnlich, daß man seinen Atem dazu benutzen sollte, zur Konzentration zu gelangen. Es gibt ein besonderes Sutra, in dem davon die Rede ist, seinen Atem dazu zu benutzen, die Achtsamkeit aufrechtzuerhalten, und das ist das Ānāpānasati-Sutta. Dieses Sutra wurde von dem aus Zentralasien stammenden vietnamesischen Zen-Meister Khuong Tang Höi gegen Anfang des dritten Jahrhunderts christlicher Zeitrechnung übersetzt und kommentiert. 'Ānāpāna' bedeutet Ein- und Ausatmung, und 'Sati' bedeutet Achtsamkeit. Tang Höi übersetzte es mit 'Bewachen des Geistes'. Das Ānāpānasati-Sutta befaßt sich damit, wie man seinen Atem dazu benutzt, um die Achtsamkeit aufrechtzuerhalten. Die Rede über den Atem, der zur Aufrechterhaltung der Achtsamkeit benutzt wird, steht unter Nummer 118 in der Mittleren Sammlung (Majjhima-Nikāya) und lehrt 16 Methoden, wie man seinen Atem benutzen kann.

In den Meditationsseminaren, die ich für Nicht-Vietnamesen veranstalte, schlage ich gewöhnlich verschiedene Methoden vor, die ich selbst ausprobiert habe, Methoden, die sehr einfach sind. So schlage ich Anfängern zum Beispiel die Methode vor, der Länge des Atems zu folgen. Ich bitte einen Teilnehmer, sich auf den Rücken zu legen und normal zu atmen. Dann fordere ich alle Teilnehmer auf, sich zu versammeln, damit ich ihnen ein paar einfache Dinge zeigen kann, wie:

- 1) Obwohl Ein- und Ausatmung die Arbeit der Lunge ist und obwohl sie im Bereich der Brust stattfindet, spielt auch der Bauchbereich eine Rolle. Der Bauch hebt sich gleichzeitig mit dem Füllen der Lunge. Du kannst erkennen, wie sich der Bauch zu Beginn des Atmens auswölbt. Nachdem Du aber ungefähr 2/3 des Atems eingesogen hast, fängt er an, sich wieder zu senken.
- 2) Warum? Zwischen Deiner Brust und Deinem Bauch befindet sich eine Membrane aus Muskeln, die Diaphragma (Zwerchfell) heißt. Wenn Du richtig einatmest, füllt sich der untere Teil der Lunge zuerst mit Luft, bevor sich der obere Lungenteil füllt.

Wenn der untere Lungenteil mit Luft gefüllt ist, drückt das Zwerchfell auf den Bauch und verursacht dessen Anhebung. Wenn der obere Lungenteil mit Luft gefüllt ist, wölbt sich die Brust heraus, was zur Folge hat, daß sich der Bauch wieder senkt.

- 3) Das ist der Grund dafür, daß die Menschen in früheren Zeiten davon sprachen, der Atem beginne am Nabel und ende an den Nasenlöchern.

Für Anfänger ist es sehr hilfreich, sich hinzulegen, um das Atmen zu üben. Wichtig ist hierbei, darüber zu wachen, daß keinerlei Anstrengung aufgeboden wird. Ist die Anstrengung zu groß, so könnte dies für die Lunge gefährlich sein, besonders dann, wenn die Lunge schwach ist, weil mit ihr nicht korrekt geatmet wurde. Am Anfang sollte der Übende rücklings auf einer dünnen Matte oder einem Tuch liegen, die beiden Arme locker an den Seiten ruhend. Du solltest Deinen Kopf nicht auf ein Kissen legen. Richte Deine Aufmerksamkeit auf Deine Ausatmung und achte darauf, wie lang sie ist. Du könntest sie messen, indem Du im Geist langsam 1, 2, 3 zählst. Nach mehreren Malen wirst Du die Länge Deines Atems kennen. Vielleicht ist sie 5. Versuche nun, die Ausatmung um einen weiteren Zähler zu verlängern (oder 2), so daß die Länge der Ausatmung 6 oder 7 wird. Fange damit an, daß Du beim Ausatmen von 1 bis 5 zählst. Statt jedoch, wenn Du 5 erreichst, wie bisher sofort mit dem Einatmen zu beginnen, dehne die Ausatmung auf 6 oder 7 aus. Dadurch wirst Du aus Deiner Lunge weitere Luft entleeren. Wenn Du die Ausatmung beendet hast, halt für einen Augenblick inne, damit sich Deine Lunge selbständig frische Luft verschafft. Laß sie soviel Luft einsaugen, wie sie mag, ohne irgendeine willentliche Anstrengung vorzunehmen. Die Einatmung wird gewöhnlich 'kürzer' als die Ausatmung sein. Behalt das Zählen im Geist ständig bei, um die Länge von beiden zu messen. Der Anfänger sollte auf diese Weise mehrere Wochen üben, wobei er sich, während er am Boden liegt, aller seiner Aus- und Einatmungen bewußt ist. (Wenn Du eine Uhr hast, die laut tickt, so kannst Du sie zu Hilfe nehmen, um die Länge Deiner Ein- und Ausatmung im Sinn zu behalten.) Du solltest das Messen Deines Atems beim Gehen, Sitzen, Stehen fortsetzen, besonders immer dann, wenn Du draußen bist. Beim Gehen kannst Du Deine Schritte als Maßstab benutzen, das ist eine sehr gute Methode. Nach etwa einem Monat wird sich der Unterschied zwischen der Länge Deiner Ausatmung und der Länge Deiner Einatmung verringern. Allmählich werden sie sich angleichen, bis sie von gleicher Länge sind. So wird also, wenn die Länge der Ausatmung 6 ist, auch die Einatmung 6 sein. Wenn Du Dich beim Üben irgendwie müde fühlst, hör sofort auf. Aber auch wenn Du Dich nicht müde fühlst, solltest Du die Übung der langen, gleichmäßigen Atemzüge nicht über kurze Zeiträume hinweg ausdehnen. So sind z.B. 10 bis 20 Atemzüge genug. Sobald Du auch nur das kleinste bißchen Ermüdung spürst, kehre zum normalen Atmen zurück. Ermüdung ist eine ausgezeichnete Einrichtung unseres Körpers und der beste Ratgeber dafür, ob wir uns ausruhen oder ob wir fortfahren sollten. Um Deinen Atem zu messen, kannst Du zählen oder einen rhythmischen Spruch verwenden, der Dir gefällt. Wenn zum Beispiel die Länge Deines Atems 6 ist, so könntest Du an Stelle von Zahlen die 6 Silben benutzen: 'Mein Herz ist jetzt friedvoll'. Oder: 'Mein Sein ist wundervoll.' Wenn die Länge 7 ist, könntest Du den Spruch benutzen: 'Auf grüner Erde geh' ich' oder: 'Zum Buddha nehm' ich Zuflucht' usw.

Wenn Du gehst, sollte jeder Schritt mit einer Silbe im Einklang stehen.

Bereichern unseren buddhistischen Wortschatz

In Sanskrit, Vietnamesisch, Deutsch

Verantwortlich: Ngô Ngọc Diệp

Dharma Name : Thị Chơn

- Acala : Bất động
Anregungslosigkeit
- Acalabhūmi: Bất động địa:địa thứ 8,1trong
10 tầng sinh hoạt của 1 vị Bồ
tát.Trong địa này A lại gi a
không còn là đối tượng của Mặt
na.
die Welt der Anregungslosig -
keit, die 8. Bodhisattva- Welt.
In dieser Welt wird Alaya
nicht als objekt von Mano
sein.
- Ahamkāra : Nguyên tắc của ngã
das Ich-Prinzip
- Ajāra : Bất hoại
unbeschädigt, unzerstört
- Ajāta : Vô sanh
Nicht - Wiedergeburt
- Akāsānācāyatana : Không vô biên thiên ,
tầng 1 của thiên vô sắc giới.
Bereich der Raumendlichkeit, 1. Kontempla -
tion der Arūpaloka
- Akincānāyatana : Vô sở hữu thiên, tầng 3
của thiên vô sắc giới
Bereich der Nicht-Irgendetwasheit, 3. Ver -
senkung der Arūpaloka
- Akkhara : Bất khả diệt (tên khác của Niết
Bàn)
Ewigkeit, unzerstörbar
(Anderer Name von Nirvāna)
- Alambana : Cảnh, sở duyên
Wahrnehmungsobjekte
- Alambana-Pratyaya : điều kiện sở duyên ,
sở duyên duyên
Bedingungen der Wahrnehmungs -
objekte
- Alambanaparikṣā-Sāstra : Quán sở duyên
duyên luận của Ngài Trần Na
Abhandlungen über Acht von Be -
dingungen der Wahrnehmungsob -
jekte, ein Werk von Dignāga
- Anantavīrya-Buddha : Vô lượng tinh t ấ n
Phật
unermüdliche Streben-Buddha
- Bhaichadjya : Đuộc Vương Bồ tát
der Heilende Bodhisattva
- Bhaichadjyaguru : Đuộc Sư Lưu Ly Quang Vg
Phật
Meister des Heilens im Lapis -
lazuliglanz, genannt der Heilen
-de Buddha
- Bhaichadjyarāja-Samudgāta : Đuộc Thượng
Bồ tát
der höchste Heilende Bodhisatt
-va
- Bhargava : Bất ca bà (Tiên nhân)
weltliche Heilige
- Bhāvanā-Mārga : Thiên đạo
Meditationspfad
- Caturmahārājaka-deva : Trời tứ đại (tứ đại
thiên)
der vier Elemente-Welt, die
eine Klasse von Himmelswesen
der sinnlichen Sphäre bilden
- Caturyōni : Tứ chủng sanh, Tứ sanh
die auf 4 keime beruhende Ent -
stehung
- Dharmanīdhara : Trì địa Bồ tát
Bodhisattva, der die Erde be -
schützt
- Dharmadara : trì Pháp (Phật)
der Lehre-Beschützer (Buddha)
- Dharmakara : Pháp Tạng (tỳ kheo)
Name eines Bhikṣu, Buddha's Schü -
ler
- Dharma prasāntā bhūmi : giáo lý tịnh lạc
die Lehre über die Reinheit
und Freude
- Dharmarāja : Pháp Vương
König der Lehre
- E'kamsamayam : nhất thời
ein Augenblick (Moment); vorüber -
gehend, einstweilig
- gati : sự sanh trưởng, tái sanh
Gang, Daseinsfährte
- gati Sampatti : sự tái sanh thuận lợi
günstige Daseinsfährte
- gati Vipatti : sự tái sanh bất thuận lợi
ungünstige Daseinsfährte
- gati Nimitta : biểu hiệu lâm chung

gaunamati : das Zeichen des Todes
Đức Huệ La Hán (Cổ na mạt đề)
gütige Tugend, Name eines A-
rahant

Kâmadhatu : dục giới
die Welt des Verlangens, Sin-
nen Welt

Kâma-Sukhallikânuyoga : sự trói buộc trng
nhục dục thất tình
Hang zur Sinnenlust

Karanîya Meitri Sutra : kinh từ bi
Sutra über die Barmherzig-
keit und gûte

Karma-patha : Nghiệp (gôm có 10 ác và 10
thiện nghiệp)
Wirkensfährte, die bestehen
aus 10 unheilsame-und heil-
same Wirkensfährte

- Die 10 fache unheilsame Wirkensfährte
sind:
-3 fach in Werken: Töten, Stehlen ,
Ehebrechen
-4 fach in Worten: Lüge, Hinterbrin-
gung, rohe Rede, törichte Rede
-3 fach in Gedanken: Habgier, Übel -
wollen, Üble Ansichten

- Die 10 fache heilsame Wirkensfährte
sind:
-3 fach in Werken: Abstehen vom Tö-
ten, Stehlen, Ehebrechen
-4 fach in Worten: Abstehen von Lüge
Hinterbringung, roher Rede und sinn-
loser Rede, d. i. wahre, versöhnliche
freundliche, und sinnreiche Rede
-3 fach in Gedanken: Freisein von
Habsucht; Freisein von Übelwollen ,
rechte Ansichten

Karmavipâka : Nghiệp báo
Durch Karma-patha entstande-
ne Wirken

Loka : Cảnh giới, thế giới (dục giới
sắc giới và vô sắc giới)
ist eine Bezeichnung für die
alles umfassende 3 Welten,
nämlich:
- die Sinnenwelt (kâma-loka), d. i. die
Welt der fünf Sinne, sie umfaßt Hölle ,
Tierreich, Gespensterreich, Dämonenreich ,
Menschenwelt und das sechsfache sinnli-
che Himmelsreich (deva).
- die "Feinkörperliche Welt" (rûpa -
loka), d. i. die den vier Dhyâna entspre-
chende Himmelswelt, in der es jedoch noch
den Seh- und Hörsinn gibt.
- die den vier Unkörperlichen gebie-

-ten entsprechende "Unkörperliche
Welt (arûpa-loka).

Mahâdharma-Kinnaras Râdja : Đại Pháp Khãn
na la vương (vi vua loài khãn na la
tên là Đại Pháp)
König des Kinnaras-Wesens, namens Ma
hâdharma (große Lehre).

Mahâ Karunâ Samâdhi : Đại Bi Định
geistige Sammlung in großer Barmher-
zigkeit

Mahâmahesvara, Mahêsvara : Đại Trí tại
Thiên
große Gelassenheits-Welt.

Mahâmandaravas : Đại Mạn dã la hoa
große Mandaravas-Blumen

Mahâprabha Buddha : Đại Quang Phật
großes Licht (glanz)-Buddha

Naisvasamjñânasamjñâyâtana : Phi tướng phi
phi tướng thiên
Weder-Wahrnehmung-Noch Nicht-Wahr-
nehmungsgebiet, gehört zu der Unkör-
perliche Sphäre.
(die vierte Versenkungsstufe der
arûpa-loka).

Nâya : Chánh đạo
Rechte Methode, wird häufig ge-
braucht als Bezeichnung des
Edlen Achtfachen Pfades.

Nayaka : Đạo sư (Bực dân dắt chúng sanh
Meister, der geistiges Leben
aller Lebenwesen führt.

Pabbajjâ : Xuất gia, thọ giới sa di
-wörtl.: das "Fortziehen", ist das Hin-
ausziehen aus dem Hausleben in die
Hauslosigkeit des Mönches, somit das
verlassen aller häuslichen und so-
zialen Bande, um in die Abgeschieden-
heit das Ziel der vom Buddha ge-
wiesenen Erlösung zu verwirklichen.
- ist der Name für die Novizenweihe

Pakati-Upanissaya-Pratyaya : tự tánh nhân
duyên
Ursprünglicher oder eigentli-
cher Anlaß.

Panca : nam
fünf

Pâni : tay
Arme (physische oder Tat- Fä-
higkeit)

Panjikâ : bình luận
Kommentär

Ratnacandra : Bảo Nguyệt Bồ tát
Bodhisattva Kostbarer Mond

Sahajayâna : 1 tông phái Mật giáo ở thế kỷ
thứ 8

Sala : Schule des buddhistischen Tantrismus ab.8 Jahrhundert
 : Cây thốt nốt
 Zuckerpalme
 Salaradja : Ta la Vương(Phật quá khứ)
 Name eines Buddha in der Vergangenheit
 Samantagandha : Phổ Hưởng(thiên tu)
 der vollständige Dufte
 Samanta Bhadra Bodhisattvacarya : Phổ Hiền
 bồ tát đại nguyện
 der vollständige glückliche Bodhisattva mit großer gelübde
 Shan-tao(Zendô) : tô thứ 5 của Nhật(tịnh độ Tông)
 der fünfte Patriarch, ist ein jungerer Zeitgenosse Dôshaku's(Tao-Shao)
 Er wurde 613 n.Chr.in Rinchin geboren undes wird gesagt, daß er 681 n.Chr. gestorben sei.
 Siddhartha : Thái Tử Tất Đạt Đa
 Eingename des Buddha
 Siksâsamvara : trì giới
 die Beachtung der Regel
 Siloka : danh vọng
 Ruhm,Ansehen,Beliebtheit
 Simhanâda Sutra : kinh sư tử hồng
 Tiger-Brüllen Sutra
 Sugata : Đức Thiện Thệ
 der Wohlgegangene,eine von 10 Bezeichnungen des Buddha
 Sujâta : Thiện Sanh,cô thôn nữ cũng thức ăn cho Đức Thích Cakhi Ngài sắp thành Phật.
 : Name einer Bauerin, die Buddha das Essen anbat,kurz vor seiner Erleuchtung.
 Sukha : hạnh phúc
 Glück,Wohlergehen
 Sumêrukâlpa Buddha : Tu di Sơn Phật
 Name eines Buddha,der auf dem Berg Sumêru residiert
 Sûnya : không
 leer
 Tejo-dhatu : hỏa đại
 Hitze-Elemente
 Thambha : Ngoan cô
 eigensinnig,dickköpfig,widerspenstig,
 Upâdânakkhandha : Ngũ uân chấp thủ
 Bezeichnung für die 5 An-
 eignungsgruppen,d.h.diese 5

: Gruppen die Objekte des Anhaftens bilden.
 Vassa : Nhập hạ(an cư kiết hạ)
 die Jahreszeit der Zurückgezogenheit
 Vimukti Sukha : hạnh phúc giải thoát
 das Glück der Erlösung
 Vinnanancâyâtana : Thức vô biên thiên
 Bereiche des unbegrenzten Bewußtseins,2.Versenkung der Arûpaloka

(Fortsetzung folgt)

(Fortsetzung Seite 40)



Rechte Gesinnung bedeutet einem Meditationspraktiker der Einsatz seiner Weisheit, die wiederum von innerlichen Stille und Reinheit abhängt. Man erreicht diesen Zustand durch Ausschaltung von jeden Unwissenheit und Kümern. Darum heißt es rechte Anschauung.

(Fortsetzung folgt)

BONN Ngày Quốc Kháng 30.4.83

Tôi đến thủ đô Bonn
Trong nắng xuân hiền dịu,
Giữa muôn lá cờ vàng tung bay, lăm liết,
Phân phát run lên ba vạch thắm màu sòn.
Hồn sông núi trong màu vàng bất diệt,
Vùng dâng lên tràn ngập một phướng trời.
Có những chàng trai,
Tóc còn vương sóng gió,
Anh mắt rợn hồn căm.
Có rất nhiều thiếu nữ
Hiện ra từ lịch sử,
Của một thời Trưng Triệu xa xăm.
Có bao nhiêu cụ già lu khụ,
Lòng nặng mang mối hận 75.
Lại có cả người Anh, người Đức,
Người châu Mỹ, châu Phi, châu Úc.
Các màu da từ bốn phướng trời
Đều đến đây hội ngộ,
Cùng nói lên tiếng nói của Nhân Quyền.
Từ mọi lòng ngực một tiếng hô:
Đã đảo công nô!
Đã đảo quân giết người khát máu!
Đã đảo quân liếm gót Nga sô!
Tôi tưởng hôm nay trời phải sụp,
Cuồng phong bão táp nổi lên
Chôn vùi hết những quân nghịch tặc.
Và chúng ta, những người bất khuất,
Lòng đỏ hơn son, da bền hơn sắt,
Ngày mai về giải phóng quê hương.
Hỡi năm mốt triệu đồng bào đau khổ!
Nói đây là hậu tuyến kiên cường.
Chúng ta trường kỳ chiến đấu
Cho tự do, nhân bản,
Cho tương lai rạng rỡ huy hoàng.

thăm vườn herrenhausen hannover

Giữa nơi đô hội cũng lăm tuyền:
Cây cỏ xinh tươi, nước diu hiền.
Hàng tượng thờ thăm câu thể sử,
Rừng hoa tô điểm cảnh thiên nhiên.
Đâu nàng công chúa say, trần mộng,
Đâu khách vẫn nhân nhớ túc duyên.
Giấc mộng đêm nay mong hóa bướm:
Mỗi tình hoa bướm cứ triển miên.

● Hoàng Đức

(Krefeld)

Người đến

Người đến do ngựa xe
Con đường mù bụi đỏ
Người đi làm sao tỏ
Ta ngồi lâu đợi xe

Cuối đường kia mây đợi
Đầu đường này ta trông
Dù người đã đến nơi
Ta vẫn còn ngó trông

Người đến mang mưa theo
Đất khô gió hóa lạnh
Đêm lặng lỗ trắng treo
Ta ngồi im không nói

Người đến nụ vui reo
Chôn thương hăng vãn thế
Trong tịch mịch chiêm bao
Ai mở mắt ra chào

● Nguyễn Chí Trung 1975
(Cõi xứ trắng rằm)

Xuân về

Mỗi năm khi đông tàn
Lại thấy hoa mai nở
Trở những hoa trên cành,
Báo hiệu mùa thưng nhớ...

Bao nhiêu xuân vẫn tới
Đều đem sự vui phơi
Mai vàng nở khắp nơi
Thời gian vẫn trôi mãi...

Năm nay xuân lại về
Không thấy cây mai củ
Kể cả bóng người, thân
Giờ ở đâu có nhớ...

● VTLP

NHỮNG NGÀY ĐI ĐĂNG KÝ

HỒ TRƯỜNG AN



Sau khi trình diễn vở tuồng "Đời Cô Lựu", đoàn Thanh Minh tiếp tục cho diễn tuồng "Tiếng Trống Mê Linh", trong khi đó bankich nói Kim Cường cho diễn vở thoại kịch cũ của Hoàng Dũng, là "Lá Sầu Riêng" đượcchàng những dân Saigon ủng hộ hết mình mà bỏcán bộ, bộ đội miền Bắc chen nhau mua vé, và sẵn sàng mua vé chợ đen mắc gấp rưỡi, gấp đôi. Đoàn Ca Kịch cải lương Saigon I, với sự hướng dẫn của Phùng Há, Năm Châu, Bảy Nhiêu, Ba Vân với thành phần diễn viên hùng hậu u bên kép đã có Thành Được, Nam Hùng, Út Trà Ôn Văn Khỏe, bên giàn đào có Phượng Liên, Thanh Thanh Hoa, Ngọc Giàu, Út Bạch Lan, Hoài Mỹ vv cho diễn vở tuồng "Sân Khấu Vẽ Khuya" một vở kịch đề cao nghệ thuật do Năm Châuphóng tác theo cuốn tiểu thuyết "La Comédienne" của Somerset Maugham, vở kịch đã đưa Thành Được và Thanh Nga lên tuyệt đỉnh vinh quang vào thập niên 60. Báo chí Hà Nội, Saigon xúm nhau đề cao vở "Lá Sầu Riêng" của H o à ng Dũng nào là có dấu tranh giai cấp, nào là bài xích tệ đoan xã hội, trong khi đó họxúm lại căn xé vở "Sân Khấu Vẽ Khuya" đại khái là vở tuồng này đi ngược cách mạng, đề cao nghệ thuật vì nghệ thuật trong khi chủ trương của Đảng là đề cao nghệ thuật vì nhân sinh. Trong số những nhà phê bình đó có nhà thơ Lưu Trọng Lư; ông đã biếm nhẹ không tiểclời vở "Sân Khấu Vẽ Khuya" trên tờ tạp san Văn Nghệ Giải Phóng.

Đoàn Cải Lương Nam Bộ với sự cộng tác của các nghệ sĩ miền Bắc như Kim Xuân, TiêuLang, Lan Phương không dám vào Nam trình diễn. Ng Bắc hát Vọng Cổ, ai mà thèm nghe? Người Bắc Cộng Sản diễn cải lương nó... thế nào ấy, khán giả khó nuốt trôi. Lại nữa tuồng tích miền Bắc kỳ quái khó lọt vào cảm quan khán giả.

Đoàn Hồ Quảng Huỳnh Long cũng rục rịch ra mắt. Gánh này đã có kép Thanh Bạch và d à o Kim Mai là con của bà bầu, vốn đã sành nghệ từ thuở bé thơ. Bà bầu còn mời nam nghệ sĩ Hoàng Long và đào Bobo Hoàng, vốn diều luyện vững vàng về mặt ca diễn. Ngoài ra còn có đào Phượng Mai, từ thuở bé đã nổi danh là Tiểu Lăng Ba, nay tô điểm cho sân khấuHuỳnh Long thêm nét sáng đẹp và tươi trẻ. Đoàn này cũng được ủng hộ khá nồng nhiệt. Nghiệt một nổi, cả đoàn bỗng đứng bị chúng ghè ngựa . Thứ ghè này được dân miền Nam mệnh danh là ghè cách mạng, ghè bộ đội, ghè đồ, ghè giải phóng. Đào kép đang lúc diễn tuồng t h ị nh thoàng củ gái lia lia. Âm nhạc công ở dưới

giàn nhạc cũng thỉnh thoảng bỏ nhạc k h í xuống gãi luôn tay. Anh kéo đàn, anh n h ã c xuống, các anh vệ sĩ đều gãi rảo trội. Đào kép vừa diễn tuồng, vừa gãi, vừa ngó, xuống khán giả cười trừ. Khán giả vừa thưởng thức tuồng, vừa gãi và cười thổng cảm. Thét r ố i cả đoàn phải xin phép được đến Trung Tâm Bài Trữ Hoa Liễu để trị bệnh... ghê cách mạng vì ở đây có đủ loại thuốc ngoại khoa hớn.

Trong giới cải lương xam xỉ hai nhân vật nổi tiếng; đó là nữ nghệ sĩ lão thành Thanh Loan và nữ nghệ sĩ Ngọc Hoa. Bà Thanh Loan vốn nổi tiếng thời tiền chiến bên cạnh các cô Kim Thoa, Thanh Tùng, Sáu Nết, Sáu Ngoc Sương. Bà là vợ cũ của ký giả Thanh Tâm Trần Tấn Quốc. Vào bán thập niên chót 50 bà trở lại sân khấu đóng vai mẹ già trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga rất điêu luyện và điêu luyện nhất là bà giữ vai chánh trong tuồng "Vu Ân Song Hôn" bên cạnh Việt Hùng, H ứ u Phước, Ngọc Nuôi, Thanh Nga, Ngọc Giàu. Đầu năm 1962, bà bỏ vào mật khu để trốn nợ vì bà bị nợ nần như Chúa Chôm. Ngọc Hoa vào n ã m 1956 đã qua nhập gánh Nam Phong do bà Chín Bia (em gái của bà Nam Phi) lèo lái, sau khi nữ nghệ sĩ Ngọc Hương bỏ đoàn này qua gánh Thủ Đô. Ngọc Hoa xinh đẹp, nhiều triển vọng vào khoảng năm 1956 tới năm 1960 sau đó để gia nhập bên gánh Thống Nhất đứng bên cạnh giàn đào nổi tiếng như Diệu Hiền, Bạch Tuyết Thanh Xuân và Hồng Nga. Vào khoảng năm 1962 Ngọc Hoa cùng chồng là kép Thanh Hùng bỏ vào mật khu. Khởi nói, miền Bắc mà được Ngọc Hoa thì khác nào được món trân bảo h i ế m quý. Đào cải lương miền Bắc làm sao bì tới gót chân Ngọc Hoa, dù đã được các nghệ sĩ lũng danh gốc người Nam đã từng nổi danh vào thời tiền chiến như Tám Danh và Ba D u khố công huân luyện. Thế là Ngọc Hoa được nhà nước và Đảng Cộng Sản miền Bắc cho đi tham quan Liên Xô và các nước Đông Âu. Sau đó Ngọc Hoa vào rừng hát cho bộ đội thương ngoạn. Sau mười mấy năm lưu diễn trong rừng Thanh Hùng, Ngọc Hoa, Thanh Loan trở về miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 với phong độ vinh quang, khai hoàn và với... bệnh sốt rét kinh niên. Thanh Loan thì không cần đóng tuồng hay lãnh đạo nghệ sĩ sân khấu nữa, bà ta ứng cử dân biểu quốc hội và đặc cử về vang. Ngọc Hoa, dù đã có ứu thế trong lĩnh vực màn nhung, sàn gó, vì đã có công với cách mạng, nhưng trở lại sân khấu miền Nam, cô ta đâu còn phong độ nữa. Lại nữa, cô phải nãm nhà thưởng thường xuyên để trị bệnh sốt rét

rừng, mất hết ứu thế để thủ vai nông c ố t trong gánh hát, dù tuổi của cô chỉ thuộc vào đàn em của Thanh Nga, Bạch Tuyết, Ngọc Hương, Thanh Thanh Hoa.

Nhà thơ RUM Bảo Việt (RUM có nghĩa là Rừng U Minh) tức là anh Sáu Chiến giữ chức v u lãnh đạo các nghệ sĩ sân khấu miền Nam và anh thưởng tuyên bố:
- Đi theo đào kép cải lương còn có cơ hội, được biểu xén qua cấp, chớ theo tụi nghệ sĩ sáng tác nghèo đói xác xơ thì ăn cái giải rút gì được.

Một số đào cải lương vì muốn được h ã n h nghệ trở lại tha hồ mà hu hóa anh Sáu. Anh Sáu trong phút chốc trở thành ông thần tác oai tác phúc trong giới cải lương, được c ờ m no bỏ cười. Trụ sở của giới văn nghệ sĩ trình diễn là 81 đường Nguyễn Văn Trỗi, (tức là đường Công Lý cũ), trong khi đó trụ sở của giới văn nghệ sĩ ở đối diện với trụ sở này tức là 62 đường Nguyễn Văn Trỗi, độ nhà thơ Viễn Phương thuộc phe công làm chu tích.

Trước anh Sáu Chiến có nhà soạn kịch Mai Quân trông coi về sân khấu. Anh Mai Quân bị hu hóa lộ liễu quá nên bị mất chức. Việc làm của anh Sáu thì cũng chẳng kín đáo gì vậy mà địa vị của anh vẫn vững như kiềng ba chân, chắc chắn như bàn thạch; chẳng a i hiểu vì sao cả.

Cải lương được nhà nước Cộng Sản chăm chú nhưng bị rúng ép thế thâm. Tuồng tích thì phải soạn cho có Đảng tính, có dấu tranh giai cấp, trở nên cái cú, chua lè, chua lét, vào xem chỉ có nước ngủ gục. Nhưng kể c ố nhiều tuổi Đảng, được nhà nước cho trông coi sân khấu, hầu hết là dốt nát về nghệ thuật sân khấu, lại thích tờ tài, lấy le, bắt soạn giả phải sửa đổi như thế này, thế nọ, bắt đào kép phải diễn theo sự chỉ vẽ và trơn bôn trơn của họ nên buổi trình diễn rối rạc, chán ngấy. Khán giả cứ ngáp t ố i ngáp lui, và đa số bỏ ra về sớm. Nhưng mà, khi họ vừa tới cửa thì bị bọn an ninh thét lên, bảo họ phải vào xem cho tới vàng hát để thâm nhuần tư tưởng cách mạng và c h u thuyết Mác Lê.

Đoàn Sài Gòn I được lệnh lên diễn ở Katum, một địa điểm mà nhà nước Cộng Sản c h ọ n làm thí điểm cuộc tái thiết trùng tu x ứ s ớ. Dân Katum đã từng giúp Mặt Trận Giải

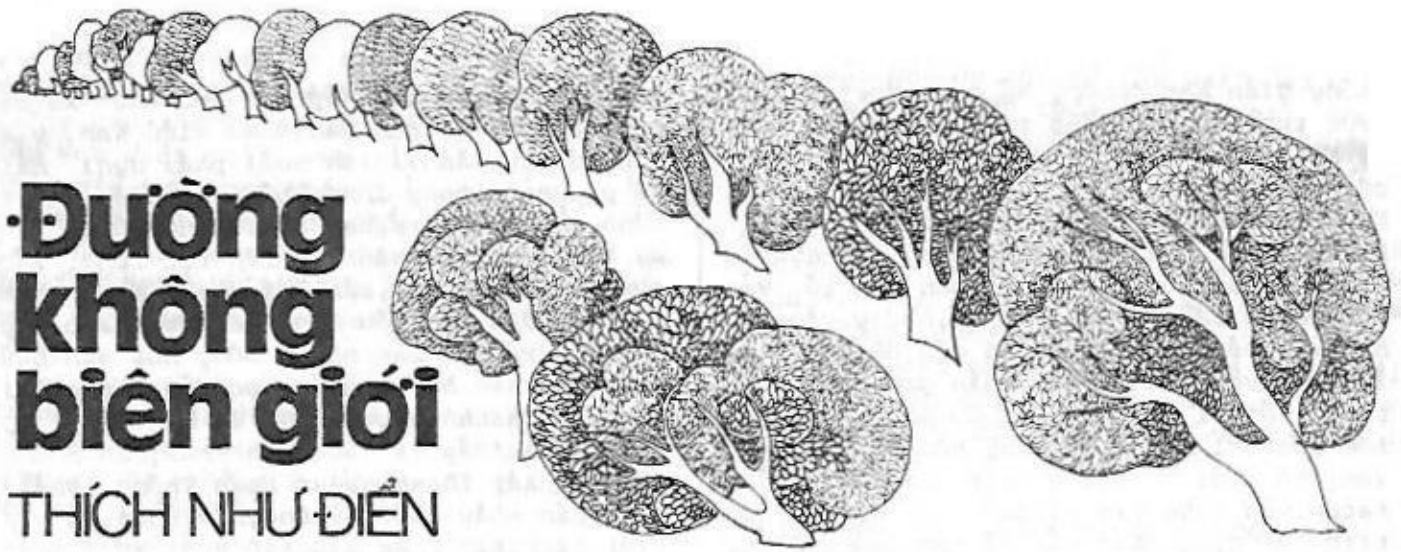
Phóng Miên Nam "chống Mỹ cứu nước", nên họ được tuyên dương công trạng và được Đảng và Nhà Nước chiếu cố nhất. Ba vợ tuồng nông cốt của đoàn Saigon I là tuồng "Phụng Nghi Đình", "Mạnh Lệ Quân" và "Người Ven Đò". Hai vợ tuồng đều là do cụ Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền soạn, dù cô bị bọn cán bộ văn nghệ miền Bắc sửa đổi nhiều, nhưng vẫn còn nhiều nghệ thuật tính, vẫn còn nhiều hấp lực đối với quần chúng khán giả. Nhưng vợ tuồng "Người Ven Đò" thì do soạn giả miền Bắc soạn, dĩ nhiên là đáng hơn kỹ nghệ, khó xem, khó ngủ... Tội nghiệp cho dân chúng Katum, vừa nghe tin Saigon I từ Saigon lên trình diễn, họ chắc hẳn sẽ xem tuồng "Phụng Nghi Đình" và tuồng "Mạnh Lệ Quân" để được thưởng ngoạn y trang Quảng Đông lông lẩy để được đắm mình trong thời đại phong kiến huy hoàng vào triều nhà Hán, triều nhà Nguyễn. Ai dè, chính quyền địa phương báo đoàn phải hát "Người Ven Đò", dân phải xem đào kép mặc áo quần vải ú đen, vải vắt khăn rằn, họ phải xem cốt truyện đầy thù hận, cay cú với cái bộ cục lông lẹo, những tình tiết luồn thườn, đầu cua tai nheo, đầu voi đuôi chuột. Một số đồng sở hữu, xông vào hậu trường để hỏi tội đào kép. Một bà già khi gặp nữ tài tử Thanh Thanh Hoa, xiaxó: "Nè cô kia, tui nuôi mấy anh em cách mạng đã mười mấy năm rồi, tui đã thấy áo quần vải ú, khăn rằn hàng ngày, nay phải coi tuồng chỉ rạc có mấy đào kép áo quần vải ú, khăn rằn thì chịu sao cho nổi?". Một bà khác hét: "Tuồng Mạnh Lệ Quân để đâu? Y tra ng Quang Đông bị chuột cắn nát hết rồi hay sao mà không đem ra hát?". Tội nghiệp cho cô đào Thanh Thanh Hoa có biết Ất Giáp gì đâu, chỉ biết mê máu: "Thưa các bác, tụi cháu cũng muốn hát "Phụng Nghi Đình" và "Mạnh Lệ Quân" cho các bác coi, nhưng trên báo tụi cháu vào giờ chót phải hát "Người Ven Đò", tụi cháu đâu dám cãi". Cũng theo lời nữ tài tử khả ái này, tuồng "Người Ven Đò" được trình diễn cho hai quân trên một chiến hạm xem, nhưng các khán giả bắt đặc dĩ này chán ngấy, vội chui ra khỏi chiến hạm, toan lên bờ để tìm một chút khí thoải mái. Họ bị thủ trưởng của họ cản lại: "Vào trở lại mà xem hát. Các anh phải xem hát để thông suốt đường lối xã hội chủ nghĩa chứ. Các anh muốn lên bờ để cho gái miền Nam hủ hóa các anh đây à?".

Nhà nước đã cho lệnh truyền miêng, nếu ai không phải là cán bộ, công nhân, công nhân viên thì phải đi vùng kinh tế mới. Tội

nh nghiệp cho các đào kép vào một thuở xa đã từng nổi danh trên sân khấu miền Nam, và cũng đã từ lâu vì lớn tuổi phải nghỉ hát để giữ mãi trong lòng khách mộ điệu một hình ảnh tươi trẻ, nay phải đăng ký để xin đi hát, lòng đã chán nản đến tận cùng. Vào thuở thập niên 50, sân khấu Việt Kịch Năm Châu đã đào tạo bên cạnh hai ngôi sao sáng Kim Cúc và Kim Lan những bông hoa sân khấu lông lẩy sắc hương như Ngọc Dán, Tương Lai Kim Anh, Thanh Thủy. Sau đó là Lan Chi, Thanh Hải (đây là đào Thanh Hải, chứ không phải là kép Thanh Hải ở đoàn Thống Nhất) được sân khấu Phước Chung, hậu thân của Việt Kịch Năm Châu đào tạo dưới sự diu dắt của bà Hai Nữ. Nữ tài tử Lan Chi đã đoạt Huy Chương Vàng giải Thanh Tâm năm 1959, sau đó nghỉ hát một thời gian dài, nay phải trở lại sân khấu với sắc hương tàn tạ. Tương Lai, Ngọc Dán, Thanh Thủy, Kim Anh không còn cơ hội đóng vai trẻ đẹp, phải đóng vai mù, lòng đầy bất mãn, nhưng biết sao hơn! Còn nữ nghệ sĩ Kim Lan, đã được báo chí mệnh danh là Danielle Darieux Việt Nam, và đã được bầu làm "Khôi Nguyên Sân Khấu Miền Nam" về nét sáng đẹp tuyệt vời trên sân khấu, từ lâu vì lớn tuổi, bỏ nghệ, đi bản khoai lược, bảp lược, nay phải đăng ký hành nghề trở lại. Để giữ mãi trong lòng khách mộ điệu hình ảnh những vai mỹ nhân trong các vở kịch do Năm Châu phỏng tác theo các kịch phẩm của Shakespeare, chỉ xin giữ vai trò coi sắp y trang cho đào kép, để khỏi chường mặt dưới ánh đèn sân khấu.

(còn nữa)





Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ 10)

Đường về mạn Bắc của quả địa cầu không như đường về Nam Cực. Nếu ai đó đã có lần sang Úc hay Na Uy và Đan Mạch sẽ thấy rõ điều đó.

Trên cánh chim Đại Bàng bằng thép - nếu đi về Nam Cực - ta sẽ thấy mặt trời luôn luôn ở về phía trước mặt - như một chân lý sáng ngời trên con đường đi và đến; Nhưng nếu ai đó đã có lần đi Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch thì sẽ thấy ngược lại. Mặt trời luôn luôn ở phía sau lưng chúng ta - và theo như nhiều người biết, mỗi năm cứ đến ngày 23 tháng 6 là tất cả du khách khắp nơi tại Âu Châu và thế giới đều đón về mạn Bắc của Địa Cầu để xem "ngày mặt trời không bao giờ lặn". Ngày mà 12 giờ khuya, mặt trời vẫn treo lơ lửng trên hư không. Đó là sự thật và những ai sống tại miền Bắc của quả địa cầu đều chứng thực được điều đó. Có nhiều người không tin rằng mỗi năm tại các xứ Bắc Âu có 6 tháng ngày và 6 tháng đêm. Thế mà có thực. Thế nào là 6 tháng ban ngày - Nghĩa là đầu cho 11 hay 12 giờ khuya trời vẫn sáng và mới 1 hay 2 giờ đêm mặt trời đã bắt đầu ló dạng rồi. Còn 6 tháng ban đêm thì sao? - Nghĩa là: "mặt trời không bao giờ có thật". Trời mùa đông đến 10 giờ hoặc 11 giờ nhưng vẫn chưa hừng sáng - ban chiều mới 2, 3 giờ thì đã tối rồi. Mờ nghe qua thì hơi khó chịu; nhưng đó là sự thật.

Người Việt Nam ngày nay có mặt khắp nơi trên quả địa cầu. Từ vùng băng giá lạnh lẽo khi tuyết xuống mùa Đông, cho đến nơi nóng bức oi ả nơi đường xích đạo, không biết ngày xưa dân tộc Việt Nam đã bị cộng nghiệp và biệt nghiệp như thế nào mà cái quả ngày nay người Việt Nam phải đánh đổi

một giá quá đắt như vậy. Đó là niềm vui hay nỗi buồn thì không biết; nhưng theo quan niệm của nhà Phật thì đó là một nghiệp lực tương đối khả năng. Muốn cái nghiệp xấu ấy thành nghiệp tốt, chính tư mỗi cá nhân phải biết tự sửa thân mình - còn chân chó khác, hoặc không lo tu niệm, thì chúng ta trong hiện tại chẳng khác nào một bầy gà con đang lạc mẹ, bay nhảy khắp bốn phương trời.

Nỗi buồn viễn xứ, biết có bao giờ nguôi, khi bên mình những người da trắng lạnh lùng, lãnh đạm, ngôn ngữ không thông, cứ chỉ không diễn tả được những gì sâu kín nhất của tâm hồn. Khí hậu khá khác biệt giữa Đông, Thu, Xuân, Hạ.

Càng đi về phương Bắc tôi cứ ngỡ là rất xa lạ với Việt Nam, nhưng không ngờ lại giống Việt Nam hơn là những xứ Trung Âu Châu. Miền Trung Âu Châu toàn là vùng đồng bằng ruộng khô, đất đai màu mỡ; nhưng càng hướng về phương Bắc chừng nào, những con quạ đen, những cây thông nặng trĩu lá cành, những cánh núi non chập chùng hùng vĩ, khiến ta nhớ đến quê hương rất nhiều - Một quê hương đã chịu quá nhiều cảnh tang thương của chiến tranh - tình người và thù hận. Dân tộc Việt Nam cả 3 miền Nam Trung Bắc gồm lại cũng bằng nửa dân tộc Nhật, hoặc ngang nhau với Tây Đức - nhưng chúng ta đã làm được gì? - Khi đã hòa bình rồi mà máu me Việt Nam vẫn cứ chảy mãi trên quê hương? Xứ ta tuy chật hơn các xứ Bắc Âu nhưng dân ta đông gấp 5-10 lần họ, nhưng tại sao ta không xây dựng được quê hương ta, để đi lo xây dựng cho xứ người? - phải chăng những thế lực chính trị trong quá khứ và hiện tại chẳng mang lại một đời sống khá đĩ nào cho nhân dân mà chỉ ca toàn là những danh từ hoa mỹ - nào độc lập - tự do, hạnh phúc - nhưng có

độc lập gì, dầu khi ta còn nô lệ, có tự do nào mà chỉ một số người độc quyền buôn bán 2 chữ tự do? - và hạnh phúc ở đâu mà hơn 50 triệu dân đã moi tìm lâu ngày nhưng chẳng thấy?

Thế chế nào rồi cũng mai một với thời gian chính phủ nào rồi cũng phải lặn lẽ ra đi khi lòng dân không muốn. Chỉ có niềm tin vào tôn giáo là một sức mạnh đời đời không thể đổi thay. Mấy ngàn năm rồi Phật vẫn là Phật, Chúa vẫn là Chúa - chưa ai có thể thay thế vào ngôi vị đó cả - chỉ có con người còn tham sanh hủ tử - nên mới có triều đại này, cơ nghiệp khác - nghĩ cũng quá bi thương nhưng loài người vẫn còn bị lặn hụp trong giòng đời trôi nổi. Đáng tiếc thay!!!

Tại Đan Mạch ngày nay đã có một Niệm Phật Đường, nhưng chưa có Thầy nào về trụ xứ. Niệm Phật Đường này nằm ngay tại Aarhus, thành phố lớn thứ nhì của Đan Mạch, sau Copenhagen. Sinh hoạt Phật sự tại đây vẫn đều hòa mỗi năm khi có lễ lớn như Phật Đản Vu Lan, Tết Nguyên Đán hoặc những ngày lễ vía nhỏ trong năm. Hằng tháng Niệm Phật Đường vẫn cử hành hai thời khóa lễ công phu, bài sám. Và mới đây, lần đầu tiên một lễ Phật Đản được tổ chức thật thành công viên mãn. Gần cả ngàn người tham dự không phải là chuyện dễ dàng tập trung của xứ hải đảo này. Hy vọng càng ngày cây bồ đề nơi miền Bắc sẽ được Phật tử vun xới, đừng để cái lạnh của đêm đông làm ảnh hưởng đến việc đâm chồi nảy lộc về sau.

Cũng ít ai ngờ được rằng vị Nữ Hoàng đang trị vì Đan Mạch là vợ của một người Pháp - mà ông này đã sinh trưởng tại Việt Nam? Trong những thời chinh chiến loạn ly đã có nhiều người đến Việt Nam lập nghiệp - rồi từ đó ra đi - ra đi như từ một ánh thái dương tỏa rạng khắp bốn phương trời. Có phải vì thế mà Nữ Hoàng có cảm tình với dân tộc Việt Nam chăng? - Đan Mạch là một xứ nhỏ nhưng đã thấu nhận khoảng hơn 5000 người tỵ nạn, và những nước lân cận đó cũng thế, như Na Uy, Thụy Điển đã có lắm nhiều người.

Mùa Phật Đản 2527 vừa qua tại thành phố Oslo đã tập trung hơn 1.000 người về lễ Phật, chiêm bái, nguyện cầu. Điều đó chứng tỏ rằng - người Việt Nam ta - nhất là người Phật tử - vẫn còn quan tâm đến tình người

và mối Đạo.

Tại Oslo chưa có Thầy - nhưng bên Giáo Hội Thiên Chúa Giáo đã có đến ba Linh Mục để lo về đời sống tinh thần cho tín hữu. Tôi đã ở lại với quý Linh Mục trong một nhà nghỉ mát trên đồi thông thật thơ mộng giống Đà Lạt của Việt Nam trong muôn thú. Nghe tiếng thông reo; nhìn người cùng chí hướng - di phụng sự cho nhân quần - tôi thấy mình như đang tham thiền giữa chánh điện của Chùa Viên Giác.

Ít thấy có một sự khác biệt nào giữa những người di phụng sự cho lý tưởng của mình - cho Chúa hay cho Phật tánh của chính mình cũng vậy.

Nhưng trong tương lai gần thì sẽ có Đức Thích Nhất Chơn từ Pháp qua trụ trì - một Niệm Phật Đường sẽ được thành lập ngay nay mai - một Ban Trị Sự Hội Phật Giáo đã được thành hình với rất nhiều người có đạo tâm và đạo niệm.

Thành phố Oslo chưa bằng thành phố Đà Nẵng nhưng núi đồi chông chát khá cao. Đi trước Hoàng Cung của vua nhưng tôi cứ ngỡ mình đang đi trong một công viên tại Đà Lạt hay phố Hội. Nơi vua ở chẳng có lính gác mà cũng không có người hầu, không có tướng cao mà chỉ toàn là rào thưa hay bố trống. Đó mới thật là tự do, dân chủ. Các xứ Bắc Âu theo chế độ xã hội chủ nghĩa nhưng tại sao họ có tự do? Trong khi đó Cộng Sản Việt Nam lúc nào cũng đi rao bán 2 chữ tự do mà chẳng có ai mua cả.

Đời sống của dân chúng ở đây khá cao so với các nước Pháp và Bỉ hoặc Áo; những người đi làm việc phải đóng thuế 50% cho nước và người thất nghiệp được hưởng trợ cấp gần 50%. Như thế ít có sự chênh lệch nào giữa làm và không làm. Nếu người dân không ý thức được trách nhiệm và bổn phận thì có lẽ họ đã ngồi nhà hết rồi cho thứ thái. Nhưng không - ở đây họ sống toàn bằng trách nhiệm và bổn phận, chỉ lạnh lùng chút ít thôi. Có lẽ họ bị ảnh hưởng bởi thiên nhiên và trời đất?

Từ Tây Đức ta có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như xe hơi, tàu thủy, tàu hỏa hoặc máy bay để đến Na Uy và Đan Mạch. Nếu đi từ Hannover đến Oslo bằng tàu hỏa - phải dùng mất 19 tiếng đồng hồ - nếu xe hơi có

thế còn lâu hơn thế nữa. Trong khi đó dù máy bay chỉ tốn có 2 tiếng đồng hồ; nhưng giá không cao hơn xe lửa là bao. Hoặc nếu ai đó có thì giờ thích ngao du sơn thủy thì hãy đến Kiel để xuống tàu, ngủ một đêm đến 10 giờ sáng hôm sau đã đến Oslo rồi.

Ngôn ngữ được dùng tại vùng Bắc Âu d'ó i với người ngoại quốc là tiếng Đức. Hoặc tốt hơn hết là tiếng Anh - đi đâu cũng thông dụng cả.

Nghe nói rằng tại Thụy Điển cũng có nhiều người Việt Nam; nhưng tiếc rằng tôi chưa có lần đặt chân đến. Hy vọng một ngày nào đó sẽ có cơ duyên - sau khi đi rồi, về đây sẽ viết cho quý độc giả bốn phương một chuyện Bắc du trông xa với thăm thẳm.

(Còn tiếp)

QUÊ-HƯƠNG

15 Rochdale Ave. Toronto
CANADA M6E 1W9, Ph. (416) 653 2094



Ngoài những sách dạy trẻ em học TIẾNG VIỆT còn xuất bản thêm những sách VĂN-HỌC của các Văn-hữu mới gửi từ Sài-gòn sang CANADA

Hiện đã có sẵn-sàng :

VAN VIET NGU	5 Mk	THO NOM YEN DO	10 Mk
TAP DOC MOT	5 -	V.N. THUONG THUC	10 -
TAP DOC HAI	5 -	CAI HAY TIENG VIET	5 -
CAU DO VUI	5 -	NGUYEN CONG TRU	5 -
THI CA CO DIEN 1	10 -	LUYEN TAP QUOC VAN	5 -
THI CA CO DIEN 2	10 -	CO TICH VIET NAM	10 -
THI CA TIEN CHIEN	10 -	TRUYEN KY VIET NAM	10 -
CUOI BANG THICH	5 -	HUONG HOA DAT NUOC	5 -
TUC NGU CA DAO	15 -	LIEU TRAI CHI DI	5 -

Sẽ phát-hành nay mai :

GAU THOAI CAU DOI	5 Mk	I TO VUI	5 Mk
TRAU GIOI VIET NGU	5 -	NGU VUNG BANG TRANH	5 -
CAU DO DAN GIAN	5 -	VIET SU BANG TRANH	5 -

Xin viết thư về lấy THƯ-MỤC chi-tiết

Chèque hoặc Money-order xin để tên Mr. BUI

(Fortsetzung Seite 37)

Er lachte und sagte dann: "Diese "Wissenschafter" werden nach dem Tode ihr blaues Wunder erleben - wenn sie sich als Geist neben ihrer eigenen Leiche stehen sehen, und danach ziellos und verzweifelt durch den Zwischenzustand d.h. zwischen Tod und neuer Geburt eilen. Übrigens befinde ich mich in diesem Zustand aber ich bin nicht verzweifelt, weil ich gewiss bin, dass nichts beständig ist, somit also auch nicht dieser Zustand".

"Haben Sie GOTT, Buddha, Jesus oder sonst eine grosse Persönlichkeit gesehen?"

"Nein, ich habe niemand gesehen, wahrscheinlich deshalb, weil es höhere Geister sind, denn der s.g. Gott ist auch nur Geist und was Buddha anbetrifft, hat er sicherlich das Nirvāna erreicht, darum ist er unerreichbar für Götter, Menschen und Geister".

"Wie sehen Sie Ihren Zwischenzustand, sehen Sie im allgemeinen diese Welt, Landschaft und Menschen?"

"Auch das im allgemeinen nicht, sondern ich sehe verschiedene Lichter in allen Farben, fast wie ein Regenbogen sie hat. Ich sehe auch grosse Feuer in rot gelb und grün; andere Feuer und Lichter sind schwächer, etwa wie Nebel oder Schaum".

"Und wie können Sie sich manifestieren, wie Gestalt annehmen?"

"Ehrlich gesagt weiss ich dies auch nicht genau, aber ich vermute, dass es durch meine konzentrierten Gedanken geschieht, denn was der Geist sich wünscht, geschieht oft, aber nicht immer".

Ich sah, dass die Figur des alten Mannes anfang zu verblassen und sich in Dunst aufzulösen. Er war verschwunden. Hoffentlich kam er wieder und leistete mir Gesellschaft.

(Fortsetzung folgt)



Nghiệp báo và Tịnh độ pháp môn

NGUYỄN VIỆT QUANG

Kính tặng anh chị Nguyễn Hào Nghĩa

Có người bảo rằng! "Xưa Đức Phật từ hăng hà sa số kiếp mới thành chánh quả. Còn tôi phước mong nghiệp đầy, làm sao chỉ từ một kiếp này mà được hóa sinh vào cõi Cực Lạc?" Hoặc có người thuở nhỏ tác oai, tác phúc, khi già yếu, ngâm ngùi than thở: "Nghiệp đầy đây, phải trả qua báo biết đời nào mới xong?" Nghĩ vậy rồi chỉ biết có buồn rầu, ai oán cho đến khi chết không nghĩ tới vấn đề dùng nghiệp hoặc chuyển nghiệp trong việc tu thân.

1) NHỮNG NGHIỆP LÀ GÌ?

Trong quyển "Chià Khóa Học Phật", Thượng Toa Thích Thanh Từ định nghĩa rất đơn giản những rất sáng sủa, khúc chiết như sau: "Nghiệp là hành động tạo tác của chúng sinh, xuất phát từ thân, miệng, ý, nói gọn là, tác động. Tác động do chúng sinh tạo ra rồi chi phối lại chúng sinh. Ví như chàng họa sĩ tưởng tượng vẽ hình một mỹ nữ; vẽ xong, ngắm xem những nét kiều diễm của mỹ nữ, chàng ta lại sinh ra yêu bức họa do chính tay mình vẽ. Cũng thế, chúng sinh do thân, miệng, ý tạo nghiệp, nghiệp lại lôi cuốn chúng sinh đi thọ quả báo, thọ báo lại tạo nghiệp, mãi mãi không cùng. Sự quanh quẩn xuống (vào ba ác đạo: qui, súc sinh, địa ngục) lên (các cõi trời, chúng qua thành) do động cơ nghiệp thúc đẩy gọi là luân hồi... Nói đến nghiệp là xác định quyền làm chủ của chính mình; mình, tạo rồi mình chịu, không do sự cớ thiên liêng nào tạo nên; cũng không do sự bắt buộc của tha nhân... Nghiệp có chi nghiệp lành và nghiệp dữ, nhưng cả hai đều còn cuốn hút kẻ thọ nghiệp trong vòng luân hồi."

Như thế, chúng ta căn cứ theo luật nhân quả thì nghiệp là cái nhân tạo tác sẽ đưa đến cái quả tương ứng. Lấy thí dụ cụ thể, chẳng hạn như khi ta ném trái banh vào tường thì trái banh dội lại; nếu ta ném banh mạnh thì nó dội lại mạnh. Hoặc giả ta có thể lấy theo một thí dụ về ngành quang học (optique) thì nếu ta chiếu một tia sáng lên mặt gương thì ta sẽ có một tia sáng phản xạ đối xứng với tia sáng chiếu. Có ba thứ nghiệp nhân xấu: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.

- Thân nghiệp: tức là hành động của thân thể như trộm cắp, giết hại, tà dâm.
- Khẩu nghiệp: qua những lời nói thô, nói ác, nói xấu tha nhân. Xa hơn nữa, là những lời nói gây ly gián, hiểu lầm qua hai chiều miệng lưỡi để cho những kẻ khác ghét bỏ nhau, cạnh tranh, chém giết nhau.
- Ý nghiệp: gồm trong tham lam, sân hận, ngu si. Trong các Kinh Phật, gọi là ba ngôi nhà lửa là tam độc...

Đối đãi với ba nghiệp nhân xấu, vẫn là ba nghiệp nhân tốt:

- Ở thân nghiệp thì gồm có làm phước, bố thí, cứu mạng, giúp đỡ kẻ khác. Ngoài ra còn giữ gìn tâm thân trong sạch, tách rời những cuộc vui xác thịt, và hồ sâu truy lạc.
- Ở khẩu nghiệp là nói những lời thanh tạo, lễ độ, hiền hậu và những điều lễ nghĩa giúp ích cho tha nhân đi vào chính đạo, hàn gắn và an ủi kẻ khổ đau.
- Ở ý nghiệp, là áp dụng tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả... cùng với sự tu tập trí huệ để đối trị với tham lam, sân hận, ngu si.

Gieo được ba nhân tốt, tức là chẳng những chuyển nghiệp xấu mà còn tạo cái quả tốt về sau. Về nghiệp quả, trên bình diện hiện hành tập khí chúng ta và chiểu cam nghiệp thúc chúng ta có hai thứ công nghiệp và biệt nghiệp.

- Công nghiệp: là nghiệp chung của một số chúng sinh cùng có một số tập khí chung

giống nhau trong tầng thức tử vô lượng kiếp, và đến khi cơ duyên chỉ mũi thì những tập khí chung tử hiện hành. Như chúng ta đây, được sinh vào loài người ở trên mặt địa cầu, tức là chúng ta đã có một số tập khí chung tử giống nhau, nên ở kiếp này chúng ta được cùng làm người, cùng có một hình thức giống nhau với năm giác quan, với bộ óc để phân đoán. Nhưng ở trên quả đất này đâu phải chỉ có một chủng sinh loài người, mà còn có những chủng sinh mà loài người thấy được chẳng hạn như thú vật, hoặc những chủng sinh khác thấy được chẳng hạn như ngựa quỳ, a tu la v.v... Vì nghiệp thức chiêu cảm có nhiều điểm tương đồng nên loài người và loài thú vật thấy nhau. Vì nghiệp thức chiêu cảm dị biệt nên loài người, a tu la, cùng ngựa quỳ không bao giờ thấy được nhau. Cả ba đều có một số công nghiệp và cơ duyên để chung sống trên mặt địa cầu, nhưng vì nghiệp thức chiêu cảm quả khác nhau nên không thấy nhau.

Ở đây thêm một chi tiết tế nhị, dù nhân loại và loài súc vật vẫn thấy nhau ở chỗ nghiệp thức chiêu cảm tương ứng, nhưng vì công nghiệp không đồng nên kẻ thì làm người, kẻ kia thì làm thú: Người có thể thấy loài kiến, nhưng kiến không thấy loài người vì người có nghiệp thức chiêu cảm nhẹ hơn. Lại nữa, không khí là môi sinh của loài người, nếu đem cá lên không khí thì cá sẽ chết ngạt; cũng thế, nếu ngược lại, ta đem loài người vào nước thì người cũng sẽ chết ngạt. Đi xa hơn, với loài người, nước dùng để uống, đem vào thân thêm một năng lực, một khả năng dinh dưỡng nào đó nhưng đối với loài ngựa quỳ thì đó là lừa. Một đồng phân, đối với loài người là vật phế thải gồm giếc nhưng đó là cả một quốc độ và một môi sinh của loài dòi bọ.

- Biệt nghiệp là nghiệp riêng từng cá thể chúng sinh. Người đẹp, kẻ xấu; người thông minh kẻ ngu si; người giàu, kẻ nghèo; người da đen, kẻ da trắng. Ở biệt nghiệp, thêm vấn đề hoàn cảnh tâm lý khác nhau đối với một số cá thể. Cùng một cái hoa, kẻ nhìn thì sanh ra vui mừng, người ngắm thì buồn bã. Đó là do hoàn cảnh riêng biệt do bên ngoài chi phối tâm lý chúng ta, mà hoàn cảnh riêng biệt của từng cá thể chẳng qua là nghiệp quả mà đương sự phải chấp nhận mà thôi.

Căn cứ trên bình diện thời gian, nghiệp quả còn chia hai thứ: hiện nghiệp và túc nghiệp. - Hiện nghiệp: tức là nghiệp trả trong kiếp này. Ở đời sống trong xã hội, pháp luật dựa trên diện một phần nào hiện nghiệp để trừng phạt kẻ có tội. Nhưng ở kiếp nhân sinh, hiện nghiệp không phải chỉ hiện thân ở pháp luật một cách đơn giản như thế. Có nhiều trường hợp, một kẻ gây tội ác, dù bị pháp luật trừng phạt rồi, nhưng vẫn trả thêm cái quả xấu do hành vi tạo tác của mình như bị đau ốm, bị người chung quanh hắt hủi, bị dúi thứ tai nạn. Trong quyển "Tứ Bi Đạo Tràng Sám Pháp" do Thánh Tăng Thích Bảo Trí dưới triều đại Lương Vũ Đế soạn ra, thì ở hiện nghiệp ta chưa trả đủ, thì sẽ trả ở địa ngục hoặc ở kiếp sau lại. Trả một số ít nghiệp ở kiếp hiện tại chỉ là trả họa báo. Trả quả báo là trả cho dứt nghiệp ở ngoài kiếp hiện tại như ở địa ngục và ở kiếp sau. Thói thường cái hoa là giai đoạn trung gian của sự sinh trưởng của cây, cái trái là giai đoạn rốt ráo của sự trưởng thành và bắt đầu cho sự tái sinh vì trong quả có hạt giống, mầm mống của chu kỳ sinh trưởng kế tiếp chu kỳ sinh trưởng đầu.

Một thí dụ điển hình về vụ án của cô nàng Violette Nozière vào năm 1933 tại tỉnh Neu-ny nước Pháp. Violette là cô gái hư hỏng, say mê anh chàng Jean Dabin, dùng thuốc độc để giết cha là Baptiste Nozière và mẹ như danh là Germaine Hézard để hưởng sốn gia tài. Ông cha chết, bà mẹ được cứu thoát. Bị thâm hận, Violette muốn chạy tội bao rằng mình kẻ cô ý giết mẹ, chỉ muốn giết cha vì ông này đã từng cưỡng dâm cô ta nhiều lần. Vụ án kéo dài tới 1935, Violette bị kết án tử hình vì tội giết cha mẹ còn thêm tội ma lý vụ cá o vong hồn người cha bạc phước. Song, Violette Nozière lại được mẹ tha thứ, và được ân giảm khinh lân đầu do Tổng Thống chế độ Cộng Hoà là Ông Albert Lebrun, lần thứ nhì vào năm 1942 do thông Chế kiêm Quốc Trưởng Pétain, ban sắc lệnh cho Violette chịu 12 năm khổ sai. Và vào năm 1945, khi được phóng thích, Violette Nozière còn được Đại Tướng De Gaulle cầm đầu chính phủ lâm thời ân xá cho cô khỏi phải án 20 năm biệt xứ.

Khi còn trong ngục thất, được mẹ xá tội, và được mẹ thăm viếng an ủi, Violette Nozière phục hồi dần dần nhân tính, biết hối hận nên đã làm tờ minh oan cho cha, cam chịu trả nợ

dời về tội giết cha mẹ qua công việc lao dịch nặng nhọc. Cô trở thành một nữ tù nhân giống mẫu, sùng đạo (đạo Thiên Chúa) và viết thư cho mẹ là sau khi được phóng thích sẽ vào tu viện.

Trong năm 1937, khi còn làm lao dịch ở Hagueneau, Violette Nozière được tin người mà mình yêu say đắm là Jean Dabin đã tử trận, hưởng dương 24 tuổi. Đó là kẻ đã từng rút rià tiên bạc mà Violette đánh cắp của cha mẹ, và khi bị thẩm vấn trước tòa không thêm ngó tới mặt tới cổ. Sau đó, vào năm 1942, Violette Nozière được chuyển qua ngục thất ở Renne và giúp việc cho ông thủ ký, biên chép và kế toán-greffier comptable-tên là Garnier. Tại đây sự tận tụy, hạnh kiểm tốt, thái độ đứng đắn của Violette đã chinh phục trái tim cậu con trai độc nhất của ông Garnier tên là Pierre Garnier, một mẫu người tốt bụng, vui vẻ, siêng năng. Họ cùng đính ước kết hôn với nhau trước sự bao dung và thông cảm của ông cha.

Ra tù, Violette kết hôn với Pierre Garnier, bỏ ý định đi tu vì không muốn làm phiền lòng mẹ. Cô ta nuôi dưỡng mẹ, quyết đem hết cuộc đời mình làm cho mẹ và chồng mình được hạnh phúc. Cuộc hôn nhân kéo dài gần 15 năm. Violette sinh cho ông 5 mặt con (một gái, bốn trai). Sau đó vào năm 1960, Pierre tử nạn xe cộ. Violette dù có bệnh ung thư xương cũng phải cố gắng làm việc để nuôi mẹ và con. Sự hy sinh tận tụy của cô thật phi thường cho tới ngày tử trận 20.11.1966. Y theo lời hứa với mẹ, lũ con cùng xúm xít âu yếm săn sóc bà ngoại cho tới khi bà mãn phần vào năm 1968.

Qua câu chuyện có thật kia, chúng ta có thể thấy cái họa báo của Violette Nozière ở 12 năm tù. Ngoài ra, niềm sùng đạo, sự thành tâm sấm hối đã đưa cho cô ta cuộc hôn nhân đẹp ý và năm đứa con hiếu thảo. Và do nhân lành kiếp trước, cô được một bà mẹ đã mở lòng trời biển yêu thương và tha thứ cô. Song cái họa báo đó vẫn chưa giúp cô dứt nghiệp xấu, bắt cô sau khi ra tù và lập gia đình phải lao lực đương đầu với máu sinh, với hoàn cảnh góa bụa, và với bệnh ung thư xương. Song chúng ta vẫn chưa biết khi chết đi, cô ta còn có cái quả báo gì nữa ở địa ngục và ở kiếp sau? Pháp luật do người thế gian thẩm định chắc gì thể hiện trọn vẹn được luật nhân quả?

- Túc nghiệp: tức là những nghiệp phải trả ở kiếp sau. Vấn đề ở đây khá phức tạp, vì nếu cơ duyên chưa tới, thì chưa hẳn ở cái kiếp kế tiếp kiếp đầu, ta phải trả hết quả báo, mà ta còn phải đợi nhiều kiếp nữa. Thời điểm trả nghiệp quả là thời điểm mà những chúng sinh nghiệp nhân trong tầng thức đã chín mùi tới lúc trào vỡ, hiện hành. Trong Kinh "Tứ Bi Thủy Sâm", ở phần dân nhập có nói tới Quốc Sư Ngô Đạt thời đại nhà Đường, ở kiếp vào thời đại Tây Hán là một quan lại tên Viên An đem pha, vu cáo để cho Triệu Thố bị chém ngang hông chợ Đông. Trải qua nhiều kiếp, vì Viên An tu hành tinh tấn nên oan hồn Triệu Thố không thể báo oán được. Đến kiếp Viên An làm Quốc Sư Ngô Đạt, một hôm giảng kinh cho vua và bá quan cùng hoàng hậu, cung phi nghe, sanh ra niềm kiêu căng vì được giới quý tộc dãi ngộ long trọng; lúc đó oan hồn Triệu Thố nhân niềm tà của Quốc Sư nên ứng hiện báo oán dưới hình thức mut ghe ở bập chân Quốc Sư. Mut ghe có hình mặt người, hành hạ Quốc Sư Ngô Đạt đau nhức, không thuốc nào trị nổi. Sau đó, với lòng thành, khẩn sấm hối bao tội ợ vô lương kiếp, Quốc Sư Ngô Đạt đến miền núi Cửu Lũng, tìm suối Giai Oan rửa lành mut ghe bánh thử nước suối tề lành và nhiệm mẫu kia, trong lúc bất tỉnh và đau nhức, Ngô Đạt mới gặp được oan gia từ nhiều kiếp trước là Triệu Thố hiện về trong cơn chiêm bao, vạch rõ sự báo oán và hứa giải oan nghiệp. Khi lành ghe, Quốc Sư Ngô Đạt thay vì về triều, lai cất một số n am dưới núi Cửu Lũng, tu hành lãnh tục và soạn ra bộ Tứ Bi Thủy Sâm Pháp truyền tụng tới bây giờ.

Văn sự "ghe mặt người" này đã được Thượng Toạ Nhất Hạnh "văn chương hóa" thành một truyện ngắn với văn phong trong sáng và đẹp tuyệt vời, nhan đề là "Tùng" trong cuốn tập truyện "Đuối" do Lá Bối xuất bản.

Ngành Thông Thiên Học và vài quyển sách thuộc các tôn giáo ngoại đạo cùng các nhà thời miên học ở Hoa Kỳ cũng bắt đầu đề cập tới việc luân hồi, tái sinh và nghiệp báo.

(còn tiếp)

OAN TÌNH THIẾU PHỤ NAM XƯƠNG

□ Phong Hùng

Thời Lê, tại huyện Nam Xương Bắc Việt, có đôi vợ chồng nghèo sống với đứa con. Vì nạn binh đao chồng đi xung quân, vợ ở nhà nuôi con. Đêm đêm ngồi đờn chiếc bên ngọn đèn chơi với trẻ, trẻ hỏi cha đâu, mẹ chỉ bóng trên tường bảo: "cha con đó!". Từ đó trẻ nhận bóng mẹ làm cha, chiếc bóng trên tường dần dần là hình ảnh cha đối với trẻ. Bà r ngày vắng cha, mẹ tạo tần tảo có dịp chơi đùa với trẻ, ban đêm bóng hiện về chơi với mẹ con, ấm cúng vô cùng. Năm tháng qua, trẻ lớn dần bên mẹ và bóng cha. Chính chiến tàn người lính cõi giặc buông cung về xum họp với gia đình. Thương vợ đã nhiều, nhớ con hơn thế nữa. Con đã lớn, anh lính ôm con mừng vô hạn. Đứa bé bắt ngờ không gọi anh là cha, bảo cha nó chỉ về chơi với mẹ nó ban đêm thôi. Chàng lính Trương Kính ngạc nhiên, giận dữ, ghen tuông, quát mắng, vânghi ngờ sự thuy chung của vợ. Vợ phân trần thế nào chồng cũng không nghe, phút giây uất tức đến cuồng trí, đâm đầu xuống sông tự trầm. Đêm đó, khi đèn vừa thấp lên, đứa trẻ c h i bóng mừng cha, hiểu ra muốn mang, chàng Trú lập đàn giải oan và đứng miếu thờ vợ bên bờ sông.

Ngày kia vua Lê Thánh Tông tình cờ đi ngang qua miếu, nghe chuyện, cảm hứng đề bài thơ đến nay còn truyền tụng. Bài thơ "Đề miếu vợ chàng Trương". Câu chuyện gia đình uân nầy qua nhiều thế kỷ, đã thành nếp. Người xưa nay thường trách chàng Trương và xót thương oan tình thiếu phụ. Oan hay ứng cho người thiếu phụ bạc mệnh? Oan thì hận ngắt đây trời, chồng dữ lập đàn dựng miếu cũng không làm sao giải oan được? Ứng thì tội cho chàng Trương vừa bị vợ bội bạc lại thêm đối chệ trách. Thái độ vua Lê Thánh Tông, qua bài thơ dung hoà, thương tâm hoàn cảnh gia đình chàng Trương, ngậm ngùi người bạc số:

*Nghi ngút đầu ghèn tóa khói hương.
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương...*

-Chuyện lỡ làng, vua khuyên giải:

*"Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ
Làn nước chỉ cho lụy đến nàng. (?) (!) (,) .*

-Câu thơ sau không hiểu vua ám chỉ ai, có phải vua trách chàng Trương nặng lời làm vợ phải lụy vì giếng nước? Hoặc giả, ý nói vô chàng hấp tấp mượn giếng nước kết liễu cuộc đời? Vua cũng có lời khuyên người, vẫn sợ, l ớ i khuyên của người cha trầm tĩnh biết s u y xét:

*Chứng quả có đôi vầng Nhật Nguyệt
Giải oan chi mượn tối dằng trăng (?) (!) (,)*

-Nếu lòng ngay, sáng tỏ đã có mặt trời ban ngày mặt trăng ban đêm làm chứng nhân, đất trời biết, sao nóng nãy tứ tiết?

Tình tiết khúc chiết hôm chàng Trương cãi và với vợ ngày trở về chỉ qua truyền khẩu. Cùng một câu chuyện, ý nghĩ, có thể đ ứ ờ c diễn tả bằng nhiều phương cách. Trẻ nói gì giọng điệu ra sao khiến cha giận dữ? Ngọn ngữ, thái độ, hành động chàng lúc giận mất khôn đó, năng nề, thô lỗ, tục tằn đến đ ờ nào? Phan ứng thiếu phụ Nam Xương ra sao, chua ngoa hay dịu dàng? Hàng xóm nghe câu chuyện thuật lại trung thực hay chú quan? Tình tiết quan trọng lúc đó chỉ đ ứ ờ c truy n khẩu đại khái. Vua Lê nghe qua thì biết vậy hay vậy, nên cũng không kết luận rõ rệt, vì không thấu rõ nhân tâm. Qua đây mới biết "nguồn cơn ấy". Nguồn cơn "ấy" là thế nào? tâu bệ hạ! Vua không trách thiếu phụ, vì dù oan hay ứng, cái chết cũng đủ đến rồi, chỉ trách nhẹ nhàng chàng Trương nặng nề không khéo trong trượng hợp nầy, "khả" trách chàng Trương "quá" phủ phàng.

Trong câu chuyện, ngoài vua Lê Thánh Tông và những người không biết tên thuật lại, có ba nhân vật chánh. Chàng Trương, vợ và đứa

con.Đứa bé lúc chàng đi xung quân khoảng lúc mới sinh, đến 2 tuổi, nên không biết cha là gì, là ai. Lúc, chàng trở về, đứa bé khoảng không quá 5 tuổi, vì 5 tuổi trẻ đã biết phân biệt bóng và người rồi. Con trẻ vô tội trong câu chuyện, dù ngây thơ vô tình làm đổ vỡ hạnh phúc cha mẹ mình. Bối cảnh lịch sử thời loạn lạc 10 năm (Bình Định Vương Lê Lợi chống quân nhà Minh) xã hội ỉn ằng nề nhò phong. Chuyện đàn bà ngoại tình (hỷ hữu) không được chấp thuận và bị trừng phạt nặng nề.

Về phận thiếu phụ Nam Xương cô hai gái à thuyết. Oan tình cho bà khi thú tiết ở chồng, nhọc nhằn nuôi con, chịu cô phòng đờn chiếc để khi chồng về vì sự hiểu lầm, mắng nhiếc, nghi ngờ, gán cho tội thất tiết. Hàng xóm đi nghị vì tiếng hư đồn, sống làm gì chợ nhục nhà, nên bà không chịu nổi sự phân uất không giải bày được, mượn giếng nước sông rửa sạch tiếng oan.

Nhưng còn không oan thì sao? Thời loạn lạc chồng đi xung quân biên biệt, bắt tin từ năm này sang năm khác, thời Lê chưa có Bưu điện dân gian. Chàng đi chinh chiến xa nhà như chàng đi giữa đường tên mũi đạn ở s a trưởng, cô lại chinh chiến kỳ nhân hồi, ai mà không biết. Thiếu phụ bình dân, quê mùa, ảnh hưởng nho giáo chỉ đến độ nào thôi .

Ngọn đèn leo lét, trẻ không phân biệt được bóng và người. Nếu quang minh như vầng nhật nguyệt sao không chói đêm về, thấp đèn lên thì hắc bạch tướng phân, chông hết nghiêng câu chuyện đầu kết thúc bi đát như vậy . Phải chăng thiếu phụ xấu hổ vì số lậ chuyên nên gieo mình xuống sông để êm nhem, như lời cụ Nguyễn Công Trứ: "Thức cùng chông sao nỡ dôi cùng con?". Khi còn hỏi về cha, sao không kê cho con là cha con đi lính xa, sau này sẽ trở về, lại đùa dôi với trẻ (sự đùa dôi duy nhút và câu chuyện cũng duy nhút từ xưa đến giờ).

Phận chàng Trưởng, xưa nay vẫn bị đối chế trách. Chàng xuất thân nghèo, ít học học ác không có học nên đi lính ở cấp bậc trưởng Trước trưởng hợp vừa kê, phản ứng tự nhiên là ghen tuông, tức tội. Thông thường ít ai phản ứng khác hơn nếu cùng hoàn cảnh. Vua Lê Thánh Tôn và người đối là khách bà ng quận, chàng Trưởng người trong cuộc không kiểm soát được cảm xúc và ngôn ngữ mình

nên gây ra có sự. Nhưng chàng trưởng không phải kẻ không biết điều, sau đó đã lập đàn giải oan và dựng miếu thờ vợ, nhân tội trước miệng người đời chứ không giấu diếm hoặc chối tội mình.

Cái bóng cha của trẻ là gì, là ai, của ai? Sự thật duy cô thiếu phụ Nam Xương biết, ngoài bà ra, không ai biết được ẩn tình gia đình bà. Ẩn tình oan hay ứng bà đã mang theo xuống giếng sông. Nước sông quá dơ rửa sạch oan hôn cho bà hay cũng chính là nước kia chôn giấu dùm bà sự xấu hổ vì thất tiết với chồng?

"Miếu vợ chàng Trưởng", chứng cho lòng hối hận và sự nhạo cười của chàng Trưởng. Thời cụ xem như tội về phận chông, oan phận ở để hướng khói miếu bên bờ sông huyện Nam Xương nghi ngút, cho đỡ ngọt ngọt cuộc đời

chúc mừng

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức thành thực chung vui cùng anh Tiến sĩ ĐÌNH NGỌC BÌNH và chị Duộc sĩ LÊ NGỌC ANH nhân ngày cưới - được trọn ở ở bên duyên chông vợ.



Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thù

(tiếp theo)

Sau khi anh thí nghiệm vết thương của cô vợ, và quả quyết rằng đây là cây thuốc quý có thể chữa bệnh cứu giúp mọi người. Vợ chồng anh đồng ý đặt tên cây được thảo là "cây da".

Từ đó, mọi người dân trong làng đều nhờ tay anh cứu họ thoát nguy những bệnh hoạn ngặt nghèo. Dân làng càng thương mến vợ chồng anh nông dân. Không bao lâu anh trở thành tay thấy thuốc nổi danh. Thấy mình được nhiều ân huệ do trời ban xuống nên anh rất tung tu quý trọng cây da. Ngày ngày tưới nước, bón phân nên cây càng thêm tươi tốt. Anh tự nghĩ mình đây là phúc báo do ta ăn ở hiền lương nhưng sách có câu: "Có phúc bất khả hưởng tận". Vì vậy mà anh càng tu nhân tích đức, ra tay chữa bệnh làm phúc đối với mọi người lòng chàng mưu cầu danh lợi. Tiếng tốt của anh càng ngày càng vang xa - dân cư đều biết.

Một hôm có người ở xóm trong bị bệnh nặng, người nhà bệnh nhân đến tìm anh khóc lóc xin chữa dùm. Anh khẩn gúi ra đi. Trước khi đi anh dặn cô vợ ở nhà nhớ lo chăm sóc tưới nước nhớ có xung quanh gốc cây. Anh nói: "Thôi, anh đi ngày mai về sớm. À! quên nữa mình nhớ đừng bao giờ đổ dõ nhớ tưới dưới gốc, cây sẽ chết". Cô vợ nhìn chồng cười đáp: "Mình yên tâm đừng lo, em sẽ làm như lời anh dặn". Nói xong anh quay gót ra đi.

Cô vợ ở nhà mãi mê dệt lụa nên quên mất những lời chồng dặn. Sáng sớm như thường lệ chỉ xách một gáo nước tưới cây. Vì ban tính hay lơ đãng của chị, sau khi tưới xong chị quên mất lời chồng dặn, bèn ngồi xuống phóng uể dưới gốc cây. Quả thật đúng như lời chồng chị nói, cây gặp dõ bần nên rụng mình bung gốc rời khỏi mặt đất. Hốt hoảng nhớ lại lời chồng nhưng đã muộn rồi. Chị cố lấy hết sức mình bin thân cây lại, nhưng không kịp. Cây v ỡ a bay khỏi mặt đất khoảng một gang tay thì chồng chị về tới. Vì quá thương tiếc cây quý nên anh chạy đến níu cây lại. Trời gió mỗi lúc càng mạnh, cây da theo đà gió v ỡn khỏi mặt đất mang cả anh nông phu bay về mặt trăng, mặc chớ cô vợ gào khóc dưới đất. Từ đó người ta gọi anh nông phu là chú cuội cây da. Chớ nên bây giờ mỗi khi trăng lên tròn chúng ta thấy hình dáng chú cuội ôm cây da nhìn xuống đất là vậy đó cháu a. Nhìn bà Thi ngây thơ hỏi: "Bà ơi! thế rồi chú cuội có chết không?" Bà vuốt tóc Thi và nói: "Chuyện đó Bà đâu có biết cháu a!" Thi còn thắc mắc nên hỏi lại bà: "Thế tại sao bà biết chuyện chú cuội mà kể cho cháu nghe vậy?" Bà nhìn Thi âu yếm nói: "Đó là bà nghe chuyện xưa người ta kể truyền khẩu như vậy chứ bà chẳng biết có thật hay không". Câu chuyện vừa dứt thì tiếng hát trẻ con từ trong xóm đi ra tay cầm chiếc lồng đèn xinh xắn và hát: "Ánh trăng sáng ngà có cây da to... có thàng cuội già ôm một mối mơ..." Bà hỏi Thi mang lồng đèn ra cùng đi ruốc trăng với chúng bạn. Bà đứng trông Thi cầm chiếc đèn tung tăng theo các bạn đến khuất ngon tre đầu làng. Miệng bà nhai trầu nhồm nhem, trông bà thật hiền... Thi không bao giờ quên được hình ảnh đó, dường như nó sống mãi trong ký ức cho đến bây giờ.

Đêm nay trăng thật sáng, như năm nào nhìn vầng trăng tròn Thi nhớ bà vô hạn trong thi thâm: "Trăng hỡi! trăng vẫn còn vẽ... Tại sao bà lại không vẽ với Thi!!!!..."

Đang hồi tưởng lại kỷ niệm xưa, bất giác Thi nghe tiếng Bích Thuyền gọi lanh lanh: "Thi ơi! vào lấy đèn sắp đến giờ hội rồi đó!" Nghe Thuyền gọi, Thi nhìn trăng một lần nữa... khe thợt dài rồi bước về sân chơi. Thuyền chạy đến, trong tay cầm hai chiếc lồng đèn cười nói: "Này giờ Thi đi đâu mất tiêu hà... làm Thuyền kiếm muộn chết!" Bây giờ trời đã tối hập, trong sân chơi tụ họp đông đủ các bạn oanh vũ, trên tay cầm chiếc lồng đèn xinh xắn. Thi Thuyền cũng vừa đến theo tiếng gọi của anh Lâm. Oanh vũ đứng thành vòng tròn

chung quanh chị Mỹ Liên hội đèn. Chị nhìn các oanh vũ cười nói: "Các em chia nhau xếp thành hàng đôi đi vòng sân và hát thật to nhé. Nào chúng ta bắt đầu: "Tết Trung thu em đốt đèn đi chơi... hai, một. Tiếng hát hòa theo nhịp đi thật đều của các em oanh vũ trong sân tiếp theo: "Em đốt đèn đi khắp phố phường... đèn ống sao với đèn cá chép, đèn thiên nga với đèn bướm bướm em đốt đèn..." Các em hát thật hồn nhiên vui tươi, trên tay cầm chiếc lồng đèn đủ màu đủ kiểu đi vòng quanh sân chơi trông thật dễ thương! Các anh chị huynh trưởng mới gia đình nhìn các em tung tăng mỉm cười sung sướng.

Sau cuộc rước đèn là phân văn nghệ tự do. Phân này vừa dứt các chị thanh thiếu nữ cùng oanh vũ ngồi lại ăn bánh trung thu thật vui vẻ. Với tay bóc miếng mít bí chị Cẩm Anh nói "Vừa ăn mít vừa kể chuyện vui chứ! Sao các em em ru hết trời vậy? Bộ các em mệt hó?" Chị vừa dứt lời cả bọn oanh vũ la nói: "Đâu có tụi em nào có mệt thôi bây giờ chị kể chuyện cô tích... hay chuyện đời xưa cho tụi em nghe đi". Trong nhóm oanh vũ bé thì đòi chuyện cô tích, em thì đời chuyện vui. Thấy các em dành nhau phân thắng bại um xum. Chị Cẩm Bình khoác tay giải hòa chị nói: "Suyt! các em chớ cãi nhau nữa chị kể cho các em nghe chuyện cô tích "Ở hiền gặp lành" nhé. Nghe lời chị nói các oanh vũ bảo nhau ngồi thật im lặng. Ăn miếng bánh, hộp miếng nước cho thâm giọng chị bắt đầu vào chuyện...

Ngày xưa... có hai vợ chồng lão tiêu phu rất nghèo nàn sống cảnh khu rừng trong chiếc lều nhỏ ọp ẹp. Vợ chồng lão sinh được hai cô con gái rất xinh đẹp đặt tên là Hòa và Thuận. Nhưng tiếc thay hai cô dù nhan sắc tuyệt vời mà lại phải chịu cảnh gù lưng. Hai chị em vẻ đẹp tương xứng như nhau nhưng tánh tình thì khác hẳn. Cô em thì thường cao có gấu tống hay gây gổ với chị mình. Ngược lại cô chị hiền lành, hòa nhã với mọi người dùng như tên của cô vậy. Tuy cả hai đều là con nhưng ông bà yêu thương Hòa hơn Thuận.

Cô chị là đứa con hiếu hạnh song toàn, kính trọng cha mẹ nhường nhịn em út gánh vác hết mọi việc trong nhà đỡ đần cho cha mẹ. Tuy vậy nhưng thỉnh thoảng nàng vẫn bị cha mẹ rầy la. Còn cô em dù mang tên Thuận nhưng chẳng thuận thảo tí nào luôn luôn dữ tợn kiêu căng hễ mớ miếng ra chị toàn những lời chanh chua chửi mắng mọi người nên trong xóm ai cũng ghét cô em mà yêu mến cô chị.

Một hôm, lão ông bị bệnh. Ông gọi hai cô con gái đến bên giường và bảo: "Hôm nay cha mệt lắm, chẳng vào rừng để nhặt củi được hai con hãy thay cha vào rừng nhặt củi về bán. Nhà ta chẳng còn hạt gạo nào cả!! Lao tiêu phu vừa dứt lời Thuận la to: "Con xinh đẹp thế này lại phải vào rừng nhặt củi ư?" Cô chị nhớ nhe nói: "Thưa cha, cha bệnh để em Thuận ở nhà san sóc nấu cháo cho cha. Con đi vào rừng một mình được không sao đâu. Nghe con gái lớn nói ông lão gật đầu bảo: "Thời được con giúp cha một hôm nhé.

Nói xong, Hòa một mình đẩy xe vào rừng. Đêm qua gió to làm gãy rất nhiều cành cây khô. Hòa mừng quá nàng mãi mê nhặt củi. Vừa nhặt cô vừa tưởng tượng ra nét mặt vui mừng của cha dù đã đẩy xe mà cô vẫn cố nhặt thêm hầu bán được nhiều tiền về mua gạo.

Trời xẩm tối, vì mải lo nhặt củi nên Hòa quên hẳn lối ra. Nàng đi mãi vào rừng sâu. Chợt cô thấy dáng xa canh con sông nhờ có ánh lửa lập loè. Đánh bạo cô đi lần về hướng có lửa. Đến nơi Hòa thấy có một ông già tóc bạc phơ tay mân mê những đồng tiền vàng óng ánh. Rồi ông cất tiếng cười man rợ làm vang động cả khu rừng. Hòa sợ quá vội nép mình vào một thân cây, nhưng vì hung thần đã nghe thấy tiếng động bèn quay lại đến bên gốc cây kẻo Hòa ra. Cô sợ hãi van xin tha tội. Hung thần ngửa mặt phỉn trời cười khoái chí. Cười xong hung thần nhìn Hòa và nói: "Được, ta sẽ tha và ban thưởng cho nhà ngươi mớ tiền vàng này nếu nàng hát cho ta nghe. Hòa mừng quá vội cất tiếng hát như giọng ca thiên phú nên cô hát thật hay, tiếng ca trong treo kia khi trầm khi bổng làm cho hung thần mê mẩn. Bài hát dứt ông lão thở dài ra về nuôi tiếc. Giữ lời hứa ông nhìn Hòa và nói: "Ta sẽ đưa nàng ra khỏi rừng và ban tặng số tiền vàng này về sinh nhai. Nhưng năm sau vào ngày này nàng phải trở lại đây hát cho ta nghe. Để làm tin ta giữ cục gù trên lưng nàng lại. Dứt lời ông hung thần đưa cô bé ra khỏi rừng, và cất cục gù vào túi. Ra khỏi rừng Hòa sung sướng đẩy

xe cũi với bọc tiền vàng. Trên đường về nhà cô thầm nghĩ chắc có lẽ song thân mình sẽ vui mừng lắm trong khi gia cảnh cơ bản mà mình thì được nhiều tiền vàng thế này. Hòa về đến nhà vợ chồng lão tiều thấy con mình hết tàn tật lại đem về rất nhiều tiền vàng và cũi. Cô bèn kể lại chuyện gặp vị hung thần kia cho cha mẹ và Thuận nghe. Sau khi nghe chị kể, năm sau đúng ngày hẹn Thuận xin cha mẹ vào rừng gặp vị hung thần đòi cục gỗ để được xinh đẹp như chị mình.

Thuận đi lạng thang trong rừng, lòng nàng mong chóng gặp được vị hung thần. Nhưng trời đã tối thăm thẳm vẫn chưa thấy bóng dáng lão hung thần. Nhưng khi trăng bắt đầu lên cô thấy ánh lửa lập lờ, lòng cô mừng thầm vội vã đi nhanh về hướng đó. Thấy Thuận lão hung thần tướng Hòa lão reo lên: "Á! đúng như lời hẹn người đến đây, hãy hát cho ta nghe rồi nhận lãnh thêm số tiền vàng này". Thuận cất tiếng hát giọng cô chua chát và ố ể ỉ ả ọ hung thần dấm ra bực tức chán nản ông lấy trong túi cục gỗ đặt lên lưng Thuận rồi đuổi cô ra khỏi rừng.

Đã không tiền vàng mà lại phải mang hai cục gỗ trên lưng Thuận buồn bã và hổ thẹn nên đi luôn không trở về nhà. Trở lại ông lão tiều phu cùng cô Hòa đợi mãi không thấy Thuận về. Sau đó họ dời nhà lên tỉnh tậu ruộng mua đất cất nhà mà sinh sống. Còn Hoà xinh đẹp hiền lành luôn sống bên cha mẹ và được mọi người kính mến thương yêu.

(Xem tiếp trang 68)

VIETNAM LADEN TÙNG HƯƠNG

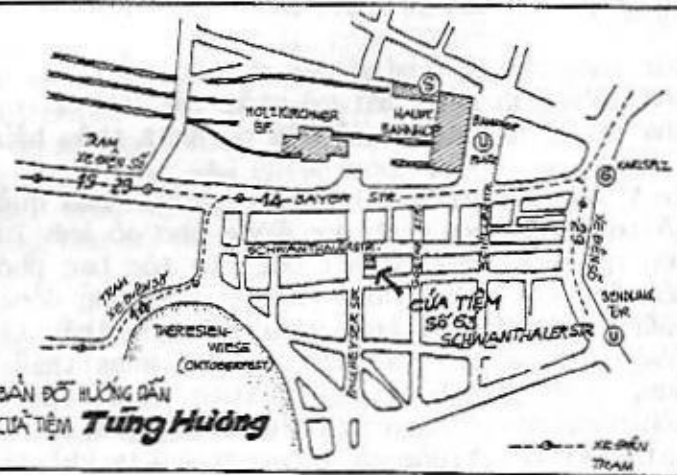


MÜNCHEN

Schwanthalerstr. 63 (Eingang Paul-Heyse Str.)
T. (089) 533298
THỰC PHẨM - SÁCH BÁO - BANG NHẠC

--- MỜI ĐÓN VỚI QUẢY TƯỜNG TÙNG HƯƠNG ---

- Dầy đủ các loại thực phẩm khô và đóng hộp
- Nhiều thứ rau tươi
- Đồ ăn điện, lẩu điện, quả hộp v.v...
- Đồ mỹ nghệ Á-Đông lớn nhỏ cho bạn bè Việt-Không và ngoại quốc
- Băng nhạc, tuyển tập nhạc
- Tủ sách gia đình, sách văn học, sách kỹ thuật, truyện tranh, kiến thức, tiểu thuyết v.v...
- Nhiều loại tỷ giá hối đoái (Đức-Việt, Việt-Đức, Anh, Nhật v.v...)



BẢN ĐỒ HƯỚNG DẪN
CỬA TIỆM **TÙNG HƯƠNG**

- Đi xe U-Bahn, U-Bahn xuống trạm Schwannthalerstr. (đi bộ chừng 3 phút tới tiệm).
- Đi xe điện số 14, 19, 29 và xe Bus số 50, xuống trạm Holzschreinerei Tannenberg (đi bộ chừng 3 phút tới tiệm).

HƯỚNG VỀ TU VIỆN

Kỷ niệm mùa Phật đản năm nay, ngoài lễ nghi truyền thống bày tỏ lòng tri ân đối với đức Phật, chúng ta còn phải phát khởi ý chí dũng mãnh để thực hiện những công tác cơ chiểu sáu trong sự nghiệp truyền bá Chánh pháp. "Ở đâu có người lưu tâm thiết lập, những phương tiện chính đáng để nêu cao giáo lý từ bi, trí tuệ và hùng lực, ở đấy có những người thương tâm niệm, tri ân đến Như lai." Huân thị của Phật.

Một trong những Phật sự có ảnh hưởng sâu rộng đến sự nghiệp truyền bá Chánh pháp mà Phật giáo Việt nam ở hải ngoại hơn tám năm qua chưa ai đảm trách, đó là việc thiết lập những tu viện Phật giáo. Việc thiết lập những tu viện Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng đến sự nghiệp truyền bá Chánh pháp, vì tu viện chính là nơi thích hợp nhất để trường dưỡng, nung đúc ý chí tu học cho giới xuất gia. Phật giáo Việt nam ở hải ngoại nên có một tu viện khởi đầu làm cơ sở nội hướng cho giới tăng, ni trẻ tuổi. Trừ một số rất ít các bậc tôn túc đức trọng, còn hầu hết giới tăng, ni trẻ tuổi thật khó vượt qua những chướng ngại trên đường tu học và hành đạo trong bối cảnh xã hội mới này.

Giới tăng, ni trẻ tuổi Việt nam ở Hoa kỳ và hải ngoại, tổng số có trên 200 vị, sống ở tản mác khắp nơi và rất ít có cơ hội để gặp nhau. Vị nào cũng quyết chí tu học và hết lòng lo việc đạo, đó là điều thật đáng mừng. Tuy nhiên, những điều đáng mừng ấy chắc chắn không được lâu dài, bền bỉ nếu tăng ni không có sự kết hợp, không có đường hướng sinh hoạt, không có ai chia sẻ những khó khăn, không có nơi chốn thanh tịnh để tu dưỡng và trở về. Hình ảnh của những tu viện và phận vụ của những tu viện phải làm cái công việc ấy. "Hỗ ly sơn hổ bại, tăng ly chúng tăng tàn" đó là câu nói đầy kinh nghiệm của các bậc thầy đi trước. Câu nói mà giới tăng, ni trẻ tuổi một phen suy nghĩ đến và xét lại thân phận, hoàn cảnh mình nước mắt tự dâng tuôn chảy.

Vào thượng tuần tháng tư 83 vừa qua, có trên năm mươi vị tăng, ni Việt nam đã quy tụ về trụ sở Tổng hội Phật giáo Việt nam tại Hoa kỳ ở Los Angeles trong hai ngày để nghe thầy Nhất Hạnh trao đổi những kinh nghiệm tu học và hoằng pháp hải ngoại. Trong dịp này, quý vị tăng ni đã cùng nhau thảo luận nghiêm chỉnh, chân thành về mục đích và sự quan trọng của việc thiết lập tu viện. Quý vị đều đồng quan điểm và xác định rằng, Phật giáo Việt nam ở hải ngoại hiện nay đã thiết lập gần đến 100 ngôi chùa để hướng dẫn đời sống tu học cho Phật tử tại gia, song chưa thiết lập được một tu viện nào để hướng dẫn đời sống tu học cho giới tăng ni trẻ tuổi và các vị sơ phát tâm xuất gia. Đó là một khuyết điểm lớn mà các cấp lãnh đạo Phật giáo, các giới cư sĩ tại gia không thể không quan tâm. Xây chùa cho nhiều mà không thiết lập tu viện để nuôi dưỡng, đào tạo các vị tăng ni lãnh đạo tinh thần tương lai của Phật giáo thì lấy ai để "giữ chùa" và hướng dẫn tinh thần cho Phật tử trong mai hậu. Một tu viện và nhiều tu viện Phật giáo cần phải được thành lập để củng cố đời sống nội tâm, hướng dẫn và nung đúc ý chí tu học cho giới tăng ni trẻ tuổi, cho các cấp lãnh đạo tương lai Phật giáo. Không khí thuần tịnh của tu viện sẽ là nơi thích ứng cho quý thầy, quý ni cô ở khắp nơi trở về an cư kiết hạ và trao đổi kinh nghiệm tu học, hoằng pháp trong hàng năm. Tu viện còn là nơi hướng dẫn các Phật tử tại gia; các bạn hữu ngoại quốc bước sâu vào lãnh vực tham thiền, thể nghiệm đời sống tâm linh, ngộ đạo. Thiết lập tu viện cho những mục đích như thế, không những chỉ giúp cho tinh thần Phật giáo Việt nam được lớn mạnh ở hải ngoại, mà còn làm cho sinh khí sống động và mạch suối tâm linh của đạo Phật được lan rộng, thâm sâu vào giòng sinh hoạt của người Tây phương.

Phật giáo Việt nam hiện nay ở quê nhà thật đen tối. Một số lớn tăng ni bị chính quyền Cộng sản ép buộc phải hoàn tục, các tu viện đào tạo tăng tài đều bị giải tán và đóng cửa. Vì vậy, những tu viện Phật giáo Việt nam ở hải ngoại cần phải được thiết lập để làm cái công việc mà Phật giáo Việt nam tại quê nhà không thể làm được. Sự phục hưng, phát triển và trường tồn của Phật giáo không thể có

nếu các cấp lãnh đạo Phật giáo không được đào tạo, các bậc chân tăng tài đức vắng bóng. Danh nghĩa chính đáng và phần vụ nòng cốt của những tu viện Phật giáo là đào tạo cán bộ ưu tú cho công cuộc phục hưng, phát triển và trường tồn của Phật giáo.

"Nói là phải làm liền" - lời của thầy Nhật Hạnh. Tất cả chư tăng, ni trong buổi họp mặt đông đủ tại Los Angeles đã đồng lòng phó thác trách nhiệm cho chúng tôi đứng ra thành lập Ban Vận động thiết lập tu viện. Biết công việc quá nặng nề và khó khăn, song vì uy lực TĂNG SAI nên chúng tôi phải nhận lãnh chức vụ Trưởng ban Vận động và điều hành thiết lập tu viện do quý vị giao phó. Bắt tay vào việc, chúng tôi đã trực tiếp mời quý thầy, quý ni có cơ nhiệt tâm, có khả năng chuyên môn vào Ban Vận động và Ban Điều hành thiết lập tu viện. Thể hiện tâm niệm đồng nhất và thiết tha thành lập tu viện, quý Thượng tọa, Đại đức tăng ni ngay trong buổi họp mặt đã đồng loạt ký số vàng cúng vào quỹ thiết lập tu viện. Chỉ trong vòng hai mươi phút, số ngân quỹ thiết lập tu viện đã lên tới trên hai chục ngàn Mỹ kim, một con số ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Điều đáng khích lệ hơn nữa, là sau hơn một tháng chúng tôi gửi văn thư phổ biến chương trình thiết lập tu viện, hầu hết chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni, quý chùa, quý hội Phật giáo, chư Phật tử xa gần đều hoan hỷ ủng hộ tài chánh vào quỹ thiết lập tu viện và triệt để tán thán, khuyến khích. Số ngân quỹ thiết lập tu viện tính từ đầu tháng 5/83 đã lên tới trên năm chục ngàn Mỹ kim. Chúng tôi tin tưởng rằng, số ngân quỹ thiết lập tu viện sẽ tiếp tục tăng thêm nhiều bởi hảo tâm đóng góp và sự tán trợ đặc biệt của quý vị tăng, ni và chư Phật tử khắp nơi.

Ngân quỹ xây cất tu viện - mua 60 mẫu đất và một căn nhà để sinh hoạt trong giai đoạn đầu, phí khoản từ 269 ngàn đến 300 ngàn Mỹ kim. Ban Vận động và Ban Điều hành thiết lập tu viện đang thiết kế kỹ lưỡng để thực hiện chương trình. Trong những văn thư tới chúng tôi sẽ tường trình chi tiết đến quý vị tướng lâm.

Nhân mùa kỷ niệm Phật đản năm nay, chúng tôi xin thay mặt Ban Vận động và Điều hành thiết lập tu viện, thành kính tri ân mọi sự đóng góp công đức thiết lập tu viện của quý vị. Chúng tôi cũng tha thiết kêu gọi quý vị tăng ni, quý chùa, quý hội Phật giáo và chư Phật tử xa gần hoan hỷ góp phần công đức vào chương trình thiết lập tu viện. Tất cả chúng ta đều Hướng Về Tu Viện. Hướng về tu viện là chúng ta đang thực hiện một công tác có chiều sâu cho sự nghiệp truyền bá Chánh pháp.

Để chương trình thiết lập tu viện chóng thành tựu mỹ mãn, chúng tôi kính mong quý vị hưởng ứng và hỗ trợ chúng tôi các điều sau đây :

- 1.- Cúng dường tài chánh góp phần công đức vào quỹ thiết lập tu viện.
- 2.- Tham gia vào Ban Bảo trợ tu viện và phát tâm cúng dường một số tiền nhất định từ một đến 50 Mỹ kim hàng tháng để trả tiền mượn ngân hàng.
- 3.- Cho chúng tôi mượn tài chánh từ một trăm Mỹ kim trở lên trong vòng hai năm không lấy lãi.
- 4.- Xin hoan hỷ cố động thân nhân, quý vị đồng hương, các bạn hữu cúng dường tài chánh vào quỹ lập tu viện.
- 5.- Cho in và phổ biến văn thư này đến các cộng đồng, quần chúng và bạn hữu địa phương.
- 6.- Ủng hộ triệt để những chương trình hướng thiết lập tu viện.

Kính cầu chúc quý vị một mùa Phật đản an lành trọn lành trong ánh hào quang vi diệu của chư Phật.



Nay kính,

Thích Tịnh-Tử
THÍCH TỊNH-TỬ

Bị chú: Tiền và chi phiếu cúng vào quỹ lập tu viện xin để : Rev. Thích Quảng-Chơn
243 Duboce Avenue, San Francisco, CA 94103.

Một câu chuyện nhân ngày Phật đản

□ Tâm Tri

TẠI SAO NGÀY PHẬT ĐẢN, ĐƯỢC CỬ HÀNH TRONG THẺ HÓN NGÀY PHẬT THÀNH ĐẠO ?

Nhận đọc một tờ báo Phật giáo phát hành tại Mỹ, tôi bỗng chú ý đến một tấm hình chụp buổi lễ ra mắt của một chi hội Phật giáo thành phố C. Trong hàng các vị được đặc cử vào ban Trị sự của chi hội, tôi bắt gặp một hình dáng và bộ mặt quen thuộc. Nhìn kỹ, tôi nhận ra anh T, trịnh trọng trong bộ áo trắng vẻ mặt nghiêm nghị, hai tay kính cẩn chắp thành đóa hoa sen trước ngực. Cảm giác đầu tiên của tôi là ngạc nhiên hết sức. Rồi tôi bỗng nhiên nổi lên một tràng cười khoái trá "A ra cái anh chàng này ngày nay đã trở thành một Phật tử, mà lại đặc cử vào ban Trị sự chi hội nữa chứ! Thì ra anh chàng đã tin rằng cái vị hải đồng, thân dưới khoác mốt tấm vải vàng, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, chân đứng trên đóa hoa sen, vị hải đồng ấy là Phật!" Nhớ lại câu nói cuối cùng của anh để kết thúc một buổi thảo luận hào hứng nhân ngày lễ Phật Đản, cách đây 10 năm, ở Huế: "Bao giờ tôi tin rằng vị hải đồng này là vị Phật, thì tôi mới vào Phật giáo, mặc dầu tôi rất hâm mộ đạo Phật!" Rồi câu chuyện năm ấy sống lại trong ký ức tôi... Hôm ấy là đêm Rằm tháng tư. Ai đã từng ở Huế, tất đã có nhiều dịp chứng kiến quang cảnh đêm Rằm Phật Đản ở thành phố cổ kính, có thể nói là "thuần đạo" ấy. Tất cả các con đường từ lớn đến nhỏ ngõ ngách, đều treo đèn kết hoa, chưng cờ năm sắc, trông rực rỡ như một hội hoa đăng. Có nơi bày bàn thờ Phật trên lễ đường; có nơi dựng lên những đài cao với những giấy hoa điện chập chới, trên đài dựng oai nghiêm một hình Phật hải đồng tạc to lớn. Mùi trầm hương tỏa ra trên khắp các nẻo đường. Trên các dòng sông Đông Ba, An Cựu, Hương Giang, từng đám hoa sen giấy, sáng ánh đèn sập, trôi bập bênh chiếu sáng mặt nước đen ngòm. Tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng kinh vang lên từ mỗi căn nhà trong thành phố.

Sau một ngày cùng nhau đi viếng các chùa lớn, Tứ-Dâm, Linh Mục, Diệu-Đe, lễ Phật, nghe thuyết pháp, thọ trai, anh T. và tôi về nhà

tôi, ngồi trên bao lớn nhìn hoa đèn trôi nổi trên dòng sông Đông Ba, uống chén trà nóng và đàm đạo với nhau. Anh T. lúc bấy giờ là một Cử nhân Toán học, đang theo học ban Cao học để trình luận án Tiến sĩ. Nâng chén trà lên môi, anh T. trầm ngâm nói: "Lễ Phật Đản ở đây thật là quá sức long trọng, không tưởng tượng nổi! Sáng hôm nay, trên con đường lên Chùa Tứ-Dâm, bọn mình chen chân không lọt với hàng hàng lớp lớp người, xe, tấp nập. Thật là "ngựa xe như nước, áo quần như nêm". Một lát yên lặng, như đang hồi tưởng đến cảnh tượng ấy, anh tiếp: "Thú thật với anh, tôi không hiểu vì sao người ta cử hành lễ Phật Đản to lớn, trang nghiêm như vậy, trong lúc lễ Thành Đạo thì hầu như chỉ cử hành sơ sài trong các chùa thôi. Theo tôi, thì ngày Thành Đạo mới là ngày lễ lớn nhất trong đạo Phật. Ngày ấy, là ngày đức Phật tìm thấy Đạo, là ngày Ngài mới chính thức thành Phật! Chứ cái vị Hải đồng kia, - anh trở vào tượng Phật hải đồng trên bàn thờ nhà tôi - chỉ là vị Thái tử tên là Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn thôi. Cũng như trăm nghìn ông hoàng tử khác. Rồi cũng lấy vợ, sinh con. Tóm lại, cũng là một con người như anh với tôi. Đặc biệt hơn chúng ta, là vị vua Hoàng tử kia sớm giác ngộ được nỗi khổ của sinh, lão, bệnh, tử, của kiếp sống con người, và đem tư bỏ hết ngai vàng, điện ngọc, châu báu ngọc ngà, vợ đẹp con khôn, để dẫn thân vào một cuộc đời khổ sở, đói rách, đi khắp núi cao rừng thẳm, tìm đạo cứu đời. Tu khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hột gạo hay một hạt mè, để đến nỗi đói lả, năm thối thóp sắp chết trên bờ sông Ni Liên. Nếu không có hai cô chặn bôn Nan Đà và Bà La, đi ngang qua đó, dâng sữa cho Ngài dùng, thì ông Hoàng tử ấy đã chết mất rồi, còn ai về sau biết Đạo Phật là gì nữa? Chết lúc ấy, thì ngài có là Phật không?

Chỉ lúc ngài đổi lối tu hành, từ bỏ cách tu ép xác, ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây Bồ đề, từ từ thể rằng: "Dưới cội cây này, nếu không đắc đạo quyết không đứng dậy". Suốt đêm, Ngài lần lần

ngộ đước mọi nguyên lý uyên thâm của đạo cứu đời, đến lúc sao mai mọc, tự nhiên trí giác mở mang, như hoa sen gặp ánh sáng, bừng nở, và vào giờ phút đó, Ngài mới giác ngộ thành Phật.

Rồi sau đó, Ngài đi chu du hoằng đạo trên 49 năm không hề mệt mỏi. Vậy, theo tôi, trong đời Ngài có hai sự kiện đáng ghi nhớ, và đáng kỷ niệm, tôn thờ: ngày Thành Đạo, và cụ thể truyền Pháp, giáo hóa chúng sinh, kể từ thức bằng ngày Nhập diệt. Sao không cử hành lễ hai thời điểm linh thiêng ấy trong thế hôn ngày ông hoàng tứ Tất Đạt Đa sinh ra?

Tôi cười, đáp: "Vậy theo anh, ông hoàng tứ Tất Đạt Đa và Bốn sứ Thích Ca Mâu Ni, là một người hay là hai người khác nhau?"

- Một, mà hai. Một bên là người, một bên là Phật.

- Nhưng người ấy, chính người ấy, đã thành Phật. Vậy là hai mà một. Anh nghĩ lại mà xem. Không có ông hoàng tứ Tất Đạt Đa, thì không bao giờ có Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Trăm ngàn vạn ông Hoàng Tứ khác đâu có ai thành Phật?

- Chính thế! Đó là một trường hợp hy hữu, có một không hai trong lịch sử nhân loại từ cổ chí kim. Tuy nhiên, tôi vẫn thấy ngộ. Là người, mà Phật là Phật. Đồng ý là ngày đản sinh của Hoàng Tứ Tất Đạt Đa là một ngày trọng hậu, vì cái hy hữu ấy. Nhưng ngày Thành Đạo theo tôi, vẫn quan trọng hơn, ngày mà một con người đã thành Phật, con người độc nhất thành Phật.

- Nhưng vị Hoàng Tứ ấy đã là Phật rồi, thành Phật từ bao kiếp trước. Rồi tôi đem kinh sách ra, "thuyết" cho anh một hồi: Việc đản sinh của một Bạc Như Lai, thực ra không phải là một sự đản sinh bình thường của thế gian, mà chỉ là một sự Thị hiện Ứng thân để thành tựu một đại sứ nhân duyên ở nhân thế: đem đến cho loài người đạo thoát khổ, cái khổ sinh, lão, bệnh, tử, mở ra cho con người một con đường đạt đến chốn-tâm-diệu-minh, tức là Đại Bát Niết Bàn. Tất cả mọi sự kiện trong đời nhân thế của Ngài, sự thọ sinh trong cung vua Tịnh Phạn, sự xuất gia tìm đạo, sự thành Chánh giác, chuyên pháp luận trong 49 năm, sự nhập diệt... tất cả đều là những sự thị hiện để giáo hóa chúng sinh. Đó đều chỉ là những phương tiện thiện xảo để độ sanh.

- Anh nói đến sự thị hiện như dùng một danh từ quen thuộc, như tôi nói đi ăn, đi ngủ. Anh tưởng không cần giải thích, ai ai

cũng hiểu danh từ ấy. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu Thị hiện là gì? Làm sao mà thị hiện? - Nghĩa của hai chữ Thị hiện sẽ rõ ở đây. Là hiện ra trước mắt, trước con mắt của mọi người. Phạm phu như chúng ta làm sao thấy được cái Pháp thân thường trụ của Chư Như Lai? Các Ngài đã đạt đến vô sắc, vô tướng, nhưng chỉ cần khởi một tâm niệm vô ngã thôi, là lập tức có một cột quang minh nổi dậy, là các Ngài hiện hiện thành sắc tướng ngay.

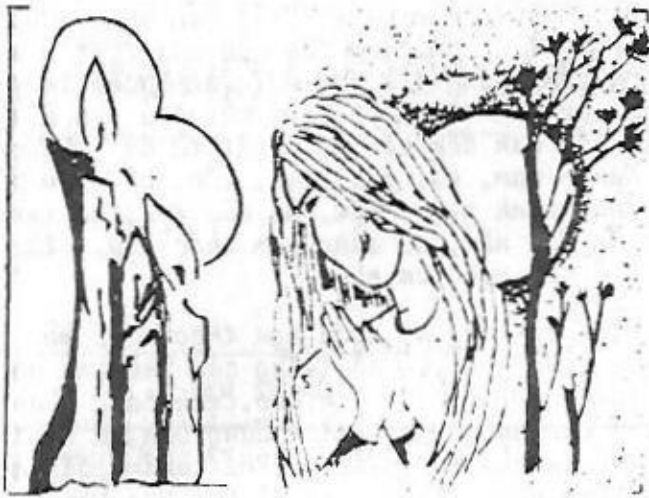
Hoặc hiện hiện thành sắc tướng Chân thân Phật, hoặc thân Thập bảo trang nghiêm, để giáo hóa các vị Bồ Tát trên các tầng Trời. Ở đời nhân thế, thì Thị hiện ứng thân và hóa thân với muôn vạn hình thái. Anh đã đọc kinh Phổ Môn, đoạn nói về sự thị hiện Hóa thân của Vi Đại Bồ Tát Quan Thế Âm, dưới hình thái Phật, Vua, Quan, Bà la môn, Tể quan, Thân Kim Cang v.v... để cứu độ chúng sinh, anh chắc là ngạc nhiên lắm! Chư Như Lai, vì lòng Đại Từ Bi bình đẳng, có thể hiện hiện mọi thân tướng, mọi cảnh giới để độ sanh.

Về sự đản sinh của Ngài dưới hình thái một vị Hoàng Tử trong cung vua Tịnh Phạn Kinh Hoa Nghiêm đã mô tả rất rõ ràng. Tuy thai sanh mà chính thực là Hóa sanh, chính thực là Vô sanh. Mẹ Ngài, bà Ma-gia, chữ ấy có nghĩa là huyền. Kinh nói bà Maya là một Đại Bồ Tát đã phát nguyện xin mang thai Phật. Ngài đã là Phật ngay trong bào thai mẹ rồi. Chứ đâu phải chờ đến ngày ngời tinh tọa dưới gốc cây Bồ Đề bên bờ sông Ni-Liên, mới là Phật?

Ngày Ngài xuất thế, có nhiều điềm lành báo trước, có tiếng nhạc trời, có hoa trời rơi xuống. Rồi sự tiên tri của Đức A Tư Đà (Asita): Hoàng Tứ, sẽ thành một vị Vi nhân, cao quý nhất của nhân loại"...

- Biết rồi, nói mãi. Nhưng, tôi xin hỏi anh: Ngài đã là Phật ngay trong bụng mẹ, thì cần gì phải lao khổ đi tìm đạo nữa? Đức Chúa Jesus có học với ai đâu, mà vừa lớn lên, đã đi "thuyết pháp"? Tôi cũng không nghe ông Lão Tử hay ông Không Tử học với ai hết, thế mà cũng đưa ra Đạo Lão, Đạo Không giá trị cũng cao siêu lắm. Nhưng hệ thống các đạo ấy, đều do trong tư duy các vị ấy mà phát sinh ra. Hoàng Tứ Tất Đạt Đa, nếu là Phật ngay trong thai mẹ, thì khi biết nói, đã có thể dạy đời được rồi!

- Tôi đã bảo, các sự kiện đản sinh, đi tìm



Tâm niệm của một Phật tử nhân dự lễ Phật đản 2527 năm tại Hannover

KARLSRUHE, ngày 15 tháng 5 năm 1983

Nam-Mô Bốn Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính thưa Đại Đức,

Trước hết Phật tử xin nói lên lời của thâm tâm cảm tạ Đại Đức cùng Ban Tổ chức và các sinh viên với đồng bào Phật tử đã đồng góp tô' chúc Khóa Lễ Phật Đản 2527 tại Chùa Viên Giác. Âu cũng là duyên của Phật tử Việt Nam khắp nơi tại Tây Đức được sự may mắn đó. Và hình như trời cũng tula, vì thời tiết thuận lợi và lúc cử hành chính thức Đại Lễ Phật Đản sáng chủ nhật thì ánh nắng vàng tử phùng Đông đã rọi sáng chính điện, đông nghet, khô' hường nghi ngút.

Cả ngàn người đến dự mà Ban Tổ chức đã sắp xếp được chỗ ăn nằm, các phần cơm chay đã được mọi người thưởng thức - cả lúc ra về, vì Ban Trại soạn đã có nhĩ ý gửi tặng thêm phần cơm để' thọ trai trên đường về, bao nhiêu việc đó đã hoàn tất, không phải là dễ (1).

Tuy nhiên phần tinh thần và tín ngưỡng vẫn là quan trọng nhất. Dời mái chùa, mặc dù đã thành vách đôn, số, quang cảnh bàn thờ Phật trang nghiêm, đèn nhang, nghi ngút, đã sưởi ấm tâm hồn Phật tử ở nơi đất khách quê người. Đối với một số Phật tử đã qui y hoặc trước kia ở Việt Nam đã thường xuyên đi chùa lễ Phật, trở lại dưới mái chùa để' dự một lễ trong thế' chẳng khác nào trở lại với nơi chôn nhau cắt rún, vì lễ quê hương là nơi bắt đầu đời sống thế' chất, còn mái chùa là nơi bắt đầu đời sống tinh thần, và đầu đầu cũng là đất Phật.

Những buổi thuyết pháp hai ngày 6 và 7 tháng 5 cùng với phim lễ Phật Đản 2526 tại Pháp, và buổi lễ cầu an đã chuẩn bị tinh thần Phật tử và cũng nhắc nhở mọi người có mặt tưởng nhớ đến những đồng bào, vì kềm may mắn, mà hiện nay không có phùng tiện, hoặc khô' được phép cử hành lễ.

Đại lễ Phật Đản 2527 đã cử hành sáng chủ nhật 8 tháng 5. Chiêng trống bát Nhã hùng hồn Hai hàng Phật tử đứng hai bên, im lặng, kính cẩn chấp tay, cũng như toàn thế' đồng bào đứng chật gian phùng chính điện, mọi người đôn chào 12 vị Tăng Ni, kể cả ba vị Tây Tạng Sư hiện diện của ba vị này - lúc sau cô tụng kinh bằng tiếng Tây Tạng - cùng với sự gõ' cổ mắt của một người Đức, đại diện cho Chí Bộ Phật Giáo Đức tại Hannover - đã nói lên tinh chất quốc tế của Đạo Phật. Nay người Phật tử Việt Nam đã rải rác khắp nam châu và nơi nào cũng đã thành lập chùa, chiền hoặc niệm Phật đòng. Đó là một điều đáng mừng nhưng cũng vẫn chỉ là những bước đầu của một phân nhỏ dân tộc Việt Nam, một nước còn rất nghèo và kềm mở mang, so với các quốc gia trên thế' giới.

Phật tử đã chú trọng dự lễ cũng như đã lắng tai nghe Thượng Toạ Thích Minh Tâm và Đại Đức thuyết giảng, Phật tử liền tưởng đến các buổi thuyết pháp và lễ Phật Đản khi xưa, ở chùa Lối xóm và chùa Ân Quang bên nhà, và cùng một lúc, cảm thấy tâm hồn vừa tê t á i vừa chứa chan hy vọng. Ba ngày rông rã Phật tử có cảm tưởng trở lại với quê hương. Trong khung cảnh Chùa Viên Giác, tại Jugendzentrum, tại rạp hát thành phố, mỗi nơi đều p h ấ t phối cỡ Phật Giáo, ban ngày, buổi sáng, buổi tối, và cả ban đêm, con mắt Phật tử đã được nhìn cả ngàn bộ mặt Việt Nam, với đầu tóc Việt Nam - nam, nữ, già, trẻ, lớn, bé v à thuộc mọi thành phần xã hội, lúc đốt nhang, lúc tụng kinh niệm Phật, lúc quỳ lạy, lúc xin s ấ m, lúc cười, lúc nói, lúc đi lại chuyện trò, lúc ăn, lúc nằm, lúc sáng sớm thức dậy, lúc tối dọn dẹp chỗ ngủ, lúc đánh bóng bàn, lúc vỗ tay nghe ca nhạc.

Ba ngày rông rã với bao nhiêu âm thanh Việt Nam, giọng Tăng Ni ngân nga theo nhịp mõ, tiếng Phật tử tụng kinh đồng loạt, tiếng hát, giọng cười nói, kể cả tiếng các trẻ em nô đùa và tiếng em bé dầm ba tháng khóc oe-oe, và thêm vào đó các sách, báo, lịch, băng nhạc Việt Nam, băng thu âm, các môn chạy, quà bánh, và các người phụ trách đứng bán là Việt Nam, bao nhiêu điều, đập vào mắt rớt vào tai, đã tạo ra như một giấc mơ. Phải chăng đây là trong chùa Ân Quang, hay đến Đức Thánh Trần, Lăng Ông, hoặc tại rạp xi-nê Rex, Đại Nam, rạp hát cải lương Quốc Phong, Thanh Bình, hoặc đang đi dạo khu Nguyễn Huệ Lê Lợi?

Một giấc mộng đẹp, nhưng ngắn ngủi. Vì thực tế chỉ có một số người Việt Nam tị nạn, trong một khung cảnh hẹp, nơi đất khách quê người, xa cách quê mẹ ngàn trùng.

Nhưng nghĩ lại. Đây đâu chỉ là một phần nhỏ của dân tộc Việt Nam nhưng đã không quản ngại dấn trường (có người đi trên 700 km) đã họp nhau dưới một mái chùa, nhân dịp Lễ Phật Đản, để sống chung những giờ phút đ ầ m tĩnh chất Việt Nam về tín ngưỡng, văn h ó a phong tục, những tinh chất mà mọi người vẫn giữ trong lòng như một bảo vật.

Và hôm chủ nhật, lúc lên đường, ngoảnh lại nhìn cỡ Phật Giáo phát phối trên mái Chùa, Phật tử thấy lưu luyến, luyến tiếc những giờ phút thần tiên. Phật tử có cảm tưởng ngọn lửa hy vọng đang bốc sáng.

Nam-Mô Bồ Đ ầ n Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Xin kính chào Đại Đức

- (1) Một khô khăn nhỏ là di chuyển trong thành phố Hannover, làm đã mất ít nhiều thời giờ tìm đường đến chùa rồi từ chùa đi đến Jugendzentrum hoặc từ Jugendzentrum đến rạp hát. May sao, thay vì một bản chỉ dẫn, đã có vài đồng bào đứng ra dẫn đường, nên sau đi đến nơi rất mau chóng. Phật tử chợt nghĩ: trong một việc rất thường - tìm đường tại một thành phố mới lạ - còn phải có người chỉ dẫn, thì trên con đường Giác Ngộ s ấ i chỉ dẫn của Chư Tăng diu dắt Phật tử cần thiết và quý báu dường bao.

(tiếp theo trang 62)

Câu chuyện đến đây đã chấm dứt. Chị Cẩm Anh nói tiếp: "Các em thấy, đó kết quả sự hiền lành của Hòa đã mang lại cho cô nhiều hạnh phúc còn cô em thì phải chịu quá bão ch ấ ng lạnh đó tính tình của cô không đem đến cho Thuận những hạnh phúc như chị cô. Các oanh vũ nói: "Chị kể chuyện hay quá làm chúng em "mê tít" hà. Chị Cẩm Anh ơi! Chắc chị c ò n nhiều chuyện hay lắm hà? Hôm nào chị rảnh kể cho tụi em nghe nữa nhá!

Đêm đã khuya, trời lộng lộng gió, vài hạt mưa bắt đầu rơi lả t á. Chị Cẩm Anh nói: "Thôi chúng ta giải tán các em nhé, mưa đã nặng hạt rồi đó! Các em nên vào trong kéo bệnh bấy giờ. Chị Anh vừa dứt lời thì chị Mỹ Liên chạy ra và nói: "Thôi đêm đã khuya các em nên giải tán đi ngủ rồi mai sinh hoạt tiếp". Nghe chị Mỹ Liên nói các oanh vũ đành phải làm theo lời chị nhưng cả bọn đều tiếc hùi hụi. Sánh vai Thuyên đi vào trong Như Hương nói "Câu chuyện chị Cẩm Anh kể ban này hay quá Thuyên nhi!!!

(Còn tiếp)

Trang Giáo lý GDPT Bạc Chánh Thiện

LỊCH SỬ NGÀI LIỄU QUAN

I. NGUYỄN QUÁN:

Ngài Liễu Quán họ Lê, húy Thiệt, Diêu, quê ở làng Bạc Mã, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên (Sông Cầu bây giờ). Ngài mồ côi mẹ lúc sáu tuổi. Thân sinh Ngài cho xuất gia, đến đầu sư với Ngài Tế Viên Hoà Thượng, người Trung Hoa.

II. SỰ NGHIỆP TU HÀNH:

Đầu sư được 7 năm, Ngài Tế Viên Hoà Thượng viên tịch. Ngài phải ra Thuận Hóa tham học với Ngài Giác Phong lão tổ (cũng người Tàu) ở chùa Báo Quốc. Một năm sau (năm Tân Mùi 1691). Ngài phải trở về cố hương phụng dưỡng cha già, để kiếm cách sinh nhai, Ngài phải tạm đi kiếm củi. Bốn năm qua phụ thân Ngài tạ thế (năm Ất Hợi 1695), Ngài lại trở ra Thuận Hóa thọ Sa Di giới với Ngài Thạch Liêm Hòa Thượng, năm Đinh Sửu 1697, Ngài lại thọ Cụ Túc giới với Ngài Từ Lâm Lão Hòa Thượng, cũng người Tàu.

Đến năm Kỷ Mão (1699) Ngài đi tham lễ khắp thuyền lâm, để bồi bổ cho sự tu hành. Qua năm Nhâm Ngọ (1702) Ngài đến Long Sơn cầu thọ pháp tham thiền với Ngài Tứ Dung Hòa Thượng (Tổ khai sơn chùa Từ Đàm Huế).

Về phần hóa đạo Ngài rất tinh tấn không nề khổ nhọc. Liên tiếp mấy năm Kỷ Sửu (1733) Giáp Dần (1734) và Ất Mão (1735) Ngài chịu lời thỉnh cầu của các Ngài trong Sơn Môn cùng các bậc tế quan cư sĩ ở Huế, dự bốn lễ lớn về Đại giới đàn. Qua năm Canh Thân 1740 Ngài tấn đàn Long Hoa truyền giới, rồi từ đó Ngài trở về núi Thiên Thai, dựng thảo am ẩn nấu tu hành, nay tức là chùa Thiền Tôn.

Lúc bấy giờ chúa Nguyễn Minh Vương rất mến trọng đạo đức Ngài, thường mời Ngài vào cung đàm đạo.

Năm Nhâm Tuất (1742) về mùa xuân, Ngài lại dự giới đàn ở chùa Viên Thông. Cuối mùa thu năm ấy, Ngài thọ bệnh; khi sắp lâm chung, Ngài gọi môn đồ lại dạy rằng: "Nhân duyên đã hết, ta sắp chết đây". Khi thấy môn đồ khóc, Ngài dạy rằng: "Các người khóc làm gì? Các đức Phật ra đời còn nhập Niết Bàn, ta nay đi đến rõ ràng về tất cả chỗ, các người không nên khóc và đừng nên buồn thảm". Kế đó Ngài viết bài kệ tử biệt rằng:

*Thất thập dư niên thế giới trung.
Không không sắc sắc diệt dung thông.
Kim triều nguyện mãn hoàn gia lý:
Hà tất bồn man vẫn tổ tông.*

Dịch:

*Ngoài bảy mươi năm trong thế giới
Không không sắc sắc thầy dung thông,
Ngày nay nguyện mãn về nơi cũ.
Nào phải ân cần hối tổ tông.*

Viết bài kệ xong, Ngài bảo môn đồ rằng: "Sau khi ta đi, các người phải nghỉ cơn vô thường nhanh chóng, cần phải siêng năng tu học, các người hãy cố gắng tới, chớ bỏ quên lời ta".

Đến ngày 22 tháng 11 giữa mùa đông năm Nhâm Tuất, buổi mai vào giờ mùi, Ngài dùng nước trà xong vui vẻ từ biệt môn đồ, tiêu điều thoát hóa.

Vua Minh Vương được tin, liền ban thụy hiệu là ĐẠO HẠNH THỤY "CHÁNH GIÁC VIÊN NGỘ HOÀ THƯỢNG".

Ngài là đời thứ 35 dòng Lâm Tế chánh tông khai sơn chùa Thiên Thai Thiền-tôn Huế. Tháp Ngài hiện nay dựng bên một triền núi về phía đông nam ngôi chùa. Trước cửa tháp có đề mấy chữ "Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương Đại ý nói: "Tuy Ngài đã viên tịch, nhưng đạo đức Ngài vẫn còn vang dội, cũng như hoa ưu u đã tàn kia, tuy đã rã cánh nhưng hương trình

bất diệt vẫn ngào ngạt bốn phương trời". Hai bên cửa có hai câu đối "Bảo đạtrường minh, bất đoạn môn tiên lưu lục thủy; Pháp thân độc lộ, y nhiên toa lý khân thanh sơn". Tạm dịch: "Tiếng mõ vang lừng, trước n g ô không ngừng giống suối biếc. Pháp thân với với, quanh tòa cao ngút dãy non xanh". Và ngay trước mặt tháp có đề ba chữ "Vô lượng quang". Ngõai tháp này về mỹ thuật kiến trúc đứng bực nhất đối với các ngôi tháp khác ở Thừa Thiên, về phần hùng vĩ, cũng chỉ ếm phần ứ thắng.

III. ANH HƯỚNG ĐẠO ĐỨC:

Ngài Liễu Quán là một vị danh đức tu hành cõ công, khai hóa hơn hết. Nhờ Ngài ngày nay anh hướng phái Lâm Tế lan rộng từ Trung đến miền Nam nước Việt, và trở thành m ô t nhánh lớn gọi là Liễu Quán. Ngõai ảnh hưởng truyền giáo, Ngài còn là một vị danh Tăng Việt-Nam được đặc truyền tổ đạo trước hết ở Việt-Nam.

Hiện nay phái Liễu Quán do Ngài lập ra và vẫn truyền thừa theo thứ tự bài kệ dưới đây:

"Thiệt tễ đại đạo, tánh hải thanh trũng, tâm nguyên quảng nhuần, Đức Bốn Tử phong, giới đỉnh phước huệ, thể dụng viên thông, vỉnh siêu trí quả, mật khê thành công. Truyền trì diệu lý, diễn xướng chánh tông, hạnh giải tướng ứng, giác ngộ chân không".

Theo tuần tự bài kệ trên đây, con c h á u giống đời Lâm Tế hiện nay vào đến chữ Tâm và chữ Nguyên. Còn chữ Thanh thì đã hiêm cõ, vì những bậc thuộc về chữ ấy, phần nhiều đã quá vắng, hoặc đã lớn tuổi. (Còn tiếp)

(Tiếp theo trang 66)

học đạo, tư mình tìm ra đạo, rồi chuyên pháp luân, rồi nhập Niết bàn, đều là những sự thì hiện để giáo hóa chúng sanh. Bài học m à Ngài muốn đưa ra trước nhất, là một con ng bằ ng da bằ ng thịt cũng rất cõ thể thành Phật; bài học thứ nhì, là muốn đặc Đạo, phải cần lao khổ, phải biết tư bỏ mọi phú quý, vinh hoa, tiền tài, danh vọng, tình ái... xa thân mà cầu đạo, nghĩa là phải tinh tấn tu hành, không phút thõi đọa. Phải kiên trì, cương quyết chống lại mọi sự quyến rũ của Ma vương, các thú ma phiến não, ma ngũ âm, v.v....

Bài học ấy theo tôi, cũng như mọi người, còn quý giá hơn là sự vừa biết nói đã biết thuyết pháp, như anh vừa nói. Anh nên nhớ là giáo lý của Ngài, không phải chỉ ở tr o ng các khê kinh, các lời dạy của Ngài, mà chính là ở trong bản thân, tư cách, và cuộc đ ờ i của Ngài. Đó mới là thứ giáo lý cao q u ý nhất, và hữu hiệu nhất. Không hiểu được điều đó, thì các kinh sách chỉ là chữ nghĩa xuống mà thôi. Cái hạnh của ông Thầy, c õ n quý hơn các bài ông giảng ở lớp học. Anh dạy các học sinh bao đứ ng hút thuốc, uống rượu, cái hại của thuốc và rượu, mà chính anh hút thuốc như ống khói tàu hỏa, uống rượu tị tì, đánh bạc thả đàng, thì bao nhiêu lời giảng hay ho của anh chỉ gặp đứ c n ụ cưỡi chõ nhao của học sinh anh thôi.

Và lại, trong một đêm tịnh tọa, mà ngộ được chân lý, thì đó không phải là dấu hiệu của một căn cơ siêu trí, dấu hiệu của Phật rồi ư?

Anh T. ngồi yên lặng, trầm ngâm nhìn đèn hoa trôi trên mặt nước dòng sông Đông Ba, soi sáng các đám bèo bập bềnh, .. thả hồn theo tiếng chuông Chùa Diệu Đế, bên kia sông. Hồi lâu, anh lầm nhảm như nói cho chỉ mình nghe: "Người là người, Phật là Phật. Nếu ngộ, là Phật, thì Phật còn gì linh thiêng nữa! A là A, B là B; anh là anh, tôi là tôi. N ẽ u anh là tôi, tôi là anh, thì còn đâu tôi v à anh nữa? Ngày nào tôi tịn chắc Tất-Đạt-Đ a là Phật, ngày ấy tôi sẽ quy y đầ u P h ậ t ngay!"

Tôi cười, nói: "Anh học toán, khi nào anh tìm ra cái phương trình A vừa là A, vừa là B, vừa không phải là A là B, phương t r i n h "nhất tấc nhất thiết, nhất thiết tấc nhất" của nhà Phật, là anh sẽ thấy Phật ở trong hình hài cậu bé này. Trong lúc chờ đợi, anh hãy cứ xem ngày lễ Phật-Đan là ngày L ẽ Thành Đạo đi, cõ gì khác đâu".

Câu chuyện chấm dứt ở đó. Mười năm qua, nghe anh đã là Phật tử, cõ chân trong ban Trị sự một hội Phật giáo ở Mỹ, tôi không khỏi thích thú trọng lòng. Và chắc a n h cũng đã đầ u Tấn sĩ Toán học rồi. Đại đằ ng khoa liền với tiêu đằ ng khoa, Chắc cõ một cơ duyên nạo đó khiến anh khởi đứ c chằ ng tịn. Tôi phải biên thư hỏi anh mới đứ c . Lòng Tịn không thể do Trí và Toán học mà đặ đứ c, phải không anh T.?

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

□ Mì căn rô ti nước cam vàng

A. VẬT LIỆU: 500 g. mì căn non
1 cây boirô
2 quả cam tươi
2 muỗng canh nước tương ngon

Gia vị : Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dầu ăn.

B. CÁCH LÀM: Bắt một nồi nước khoảng 1 lít sôi. Mì căn chia từng cục bằng nắm tay lăn tròn. Nước sôi cho vào luộc độ 20 - 30 phút. Khi mì căn chín vớt ra, vắt nước thật ráo, khứa đều hai mặt. Boirô băm nhuyễn trộn chung với nước tương, gia vị vừa ăn, xong xát vào từng miếng mì căn cho đều hai mặt. Đậy lại một chút cho bột nêm thấm vào mì căn. Cam vắt nước để sẵn.

Cho dầu vào chảo, đợi nóng gấp từng miếng mì căn đã ướp chiên vàng mềm hai mặt. Xong ra đĩa, chiên như vậy cho đến hết chỗ mì căn còn lại. Lấy bột dầu ra chứa 1 a i độ 5 - 6 muỗng canh, cho boirô vào khuấy vàng, kể đến nước ướp mì căn còn lại thặng hơi sên sệt và cho các miếng mì căn vừa chiên sơ ban nãy vào rim lại. Nước cam vắt rưới đều một ít lên mặt, mì căn lăn qua, trở lại cho hai mặt thấm đều. Nhớ là nước cam để vừa theo số lượng mì căn, lựa cam ngọt và đừng để nhiều quá mì căn sẽ chua mất ngon.

Salat, dưa leo, cà chua lót dưới đĩa. Mì căn xát miếng xéo xéo để lên salat, nước rôti và dầu còn lại trong chảo múc rưới lên mặt mì căn cho đều. Có thể xát ít lát ớt và vài cọng ngò để trên mặt cho đẹp nếu thích.



□ Súp măng tây

A. VẬT LIỆU: 100 g. bắp cải
1 củ su hào
2 củ cà rốt
1 củ cải trắng
1 cọng boirô
1 hộp măng tây
10 tai nấm đông cô, 10g. bún tàu
200 g. chả lụa
1 lá tàu hủ ky
1/2 miếng tàu hủ chiên
2 muỗng bột mì tinh
1 lít nước lèo, 200g. nước măng

Gia vị : Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dầu, ngò.

B. CÁCH LÀM: Bắt một nồi nước sôi 1 lít, cho bắp cải, su hào, cà rốt, củ cải trắng vào nấu nhừ. Xong lược qua một cái song khác để riêng.

Tàu hủ, chiên vàng, nấm đông cô ngâm mềm, cà rốt xát nhuyễn để riêng mỗi thứ. Tàu hủ ky chiên vàng bóp nhỏ, bún tàu cắt khúc chiên phồng. Măng cắt dài độ 3 cm nếu cọng lớn chế làm đôi. Nước lèo, nước măng nấu sôi nêm sơ đường, muối, bột ngọt. Bột mì tinh quậy với nước lạnh đổ từ từ vào và quậy thật đều tay, tránh khỏi bị đóng cục, để lửa riu riu.

Boirô xát nhuyễn, khuấy vàng với dầu xong cho tàu hủ, cà rốt vào xào chung gia vị cho thấm, nấm đông cô xào xong múc ra để riêng bún tàu và tàu hủ ky để lại.

Khi nước lèo sôi cho tất cả các thứ đã xào ban nãy vào chung và nêm lại cho vừa ăn. Đến khi gần ăn cho nấm đông cô và tàu hủ ky bóp nhuyễn, kể đến bún tàu. Xong múc ra chén để lên mặt một nhúm chả lụa xát nhuyễn ít cọng ngò và tiêu.

(Kỳ tới "Bún chả giò")

Tin tức

• Ngày 23 tháng 4 năm 1983 thể theo lời mời của Trung Tâm Độc Lập tại Stuttgart-Đại Đức Thích Như Điền-chỉ bộ trưởng Chỉ Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức đã đến Trung Tâm để làm lễ và thuyết pháp cho đồng bào. Khoảng 150 đồng bào đã tham dự lễ này. Hôm ấy nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương nên Đại Diện của Trung Tâm cũng đã có vài lời đến với đồng bào nhân ngày giỗ tổ.

• Từ 29-30/4 và 1/5/83 Hội Phật Giáo Tây Tạng đã mượn chùa Viên Giác để thuyết pháp, ngồi thiền v.v... cho Phật Tử Tây Tạng và Phật Tử Đức. Khóa giáo lý này quy tụ khoảng 30 vị học giả, trí thức và những tín đồ thuần thành.

• Từ ngày 6-8/4/83 tại Hannover Chỉ Bộ Phật Giáo và Hội Phật Tử tại Tây Đức đã tổ chức Đại Lễ Phật Đản 2527 - Kính mừng Đức Phật Đản Sinh - đã quy tụ khoảng hơn 1.600 người tham dự. Người về dự lễ từ khắp mọi nơi trên nước Đức. Ngoài ra quý Phật Tử từ Đan Mạch, Hòa Lan, Bỉ, Thụy Sĩ và Pháp cũng đã về tham dự.

Đêm văn nghệ đã làm cho mọi người saysưa với vở tuồng cải lương "Tiếng Hạc Trong Trăng" được tổ chức đầu tiên tại xứ Đức, do các nghệ sĩ tài danh tại Paris quy tụ diễn xuất.

Đại Lễ Phật Đản chính thức được cử hành vào ngày 8/5/83 dưới sự chủ lễ của Thượng Toạ Thích Minh Tâm đến từ Paris cùng tất cả quý vị Lama Tây Tạng và chư Đại Đức Tăng Ni Việt Nam trong Chỉ Bộ Phật Giáo-Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Ba hồi chuông trống Bát Nhã rền vang, lễ cúng thỉnh Chu Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni đang làm buổi diên đã diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm, thanh tịnh. Từ chánh điện ra phòng khách, nhà tổ, thư viện văn phòng, ngoài sân chùa v.v... đâu đâu cũng đông nghẹt cả người. Tất cả đều thành kính hướng về sự giảng thể độ sanh của Đức Phật.

Buổi Đại Lễ được thành công viên mãn nhờ sự tổ chức khéo léo của tất cả các

anh chị em trong Ban Tổ Chức và sự hợp tác chặt chẽ, có kỷ luật của đồng bào.

• Ngày 14/5/83 tại Đan Mạch - Hội Phật Giáo Việt Nam Aarhus cũng đã cử hành Lễ Đản Sinh của Đức Phật, khoảng 800 người đã tham dự Đại Lễ. Trong chương trình văn nghệ cúng dường có các nghệ sĩ Phạm Duy, Julie Quang và Chí Tâm đến trình diễn. Bên phía lãnh đạo tinh thần có Đại Đức Thích Tánh Thiết trụ trì chùa Thiên Minh tại Lyon-Pháp và Đại Đức Thích Như Điền đến từ Đức, tham dự và chứng minh Đại Lễ.

• Ngày 21 tháng 4 năm 83 tại Na-Uy - một nước nằm về cực bắc của quả địa cầu - đã cử hành Đại Lễ Phật Đản lần thứ 2527 năm một cách vô cùng trọng thể tại thủ đô Oslo, khoảng hơn 1.000 người về tham dự.

Nghi lễ Phật Đản Việt Nam được cử hành chung với Phật Giáo Tây Tạng và các Hội Phật Giáo Na Uy, Tiểu Thừa Phật Giáo. Các Hội Phật Giáo này cũng đã có những diên từ nhân ngày Đại Lễ.

Chứng minh và tham dự Đại Lễ Phật Đản tại Na Uy có Thượng Toạ Thích Minh Tâm, Đại Đức Thích Nhứt Chơn đến từ Pháp và Đại Đức Thích Như Điền đến từ Đức.

Ngày hôm sau họp Ban Chấp Hành và Hội chính thức cúng thỉnh Đại Đức Thích Nhứt Chân từ Pháp sang trụ trì vĩnh viễn tại Na Uy-Oslo. Tương lai Phật Giáo ở đây sẽ rạng ngời dưới sự hướng dẫn của Đại Đức Thích Nhứt Chân và sự trợ lực của chính quyền Na Uy.

Hai nghệ sĩ Phạm Duy và Julie Quang cũng đã công hiến đồng bào tại đây những bài nhạc ca và những khúc hát tình tự quy tụ hương trong phần văn nghệ, đã được mọi người nhiệt liệt tán thưởng.

• Ngày 28 tháng 4 năm 83 Đại Đức Thích Như Điền hướng dẫn một phái đoàn Phật Tử hơn 40 người sang hành hương tại Paris và lưu lại đây 7 ngày.

Ngày hôm sau tham dự Đại Lễ Phật Đản ở chùa Khánh Anh tổ chức. Ni cô Thích Nữ Diệu Ân, Ni cô Thích Nữ Minh Loan cũng đã đến tham dự lễ.

Chương trình văn nghệ cúng dường Phật Đản do Gia đình Phật Tử Quảng Đức đảm trách

cùng sự góp sức của các nghệ sĩ tài danh tại Paris, khoảng gần 2.500 người tham gia Đại Lễ này.

- Ngày 22 tháng 4 năm 83 tại Rottershau - sen Chư Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại Nam và Trung Đức đã vận tập về nơi trụ xứ của Đại Đức Thích Minh Phú để cử hành Lễ Đản Sanh của Đức Phật. Nơi này trong tương lai gần sẽ biến thành Niệm Phật Đường Khánh-Hòa, khoảng gần 100 Phật Tử khắp nơi về cúng dường, lễ bái, nguyện cầu.

- Tại trại tỵ nạn Reutlingen thuộc Tiểu Bang Baden-Württemberg, các đầu không có Thầy nào hướng dẫn nhưng một số Đạo Hữu và Phật Tử đã vận tập về trại để cử hành Lễ Đản Sanh lần thứ 2527 năm của Đức Phật vào ngày 8.5. vừa qua. Hy vọng trong tương lai gần các chi hội Phật Tử địa phương khi đã lớn mạnh cũng có thể cử hành như thế, để những vị nào không có cơ duyên về chùa, cũng có thể lễ bái nguyện cầu.

- Ngày 4 tháng 6 năm 83 Đại Lễ Phật Đản được cử hành tại Lyon dưới sự chủ lễ của Thượng Toạ Thích Minh Tâm, Đại Đức Thích Tánh Thiệt, Đại Đức Thích Như Điện, Ni Cô Thích Nữ Diệu An cùng Chư Đại Đức Tăng Ni khác. Sau phần nghi lễ cúng dường có phần văn nghệ giúp vui do Chí Tâm, Hương Lan, Phạm Duy, Julie Quang, Gia Đình Phật Tử Quang Đức, Gia Đình Phật Tử Thiên Minh đồng góp, khoảng hơn 1.000 Phật Tử tham dự lễ này.

- Ngày 11 tháng 6 năm 83 tại Bordeaux - Ban Đại Diện Hội Phật Tử tổ chức một buổi lễ cúng dường cầu nguyện nhân ngày Đản Sanh của Đức Phật. Chư Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni tại Paris và tại Đức đều hiện diện để chứng minh buổi lễ. Sau phần nghi lễ có trình cách truyền thông, là phần văn nghệ giúp vui của các nghệ sĩ tài danh đến từ Paris, khoảng hơn 700 người tham dự Đại Lễ này. Hôm ấy cũng là ngày ra mắt chính thức Ban Trị Sự Hội Phật Giáo Việt Nam tại Bordeaux. Trong tương lai gần sẽ có Thầy về trụ xứ.

Sau khi từ Pháp về, Đại Đức Thích Như Điện cùng với Thượng Toạ Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Thiện Huệ ghé sang Hòa Lan vùng Horn vào ngày 13 và 14 tháng 6 năm 1983, để làm lễ, gặp gỡ và thành lập Ban Đại Diện tạm thời Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hòa Lan.

Trong tương lai gần sẽ có một Thầy đến đây để hướng dẫn Phật Tử và một Niệm Phật Đường cũng có thể thành lập sau đó. Buổi lễ Vu Lan sẽ được tổ chức ngày 13.8.83.

- Những tin tức thuộc về tháng 7 trở đi chúng tôi xin loan báo trước để đồng bào Phật Tử tiện bề xếp đặt về chùa tham dự các lễ được nêu dưới đây.

- Để giúp đỡ người tỵ nạn Việt Nam là quen với ngôn ngữ Đức - Hội Phật Giáo Đức tại Hannover đứng ra đảm nhiệm việc tiếp xúc, huấn luyện cách nói chuyện, đặt câu đố, văn phạm cho đồng bào mỗi tháng một lần vào chiều chủ nhật thứ nhất bắt đầu từ lúc 15 giờ đến 17 giờ. Buổi học đầu tiên bắt đầu lúc 15 giờ ngày 3 tháng 7 năm 83. Sau đó là 7 tháng 8 - 4 tháng 9 - 2 tháng 10 - 6 tháng 11 và 4 tháng 12 năm 1983. Mong quý vị tham gia đông đủ.

Những ngày trên đây là những ngày lễ Phật hàng tháng ở chùa. Quý vị có thể đến Chùa lúc 11 giờ sáng để dự lễ, sau đó thọ trai và buổi chiều tham dự khóa Đức ngữ. Bất cứ Nam, phụ, lão, ấu cũng đều có thể tham gia.

- Ngày 9 và 10 tháng 7 năm 83 sẽ là ngày lễ định kỳ 3 tháng 1 lần của đồng bào Phật Tử tại Norddeich. Vây kính mong những Phật Tử vùng gần đó, về tại trung tâm tỵ nạn ở Norddeich để chung lễ cầu nguyện.

- Để tạo duyên lành cho những Phật Tử có nhân duyên với Đạo pháp, chùa Viên Giác tại Hannover dự định tổ chức một ngày một đêm Thọ Bát Quan Trai vào chiều 16 (15 giờ) đến chiều 17 (15 giờ) tháng 7 năm 83 để tân tu đạo nghiệp. Thọ Bát Quan Trai gồm có ngồi thiền, văn đạo, nghe giảng kinh, thuyết pháp, thọ trai, học tập nghi lễ đọc sách v.v... suốt trong 24 tiếng đồng hồ để học hạnh của người xuất gia một ngày một đêm. Vị nào muốn tham gia xin thông báo về chùa để biết thêm chi tiết.

- Ngày 23 tháng 7 năm 83 sẽ có buổi lễ Phật định kỳ 2 tháng 1 lần cho đồng bào Phật Tử Việt Nam vùng Hamburg tại chùa Phật Giáo Đức. Kính mời đồng bào tham dự đông đủ để tiếng nói của Phật Giáo càng ngày càng được lớn mạnh hơn.

- Ngày 28, 29 và 30 tháng 7 tức 19, 20 và 21 tháng 6 âm lịch, lễ An vị Phật Niệm Phật

Đường Khánh Hòa do Đại Đức Thích Minh Phú
trụ trì tại Rottershausen sẽ được cử hành
một cách trọng thể dưới sự chứng minh của
Thượng Toạ Thích Minh Tâm và Đại Đức
Thích Như Điển. Mọi sự liên lạc và hycung
xin gửi về địa chỉ:

Niệm Phật Đường Khánh Hòa
Đại Đức Thích Minh Phú
Waldsiedlung 12 - 8735 Rottershausen
Tel. 09738/1259

Chương trình chi tiết sẽ được Đại Đức
Thích Minh Phú gửi đến đồng bào Phật Tử
vào đầu tháng 7 năm 83. Nhân dịp lễ An vị
Phật Niệm Phật Đường Khánh Hòa cũng sẽ cử
hành Đại Lễ Vu Lan báo hiếu. Mặc dầu hơi
sớm một chút, nhưng không thể tổ chức lễ
lớn gần, nhau được. Mong Quý Đạo Hữu và
Phật Tử xa gần liêu ngộ cho.

• Ngày 19, 20 và 21 tháng 8 năm 83 tức 11
12 và 13 tháng 7 âm lịch tại chùa Viên
Giác Hannover sẽ cử hành Đại Lễ Vu Lan
báo hiếu. Chương trình chi tiết cũng đã
được đăng tải trong trang bìa của tờ báo
này. Tuy nhiên khoảng cuối tháng 7, đầu tháng
8 sẽ có thư mới đến quý vị. Mong quý vị
về tham gia đồng đủ.

• Một Đại Giới Đàn truyền giới Tỳ Kheo,
Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni
Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Bồ Tát tại gia và xuất
gia sẽ được cử hành trọng thể trong những
ngày 2, 3 và 4 tháng 9 năm 83 tại Los An-
geles-California-Hoa Kỳ do Thượng Toạ
Thích Đức Niệm tổ chức. Một số quý vị
Thượng Toạ Đại Đức Tăng tại Âu Châu sẽ
Quang lâm giới đàn để làm tôn chứng và hộ
giới.

• Đại Đức Thích Pháp Châu trụ trì chùa
Phật Giáo Việt Nam tại Santa Ana-CA- Hoa
Kỳ vừa ra một thông bạch kêu gọi đồng bào
Phật Tử khắp nơi hưởng ứng chương trình
xây cất một ngôi chùa thức thu cho vùng
này. Mọi sự hỷ cúng, xin liên lạc về:

Đại Đức Thích Pháp Châu-Chùa Phật Giáo Việt Nam
2028 West MC Fadden Ave. Santa Ana, Cali -
fornia - 92704 USA. Tel. 714-979-3576

• Đại Đức Thích Bảo Lạc trụ trì chùa Pháp
Bảo tại Sydney Úc cũng kêu gọi đồng bào
Phật Tử khắp nơi ủng hộ việc xây dựng ngôi
chùa Pháp Bảo. Mọi sự đồng góp xin liên
lạc về:

Đại Đức Thích Bảo Lạc - Chùa Pháp Bảo

1. Ridgewell - Lakemba NSW Sydney 2195
Australia

• Đại Đức Thích Tịnh Từ-Trụ trì chùa Tỳ
Quang tại San Francisco-California-Hoa Kỳ
mới ra một văn thư kêu gọi tất cả chư tôn
túc, các Hội Đoàn, các tổ chức Phật Giáo
khắp nơi hoan hỷ đồng góp tịnh tài để xây
dựng một Tu Viện cho giới Xuất Gia (Xin
xem bài Hưởng về Tu Viện). Văn kinh m o ng
chư Phật Tử xa gần ủng hộ chương trình này
Mọi sự đồng góp xin liên lạc về chùa Tỳ
Quang - Thích Quảng Chơn

243 Duboce Avenue, San Francisco-CA-94103
USA

• Một chiếc tàu Cap Anamur II đã được phép
hoạt động lại chung với tàu Pháp tên Gölo.
Gọi chung là Gölo/Cap Anamur II do Bác sĩ
Rupert Neudeck chủ xướng. Bác sĩ Neudeck đã
gửi lời kêu gọi đến toàn thể đồng bào Việt
Nam hiện cư ngụ tại nước Đức và khắp nơi
hỗ trợ con tàu tiếp tục để tàu này có thể
cứu nguy người vượt biên được nhiều hơn.
Mọi sự đồng góp, xin gửi thẳng về:

Komitee CAP ANAMUR II
Stadtsparkasse Köln - Nr. 22 22 222
BLZ 370 501 98

Mong tất cả đồng bào hưởng ứng cho.



Nhắn tin

Tìm Anh Trần Văn Liêm trước ở Recklinghau-
sen con ông Trần Văn Mưu trước ở Thành Phố
Thanh, Tỉnh Bến Tre, nay ở đầu - Xin liên
lạc về Phan Thị Khuê, Westenberg mate 69
8014 m.g. Zwoile, Holland để biết tin gia
đình.

Thông cáo

Chúng tôi xin thông báo về một cuộc thi vẽ cho trẻ em. Cuộc thi vẽ này do Radio France Internationale chủ xướng cùng với Phong Trào Chống Lại Sự Kỳ Thi Chúng Tộc (Mouvement contre le Racisme et pour l'Amitié entre les Peuples), gọi tắt là M.R.A.P. trong tháng tư vừa qua.

Đề tài của cuộc thi vẽ này là :
"EM HAY VẼ MỘT NGƯỜI TRONG XỨ EM"

Đề tài chỉ giản dị như vậy, các em có thể vẽ một em nhỏ, một người lớn, nơi các em đang sinh sống, hay cùng một xứ sở với các em. Trí tưởng tượng hay óc nhận xét của các em tha hồ được mở rộng trong cuộc thi vẽ này. Mục đích chính là cho tất cả các trẻ em có dịp nói lên những đặc tính của mình, trong sự hiểu biết và hòa đồng với những cộng đồng khác trên thế giới.

Điều kiện của cuộc thi vẽ như sau:

- Cuộc thi dành cho tất cả các trẻ em trên thế giới, từ 7 tuổi đến 14 tuổi;
- Cuộc thi kéo dài từ bây giờ cho đến ngày 30 tháng 9 năm 1983 là thời hạn chót để gửi hình vẽ;
- Các em có thể vẽ bằng bất cứ chất gì, bằng mực, bằng màu, với bút chì hay với bất cứ bút gì. Không giấy nên dùng khổ thể dụng 21 cm x 29,7 cm.

Mỗi em chỉ được gửi một hình mà thôi. Trên giấy vẽ các em nhớ đề tên họ và địa chỉ. Kèm theo hình vẽ là giấy của phụ huynh cho phép hội MRAP dùng hình vẽ để in lịch nếu hình được tuyển chọn.

Ban giám khảo gồm những nhân vật trong giới nghệ sĩ quốc tế, những đại diện của Radio France Internationale, những đoàn viên trong phong trào MRAP. Ban giám khảo sẽ họp vào đầu tháng 10 để tuyển chọn 13 hình vẽ có ý nghĩa nhất. Mười ba hình vẽ đó sẽ được dùng để in lịch năm 1984 và đăng trên báo DIFFERENCES của phong trào MRAP.

Quyên lịch này sẽ được giới thiệu trước

công chúng vào ngày 10 tháng 12 năm 1983 nhân ngày kỷ niệm thứ 35 của Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế về Nhân Quyền.

Giải nhất sẽ là một chuyến du lịch ở ngoại quốc. Tất cả những giải khác sẽ được công bố sau, gồm rất nhiều quà và phần thưởng cho các em.

Đây là một dịp rất hay để trẻ em Việt Nam góp mặt vào cuộc thi quốc tế. Những hình vẽ sẽ phản ánh đời sống của người Việt Nam qua đôi mắt trẻ thơ. Quý vị phụ huynh tại Pháp nên khuyến khích con em mình dự phần vào cuộc thi vẽ. Quý vị cũng nên cho gia đình và người thân ở Việt Nam hay biết, để các em hiện ở Việt Nam cũng được góp mặt vào cuộc thi vẽ và nói lên tiếng nói của mình.

Hình vẽ xin gửi về địa chỉ sau đây:

Emission 5 PHÚT VIỆT NAM
Radio France Internationale
116 Avenue du Président Kennedy
75786 PARIS cedex 16

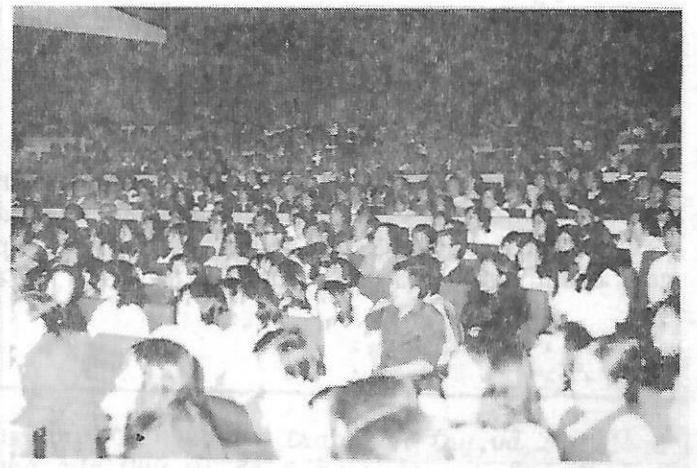
Muốn biết thêm chi tiết về cuộc thi vẽ, quý vị cũng có thể liên lạc về địa chỉ này. Xin nhắc lại là hạn chót để gửi hình vẽ cho cuộc thi là ngày 30 tháng 9 năm 1983. Quý vị nên theo dõi thường xuyên chương trình phát thanh bằng Việt Ngữ của Radio France Internationale mỗi sáng thứ hai, từ 6 g 55 đến 7 giờ, trên đài France Culture, vì chúng tôi sẽ thông báo những hình vẽ đã nhận được.

TRINH DI và AN LỘC



Hình ảnh Đại Lễ Phật Đản 2527 tại Hannover





Một ý kiến đóng góp về việc xây Chùa của một Phật tử

Sau đây là một bức thư đóng góp ý kiến về việc xây chùa trên của một Phật tử xin gửi đến quý vị.

Để tích cực hưởng ứng và tham dự trong các kế hoạch xây dựng văn hóa của giáo hội, hầu Đạo Phật trên thế giới được phổ biến mau lẹ và sâu rộng trên khắp mọi nơi. Chúng tôi dù tính sẽ góp phần vào việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác thật trang nghiêm, chưa từng được truyền thông văn hóa Á Đông để người con Phật dựa vào đó mà:

- nuôi dưỡng đức Đức Tín nơi cuộc đời
- tìm hiểu thêm đạo Phật dưới sự hướng dẫn bởi tinh thần Phật giáo của các vị Cao Tăng, Đại Đức.

Kính thưa quý vị đạo hữu,

Ngôi chùa Viên Giác tạm của chúng ta hiện nay có được là nhờ ở sự tài trợ của chính phủ liên bang và là cái nhân đầu tiên để Đạo Phật được xuất hiện và phổ biến một cách rộng rãi trên xứ Đức. Vì sự giúp đỡ của người Đức có hạn, đã đến lúc người Phật tử chúng ta phải tạo cái vỏ bọc ngoài cho ngôi chùa Viên Giác để:

- Chúng ta có thể nhìn ngôi chùa mà tưởng được quê hương và
- Người ngoại quốc nhìn vào không cho là hằng xưởng.

"Viên Giác cảnh chùa nay đẹp lắm
Nhìn qua chùa đứng cả quê hương
Tình thương gắn bó tình thương
Ai theo Phật pháp lên đường từ đây".

Thế thông của người ty nạn chúng ta có giữ được hay chẳng là do ở ngôi chùa, vì chùa không là một ngày một buổi mà là sức mạnh văn hóa của ngàn năm.

"Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống bao đời của Tổ Tông".

Vì thế chúng tôi tự nguyện đóng góp và mong sự hưởng ứng của quý vị Phật tử xa gần, các nhà chánh trị, kinh doanh thương mại, các hiệp hội, đoàn thể, văn nghệ sĩ tiếng tăm trên thế giới hay cùng chúng tôi đóng góp, cúng dường cũng như kêu gọi đóng góp tích cực trong sứ mệnh văn hóa dân tộc cho Phật sự ngày hôm nay vậy.

Trong quyển sổ vàng sẽ có các cột ghi như sau:

Họ và Tên	Địa chỉ	Điện thoại	Cúng dường	Cho mượn hội thiện
Phật tử Nha Sĩ TÔ VINH HÒA	-Marienhafen- Esperberstr.2 2986 Uppantschott	04934-367	6.000 DM	1,2, hoặc 3 cỗ phở

Người đại diện đi quyền tiền sẽ có biên nhận bằng tiếng Việt trao tận tay, và sau đó sẽ có biên nhận bằng tiếng Đức để gửi đến tận nhà của Quý vị, để tiện việc xin lại thuế từ chính phủ.

Phương danh quý Đạo Hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường và Lễ Phật Đản 2527

(Tính đến ngày 11 tháng 6 năm 83)

GĐĐH Huỳnh Lý(Aachen)100DM. GĐĐH Quách Nam Kim(")10DM. GĐĐH Lâm Lệ Quyên(")50DM. ĐH Vũông Thái Minh(Hamburg)20DM. ĐH Trần Th. Minh(")20DM. ĐH Phan Ngọc Anh(")20DM. ĐH Dường Thị Tuấn(")20DM. ĐH Trần Thị Hai(")30DM. ĐH Đào Hữu Chí(")10DM. ĐH Trần Phong Lữ(Hannover)hồi hướng hưởng linh thân phụ Trần Văn Hỷ PD Minh Quang 50DM. GĐĐH Lê Đức Khang(Hamburg)50DM. ĐH Nguyễn Thị Lý(Weil/Rhein)20DM. ĐH Tự Quốc Châu(Wei-Benthurn)20DM. ĐH Hàng Văn Lương(Paris)100fF. Bà Bắc sĩ Nguyễn Văn Kiều(")100fF. O. Bà Trần Quý Thiên(")100fF. ĐH Nguyễn Thị Bầy (Tastrup-Đan Mạch)100Kr. ĐH Điều Thuật(Mountain View CA USA)10US. GĐĐH Ng. Thị Hạnh(Braunschweig)hồi hướng hưởng linh thân phụ Nguyễn Văn Giỏi tức Dường Văn Ngân 300DM. ĐH Hưng Gia Cung(VA USA)72,88DM. ĐH Nguyễn Thị Thắng(Berlin)50DM. ĐH Nguyễn Thị Hải(TX USA)10US. ĐH Tô Khải Đức(Schweinfurt)50DM. GĐĐH Trần Trình(Braunschweig)hồi hướng hưởng linh Trần Trình 500DM. ĐH Trần Đình Thắng(Göttingen)10DM. ĐH Helène Antony(Düsseldorf)50DM. ĐH Trần Tiêu(Vechta)30DM. ĐH Bùi Xuân Là(")20DM. ĐH Trương Hồn Quyên(")30DM. ĐH Trần Vĩnh Hải(Bochum)50DM. ĐH Trần Thị Anh Hoa(Lahr)40DM. ĐH Lê Đức Khải(Tastrup-Đan Mạch)100Kr. GĐĐH Lâm Âu Kỳ(Pappenburg)hồi hướng hưởng linh Lâm Âu Kỳ 500DM. ĐH Huỳnh Lương(M'gladbach)20DM. GĐĐH Nguyễn Văn Hinh(Stuttgart)50DM. ĐH Tạ Thị Chu(Wildbad)20DM. ĐH Cao Thị Sâm(Spaichingen)30DM. ĐH Nguyễn Thị Tốt(TX USA)60US. ĐH Vũông Thủy Lệ(Köln)20DM. ĐH Lê Đình Hỷ(Paris)100fF. ĐH Tôn Thất Đình(Berlin)60DM. ĐH Trần Tam Muội(Moers)20DM. ĐH Võng Siu Khâm(")20DM. GĐĐH Trần Dương Vinh(Bonn)210DM. ĐH Lê Thị Lăng(Bremervörde)10DM. ĐH Lâm Thị Phụng(")10DM. ĐH Nguyễn Văn Phước(")20DM. ĐH Lê Tân Lộc(Haselünne)100DM. ĐH Nguyễn Thị Khiết(Hannover)30DM. ĐH Nguyễn Thị Tiên(Düsseldorf)10DM. PT Minh Không(Lausanne-Suisse)100fS. ĐH Phạm Hồng Sáu(Lingen/Ems)30DM. ĐH Châu Hoa 5DM. ĐH Lý Tam 10DM. ĐH Âu Dậu 10DM. ĐH Dương Cẩm Mậu

40DM. ĐH Trần Duyệt Minh 10DM. ĐH Trần Văn Sang(Dörentrup)20DM. ĐH Thái Thị Sắc(Pfor-zheim)20DM. ĐH Trần Quê Lang(")20DM. ĐH Trần Thị Huỳnh Mai(")20DM. ĐH Trương Ngọc Quỳnh 30DM. ĐH Trương Á Đê 20DM. ĐH Vòng Man Mui(Leverkusen)50DM. ĐH Lý Khánh Sanh 50DM. ĐH Trương Tướng Phát 100DM. ĐH Huỳnh Á Cửu 50DM. ĐH Trần Á Kiều-Trương Đại Hứa (Bürscheid)hồi hướng hưởng linh Phật Tử Trương Tướng Chấn 200DM. GĐPT Nguyễn Mạnh Hùng(Hannover)hồi hướng hưởng linh thân mẫu Lý Thị Gái 200DM. ĐH Liêu Wai Hoong(Goslar)40DM. ĐH Nguyễn Thị Thố(Aachen)50DM. ĐH Ngô Thoại Bình(Bad Iburg)100DM. ĐH Trần Ngọc Sang(")50DM. ĐH Lương Xuân Lan(")30DM. ĐH Châu Kiệt Ngọc(")10DM. ĐH Điều Thiên(")100DM. ĐH Lý Thành(")10DM. ĐH Ng. Đức Hạnh(Oberhausen)20DM. ĐH Trương Thị Mai(M'gladbach)30DM. ĐH Lâm Siêu Khung(Nordenham)20DM. ĐH Nguyễn Thị Anh(Berlin)30DM. ĐH Nguyễn Xuân Quang(AaHus-Đan Mạch)500Kr. ĐH Đỗ Trinh(Aalen)50DM. ĐH Diệp Thị Sơn(")20DM. ĐH Nguyễn Lệ Anh(Stade)20DM. ĐH Trần Hồ(Sweden)200Kroner. ĐH Nguyễn Thị Nhiều(Mönchengladbach)20DM. ĐH Đỗ Hữu A i(Oberhausen)20DM. ĐH Cam Chấn Tông(Hal-lein Áo)200 Schelling. ĐH Lê Nhật H i ề n(Maintal)100DM. ĐH Huỳnh Thị Tâm(Visé-Bi)200fB. ĐH Lâm Văn Minh(Hallejn Áo)200 Schelling. ĐH Trình Trọng Hiếu(Emden)50DM. ĐH Nguyễn Hữu Khiêu(Kronnenberg)100DM. ĐH Nguyễn Thị Vẽ(Krefeld)20DM. ĐH Trần Thị Thu Dung 20DM. ĐH Nguyễn Thị Ba, Liên Kim Cúc, Phạm Văn Hòa(Krefeld)30DM. ĐH Tô Tú Ai(Đan Mạch)100Kr. ĐH Dương Thị Quy(Essen)20DM. ĐH Trương Thị Mai(Mönchengladbach)30DM. ĐH Trần Văn Mẫn 20DM. Trương Tuyên 5DM. ĐH Phạm Thị Bích Vân 10DM. ĐH Tăng Cường 10DM. ĐH Ngô Ngọc Anh 10DM. ĐH Tô Vĩnh Phong 20DM. Gia đình người Việt tại Emden 10DM. ĐH Trần Văn Tuổi 20DM. ĐH Lê Thị Một, Nguyễn Văn Mai 200DM. ĐH Đỗ Thị Nường 30DM. ĐH Phạm Mui 4DM. ĐH Hà Ngọc Anh 20DM. ĐH Trần Siêu Niên 4DM. ĐH Vũông Hải 10DM. ĐH Lương Thị Thuần, GĐ O. Bà Hoàng Văn Thủy, ĐH Phạm Văn Trạch 100DM. ĐH Lê Thị Ngọc Yến 50DM. ĐH Đặng Hoàn Hào 50DM. ĐH Huỳnh Thị Chí 20DM. ĐH Đặng Văn Dịch 20DM

ĐH Phùng Lý 20DM.ĐH Đặng Muội 10DM. ĐH
 Quang Hải 10DM.ĐH Lê Thị Tuyết 20DM. ĐH
 Châu Thị Khanh 10DM.ĐH Vũ Đình Khang 20DM
 ĐH Tăng Quốc Cơ 20DM.ĐH Trần Hoa 20DM. ĐH
 Lê Thị Hai 2DM.PT và GĐ Nguyễn Văn Lý
 100DM.GĐ La Nam Tường 50DM.ĐH Châu Văn Nở
 5DM.ĐH Trâm Thế Ngưu 10DM.ĐH Trần Quang
 Trung 20DM.ĐH Trịnh Tài 10DM.GĐ Vương Đắc
 100DM.ĐH Nguyễn Thị Trinh 10DM.ĐH An Trach
 Quế, Hứa Tiến Châu 20DM.ĐH Chong A Lan, Lai
 Lập Phương 20DM.ĐH Nguyễn Quân, Dương Kiến
 Mỹ, Dương Kiên Lễ 2DM.ĐH Dianne Nga König
 100DM.ĐH Lê Hùng 30DM.ĐH Lý Văn Cường 10
 DM.ĐH Tạt Phoi Chan 10DM.ĐH Trần Kim Nhi
 20DM.ĐH Trần Duyệt Sanh 10DM.ĐH Lê Chặng
 20DM.ĐH Tạ Phước Thái 20DM.ĐH Phạm Văn
 Dung 20DM.ĐH Lenh Ham Kin, Lau Nipphu 10DM
 ĐH Trương Thị Hưởng 10DM.ĐH Say Mui 2DM.
 ĐH Diệu Thu 20DM.ĐH Nguyễn Văn Phúc 50DM.
 ĐH Du Cam 20DM.ĐH Huỳnh Thanh Tùng 10DM.
 GĐ Châu Chương 10DM.ĐH Trần Mao 20DM. ĐH
 Nguyễn Thị Hồng 30DM.ĐH Quang Xi Muội và
 Lương Mang 5DM.ĐH Lê Ngọc, Trần Thị Anh PD
 Thiên Nhủ Lai Ngọc 40DM.ĐH Trưởng tôn Châu
 (Giessen) 50DM.ĐH Hà Quốc Ân (Berlin) 10DM.
 ĐH Liêu Mạnh (Helmstedt) 20DM.ĐH Ta Sinh
 (Rotenburg) 10DM.ĐH Khuu Mỹ Tiên (Filder -
 stadt/Plattenhardt) 10DM.ĐH Ky Kinh Chi
 (Helmstedt) 20DM.ĐH Trần Phúc Hiến (Sindel-
 fingen) 20DM.ĐH Trần Xó (Helmstedt) 20DM. ĐH
 Nguyễn Thị Tú (Sindelfingen) 20DM.ĐH Tăng
 Canh Thái (Meppen) 50DM.ĐH Vương Vực (") 20DM
 ĐH Võ Thông (Oberhausen) 20DM.ĐH Trịnh Bích
 Chánh, Đặng Tú Anh, Nguyễn Thị Kim Ngôn, Ng.
 Thị Kim Hạnh (Hamburg) 40DM.ĐH Võ Thị Hoàng
 Mai (") 20DM. Tiêm Thực Phẩm Á Đông (") 100DM.
 ĐH Đỗ Xúc Lê (Sindelfingen) 20DM.ĐH Viên Kim
 Huy (") 50DM.ĐH Huỳnh Thế Mỹ (Trappenkamp) 20
 DM.ĐH Lý Khải An (Braunschweig) 30DM. ĐH
 Trần Thành Cường (Rotenburg) 50DM. Bà Huê Lộc
 (Grande Motte France) hội hướng hướng linh
 Lê Ngọc Diệp PD Huê Đức 50DM.PT Phạm Đăng
 Anh Tuấn (Kassel) cầu an chợ Bà Võ Thị Mai
 PD An Huỳnh 50DM.ĐH Nguyễn Văn Hai (Vier-
 sen) 5DM.ĐH Nguyễn Tiên Quang (Im Gehren 2)
 20DM.ĐH Lương Khải (Badiburg) 20DM.ĐH Lý Lệ
 Nga (Salzbergen) 20DM.ĐH Lữ Thanh (Oldenburg
 30DM.ĐH Đặng Hoang Ninh (Berlin) 10DM. GĐPT
 Tuệ Hoa (Braunschweig) 100DM.ĐH Diệu Thái
 (Giessen) 100DM. Mã ông Lê Quý An 10DM. GĐ
 Ông Mạnh (Wuppertal) 10DM.ĐH Ân danh (Roten-
 burg) 30DM.ĐH Hà, Lâm Kim Liên (Mönchenglad-
 bach) 50DM.ĐH Hà Toàn Vinh (") 10DM.ĐH Giang
 Lang Mai (Nürnberg) 20DM.ĐH Quách Thị Lý (")
 10DM.ĐH Hoàng Tuyết Thanh (Wuppertal) 10DM.

ĐH Trần Kiệt (Lüneburg) 10DM.ĐH Nguyễn Thị
 Lan (Essen) 30DM.ĐH Vương Thế Anh (Aachen)
 10DM.ĐH Huỳnh Mũi (Oldenburg) 50DM.ĐH Hứa,
 Trương Hùng và GĐ ở VN (Oldenburg) 30DM.ĐH
 Nguyễn Ca, Phạm Thị Liên Nga (Oberhausen)
 5DM.ĐH Nguyễn Ngọc Ân (Viersen) 20DM.ĐH Ng.
 Văn An (") 10DM.ĐH Nguyễn Thị Kim Dung (Düs-
 seldorf) 20DM.ĐH Nguyễn Minh Huê (") 5DM. GĐ
 Nguyễn Văn Lương (") 20DM. GĐ Nguyễn Thị
 Trướng (") 20DM.ĐH Dương T.P. (Nienburg) 5DM
 ĐH Tham Say Và (Bochum) 50DM.ĐH Chu Hải
 Minh (") 20DM. GĐ Lê Xuân Cơ (") 20DM.ĐH Đàm
 Quang Mẫu (Berlin) 10DM.ĐH Lý Vĩnh Lợi (Ham-
 burg) 20DM.ĐH Huỳnh Thị Tuyết (") 20DM. ĐH
 Trường Quan (") 10DM.ĐH Lok Peng Fong (Nor-
 denham) 20DM.Ồ. Bà Nguyễn Văn Nuà (Claus -
 thal-Zell) 20DM.ĐH Mai Thị Kim Hoàn (Nor-
 den) 10DM.ĐH Đào Trọng Hợp (Karlsruhe) 50DM
 ĐH Trần Đăng Thanh (") 50DM.ĐH Dương Thị
 Kiệt (Herzogenarach) 50DM.ĐH Trần Hoa Lê
 (Sindelfingen) 10DM.ĐH Huỳnh Xuân Hòa (Bad
 Iburg) 20DM.ĐH Huỳnh Tứ (Bad Iburg) 20DM.ĐH
 Tiêu Thị Thi (Erlangen) 50DM.ĐH Dư Anh Kiệt
 (Buchholz) 20DM.ĐH Trần Kế Cường, Trịnh Oai
 Chanh, Trần Thị Mỹ, Trần Khôn (Nordenham) 40
 DM.ĐH Tang Tấn (Achim) 20DM.ĐH Tăng Hồng
 Sướng (Bad Oldeslo), GĐ Đức Phan 50DM. ĐH
 Hứa Kinh Minh (Celle) 10DM.ĐH Nguyễn Thị
 Duồng (Essen) 20DM.ĐH Trang Lê Mai (Helm-
 stedt), Trần Kính Hùng, Trần Giai Hao 50DM.
 ĐH Huỳnh Thiết Huê (Helmstedt) 20DM.Đào huê
 Duồng Sang (") 20DM.ĐH Châu Chương (Karls-
 ruhe) 50DM.ĐH Quách Thị Huê (Krefeld) 20DM.
 ĐH Tiêu Chí Hùng (") 20DM.ĐH Đỗ Văn Chánh
 (Uelzen) 20DM.ĐH Huỳnh Thị Mai (") 20DM. ĐH
 Đinh Ngọc Diệp (") 10DM.ĐH Châu Ngọc L a n
 (Braunschweig) 20DM.ĐH Nguyễn Văn Bảo, Đào
 Thị Liên (Recklinghausen) 40DM.ĐH Phạm Quốc
 Việt (") 200DM.ĐH Nguyễn Thị Phụng (") 40DM.
 Bắc Vũ (Berlin) 100DM.ĐH Lê Thị Bảy (Neuss)
 20DM.ĐH Trần Thị Trung (Dormund) 150DM. Bà
 Trịnh Tài Nguyệt (Emden) 10DM.ĐH Nguyễn Văn
 Minh (Köln) 30DM.ĐH Mai Thị Sifnentes (Hess
 Oldendorf) 10DM.ĐH Dương Mọc Vinh (Gre-
 frath) 10DM.ĐH Quách Hoàng Vũ (") 20DM. ĐH
 Phan Công Đổ, Trần Thị Hiền PD Viên Tuyết
 (Clausthal-Zell) 20DM.ĐH Dư Văn Hiền (Lahr
 20DM.ĐH Nguyễn Tô Nga (Emden) 20DM.ĐH Lâm
 Đại Sanh (Nienburg) 20DM.ĐH Trần Anh Dũng
 (Bad Iburg) 20DM.ĐH Trần Ngọc Thu (Bergka-
 men) 20DM.ĐH Tăng Ngu Sơn (Stadthagen) 20DM
 ĐH Trần Thị Hoa (Bochum) 10DM.ĐH Trưởng
 Triệu Bắc (Albstadt) 50DM.ĐH Thị Chí Hùng
 (Clöpenburg) 20DM.ĐH Trần Thị Hồng Diệu
 (Rodgau) 20DM.ĐH Hùng Thục Kim (Trossingen)

50DM.ĐH Hà Lê(Mönchengladbach)10DM. ĐH
 Dương Xuân Sang(Darmstadt)20DM.ĐH Nguyễn
 Thanh Vân,Võ Thị Lý D.Huông(Erlangen) 20
 DM.ĐH Trương Kim Anh(Rotenburg)40DM. ĐH
 Nguyễn Văn Đông(Herford)10DM.ĐH Nguyễn
 Văn Diên(Helmstedt)60DM.ĐH Lôi Vinh Ván
 (Hamburg)5DM.ĐH Lê Phước Non(München) 40
 DM.ĐH Liêu Thị Tú(Göttingen)20DM.GĐ Ng.
 Văn Hai(Viersen)20DM.GĐ Trưởng G i a n g
 (Münster)20DM.ĐH Diệp Huệ Hào(Hopsten)10
 DM.ĐH Lâm Phát(Bad Oldeslo)10DM.ĐH Đoàn
 Công Thới,Nguyễn Thị Ngọc Anh,Lâm Thanh
 Tùng(Wildbad)50DM.GĐ Trần Việt Chương
 Mühlheim/Main)70DM.GĐ Trần Thị Chuẩn (")
 20DM.ĐH Antony Đình Thị Toàn(Düsseldorf)
 10DM.ĐH Jacline Antony(")10DM.ĐH Lê Văn
 Hiến(")50DM.ĐH Trần Văn Hoàn(")10DM. ĐH
 Đỗ Thanh Nhân(")20DM.ĐH Phạm Thị Bưởi(")
 20DM.Cu Lại Thị Hiệu và ĐH Đỗ Văn Lợi(")
 20DM.ĐH Nguyễn Thị Việt Tam(")10DM.ĐH Lý
 Chân Lỗi(Salzbergen)100DM.ĐH Lâm Anh (")
 20DM.ĐH Nguyễn Thị Sáu(Recklinghausen)20
 DM.ĐH Nguyễn Văn Hùng(")20DM.ĐH Trưởng
 Nam Hoa(Achim)20DM.ĐH Lạc Chân Hùng(")10
 DM.ĐH Quách Hùng(Nordenham)và ĐH Trần Kế
 Cường(")20DM.ĐH Mã Xuân Hồng(Oldenburg)
 10DM.ĐH Ái Liêu Bạch(")10DM.ĐH Nguyễn Văn
 Kong và ĐH Phạm Thị Lan(Karlsruhe)20DM .
 ĐH Nguyễn Văn Bông(")50DM.ĐH Nguyễn Thị
 Tâm(Erkrath)10DM.ĐH Chiêm Thị Hương(")10
 DM.ĐH Lý Thanh Tân(Braunschweig)20DM. ĐH
 Nguyễn Văn Nam(")20DM.ĐH Lâm Cam Long(")
 10DM.ĐH Nguyễn Văn Dũng(Trappenkamp)20DM
 ĐH Nguyễn Văn Bội(")10DM.ĐH Nguyễn Thị
 Nhân(")50DM.ĐH Đám Quang Tuất(Berlin) 20
 DM.ĐH Nguyễn Thị Thanh Hoàng(")50DM. ĐH
 Lộc Ái Phương(")20DM.ĐH Đám Quang Yến(")
 20DM.ĐH Đám Ngọc Nga 20DM.ĐH Ung Han Khi
 (")10DM.ĐH Đám Quang Tuấn(")20DM.ĐH Ng.
 Thị Liên(Köln)30DM.ĐH Nguyễn Kim Chương
 (")40DM.ĐH Lê Văn Kết(")20DM.ĐH Mai Hoàn
 Thiện(")50DM.ĐH Nguyễn Khắc Mai(")20DM .
 ĐH Vilay San Sin(Köln)50DM.ĐH Ninh Thị
 Muội(")20DM.ĐH Đặng Văn Đoc(")50DM. ĐH
 Trưởng Văn Táo(Erlangen)20DM.ĐH Nguyễn
 Văn Phúc(Lünen)20DM.ĐH Nguyễn Tú Hùng(")
 20DM.ĐH Lương Văn Xinh(Karlsruhe)20DM.ĐH
 Giang Lang Hia(Nürnberg)20DM.ĐH Huỳnh
 Thành 50DM.Các bạn hữu của Cam Hoàng Long
 quyên cúng 120DM.ĐH Hợp và Nguyễn Đông
 (Bonn)100DM.ĐH Nguyễn Văn Thuận(Köln) 30
 DM.ĐH Lê Văn Sáu(Morel-Hòa Lan)30DM. ĐH
 Nguyễn Thị Lộc(Leenwarden-Đan Mach)50DM.
 ĐH Ngô Thị Thiệp(Raferwerd)25DM.ĐH Lê Văn
 Đây(")20DM.ĐH Vô Thiệt(")25DM.ĐH Đỗ Thị
 Út(Harlingen)25DM.ĐH Quyên(Sperling)50DM

GĐĐH Dương Hi Mậu(Braunschweig)hội hưởng
 hưởng linh Dương Hy Đức 200DM.GĐĐH Trần
 Thị Soan(Kiel)150DM.GĐĐH Nguyễn Thị Hoa(")
 50DM.ĐH Huỳnh Thị Mai(Uelzen)10DM.PT Đình
 Ngọc Bình và Lê Ngọc Nga(Hannover)100DM .
 ĐH Hứa Ngọc Mai(Paderborn)20DM.ĐH Huỳnh
 Thị Seng(Geilenkirchen)20DM.GĐĐH Lâm(Par-
 penburg)180DM.ĐH Nguyễn Thị Hương(Köln)
 10DM.ĐH Nguyễn Văn Bằng(")10DM.ĐH Nguyễn Thị
 Bạch Ngọc(")10DM.ĐH Nguyễn Bạch Tuyết
 (Wolfhagen)20DM.ĐH Trần Đình Thắng(Göttin-
 -gen)20DM.ĐH Chang A Sang(Pforzheim)20DM.
 ĐH Nguyễn Văn Lợi(")100DM.ĐH Đoàn Văn Thới
 (")100DM.ĐH Nguyễn Văn Mỹ(")100DM.ĐH Dương
 Thị Mỹ(Wiesbaden)200DM.ĐH Diệu Thố(Köln)
 40DM.ĐH Trần Văn(")20DM.ĐH Hà Thị Hai(G-
 marienhütte)30DM.ĐH Mai Thị Nữ(Bad Ibürg)
 30DM.Mã anh Lê Quý An(Hòa Lan)10DM.ĐH Lê
 Thị Một và ĐH Nguyễn Văn Hai(Berlin)200DM
 ĐH Trần Ngọc Đức(")20DM.ĐH Huỳnh Ai Mỹ
 (Bad Ibürg)20DM.ĐH Phạm Ngọc Diệp(")50DM.
 ĐH Ngô Thoại Bình(")30DM.ĐH Ngô My Châu
 (")30DM.ĐH Hà Ngọc Anh(G'marienhütte)20DM
 ĐH Nguyễn Văn Hùng (RE)20DM.ĐH Phạm Muội
 (Salzbergen)50DM.ĐH Trịnh Minh Tâm(Bad -
 Pymont)20DM.ĐH Tăng Cảnh Thái(Meppen) 50
 DM.ĐH Vương Vực(")20DM.ĐH Đặng Văn Ry(Ber-
 -lin)20DM.ĐH Nguyễn Thị Phương(Wedel)50DM
 ĐH Tạ Ngọc Phương(")10DM.GĐĐH Mã Tuấn Diệp
 (Hamburg)hội hưởng hưởng linh PT Vương
 Giám Tuyên 450DM.ĐH Hồ Văn Nguyên(Paris)
 300ff.ĐH Trần Thị Hiệp(Montreal-Canada)20
 US.ĐH Nguyễn Crounne(Grevenbroich)100DM .
 ĐH Nguyễn Thị Long(Rheine)20DM.ĐH Tô Xuân
 Chính,Tô Xuân Nguyệt,Tô Xuân Ngọc(")20DM.
 ĐH Lê Quý An(Hòa Lan)100DM.Đạo hữu Tô T y
 hội hưởng Giác Linh Hòa Thượng Thích Phổ
 Ứng 100DM.ĐH Nguyễn Văn Trung(Hannover)
 50DM.ĐH Lý Huỳnh Bá(Gelsenkirchen)100DM .
 ĐH Trần Đức Phát(G'marienhütte)20DM. ĐH
 Giang Ngọc Loan(Heinsberg)50DM.ĐH Vương
 Diên Hiều và Lê Thị Thanh Tâm(Köln)40DM .
 ĐH Đỗ Trọng Hoàng(DietzhölztaI-Ewersbach)
 10DM.GĐĐH Lê Thị Thanh(Wunstorf)hội hưởng
 hưởng linh PT Lê Đức Hùng 100DM.ĐH P h ù
 Quốc Doãn(Hannover)10DM.ĐH Diệu Niên(Han-
 nover)500DM.Hội Phát Giáo Việt Nam tại Na
 Uy một vé máy bay khứ hồi Hannover- Oslo-
 Hannover.ĐH Lý,Phan Thọ(Göttingen)20DM.ĐH
 Nguyễn Văn Lộc(Holland)50Hol.ĐH Phan Văn
 Hoa(Reutlingen)10DM.ĐH Vô danh(Wiesbaden)
 50DM.ĐH Dương Q.Việt(Stuttgart)10DM. ĐH
 Huỳnh Cẩm Loan(Lausanne-Suisse)20fS. ĐH
 Bùi Xuân Thao(Baden Baden)60DM.ĐH Nguyễn
 Thị Nguyệt(Mannheim)30DM.ĐH Trưởng Kim Lan
 (Münster)20DM.

Dịnh kỳ

ĐH Nguyễn Bình Dương(Lünen)60DM/3-5/83 .
ĐH Diệu Hảo(Krefeld)100DM/4-8/83.ĐH Ng.
Thanh Tuy(Recklinghausen)60DM/6-12/83.ĐH
Dương Văn Phương(Essen)40DM/4-7/83.ĐH Lê
Văn Hồng(Lohr am Main)120DM/7-12/83.ĐH Ô
Thị Hai(Haren)140DM/6-12/83.PT Phạm Đăng
Anh,Tuân(Kassel)80DM/5-8/83.ĐH Tô Văn
Phước(München)60DM/5-7/83.PT Lý Diệu Anh
(Vechta)50DM/5&6/83.

Báo Viên Giác

ĐH Diệu Thuật(Mountain View CA USA)10US.
ĐH Nguyễn Thị Hải(TX USA)10US.ĐH Lê Như
Thắng(Úc)20DM.ĐH Hà Chân Xướng(Hoà Lan)
20DM.ĐH Lê Tân Lộc(Haselünne)50DM.PT Ng.
Nguyễn Mạnh Hùng(Hannover)50DM.Dr. Phạm
Hữu Minh(Lampertheim)50DM.ĐH Khẩu Nhân
(Nienburg)15DM.ĐH Diên Văn Kinh(DanMach)
100Kr.ĐH Lê Thị Mạo(Essen)20DM.ĐH Hồ Văn
Nguyên(Paris)200FF.ĐH Dương Văn Phương
(Essen)5DM.ĐH Giang Huỳnh Hương(Lichten-
stein)20DM.ĐH Ngô Văn Hoài(CT USA)20US .
PT Trương Tân Lộc(Hannover)20DM.ĐH Trần
Hữu Long(Canada)30US.Dr. Nguyễn Khắc Tiên
Tùng(München)100DM.ĐH Nguyễn Thanh Quan
(Nederland)28DM.

ĐH Giang Huỳnh Hương(Lichtenstein) 50DM
in kính sách.

Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho tất cả Quý
vị Đạo Hữu và Quý Phật Tử phước trí nhị
nghiêm, Bồ Đề quả mãn.



▲檳城極樂寺楊柳觀音



Hương Phật đài

Nhạc mở đầu

LÊ MỘNG NGUYÊN



NHIP ĐI



Đầy đoàn thanh niên xông pha không sờn gió sương . Soi đường cho



bao sinh linh đón đau trần thế . Ta đoàn thanh niên hy



sinh đem nguồn vui sống cống cho muôn người hoàn toàn vượt đời lầm



mê . Xa xăm muôn trùng nghìn bước đi . Vang vang chân trời lời Tú



Bí . Ta vĩ Đạo mà tiến lên . Quyết vì người nào có quên .



Thanh niên đi ! Không nề khó khăn . Nhớ lấy rằng bao người trông



ngóng . Chúng ta gieo khắp nơi mùa xuân . Thanh niên ơi ! Vì Đạo tiến



lên . Cúi xin Phật chứng trí lòng ai . Theo gương



Ngài hồn thâm nào phai . Đây đoàn thanh